

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH



THƯỢNG SANH
CAO HOÀI SANG
THẬP NHỊ BẢO QUÂN

Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG

— 1974 —



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2012

hai • không • một • hai

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HT TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 02/09/2020

Tâm Nguyên

THƯỢNG SANH
CAO HOÀI SANG
& THẬP NHỊ BẢO QUÂN
Hiền Tài **TRẦN VĂN RẠNG**



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	9
CHƯƠNG I	
MỘT NGƯỜI THANH LIÊM	11
CHƯƠNG II	
NGỘ ĐẠO VÀ ĐẮC PHONG THƯỢNG SANH (1925–1937)	15
CHƯƠNG III	
ĐAU LÒNG VÌ NỀN ĐẠO BỊ PHÂN CHIA (1937–1940)	43
CHƯƠNG IV	
TẠO TRUYỀN THỐNG CHO CON ĐƯỜNG TU NHƠN ĐẠO	57
CHƯƠNG V	
HÀNH ĐẠO TẠI TÒA THÁNH (1956 - 1971)	67
CHƯƠNG VI	
VIỆC THỐNG NHẤT CHI PHÁI	73
▪ 1. Điều Kiện Qui Nhứt Về Tòa Thánh.....	73
▪ 2. Sự Vận Động Hợp Nhất Các Phái Đạo.....	76
▪ 3. Việc Thống Nhất Văn Tiến Điều.....	77
CHƯƠNG VII	
TIẾP TỤC XÂY DỰNG CƠ SỞ ĐẠO	81
▪ 1. Ban Đạo Sử.....	81
▪ 2. Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách.....	83
▪ 3. Tư Cách Pháp Nhân.....	84
▪ 4. Quy Điều Ban Thế Đạo.....	88
▪ 5. Thập Nhị Bảo Quán.....	94
▪ 6. Cơ Quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý.....	95
▪ 7. Tịnh Thất Vạn Pháp Cung.....	96
□ 1. Thánh Thất thuộc Phổ Độ.....	100
□ 2. Đại Thừa Chơn Giáo.....	104
□ 3. Vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp với bí pháp.....	104
▪ 8. Việc Tu Tạo Thánh Thất.....	110
▪ 9. Các Điện Thờ Phật Mẫu.....	111
▪ 10. Cục Lạc Cảnh.....	112

▪ 11. Viện Đại Học Cao Đài.....	116
▪ 12. Đại Đạo Thanh Niên Hội.....	117
▪ 13. Đạo Đức Văn Đàn.....	119

CHƯƠNG VIII

LỄ KHÁNH THÀNH CÁC CƠ SỞ ĐẠO.....123

▪ 1. Lễ Khánh Thành Nhà Hội Vạn Linh.....	124
▪ 2. Lễ Đặt Viên Gạch Đầu Tiên Xây Dựng Chánh Môn	125
▪ 3. Lễ Khánh Thành Vương Rào Báo Quốc Từ	128
▪ 4. Lễ An Vị Đức Phật Mẫu Nơi Điện Thờ Trường Qui Thiện	131
▪ 5. Lễ Khánh Thành Nhà Thuyền Bát Nhã Trung Ương	135
▪ 6. Lễ Khánh Thành Học Đường Bộ Nhạc	139
▪ 7. Lễ Khánh Thành Cơ Quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý	143
▪ 8. Lễ Khai Giảng Khoá Huấn Luyện Chức Việc Ban Trị Sự.....	146

CHƯƠNG IX

SỨ MẠNG LÀM XONG

▪ 1. Bữa Tiệc Cuối Cùng	151
▪ 2. Hội Thánh Báo Tang.....	153
▪ 3. Đức Cao Thượng Sanh Giáng Cơ.....	154
▪ 4. Tuyên Dương Công Nghiệp Đức Cao Thượng Sanh	157

THẬP NHỊ BẢO QUÂN & PHỤ TRANG.....161

▪ 1. Quá Trình Thành Lập Thập Nhị Bảo Quân	161
▪ 2. Đạo Phục Và Sắc Phong	164
▪ 3. Văn Tế Đức Cao Thượng Sanh	167
▪ 4. Văn Tế.....	171
▪ 5. Huấn Từ Cửa Đức Thượng Sanh.....	174
▪ 6. Huấn Từ	178
▪ 7. Phương Pháp Tu Thân Với Thuyết Tam Lập	183
▫ Sao gọi là LẬP ĐỨC.....	185
▫ LẬP CÔNG	189
▫ LẬP NGÔN.....	191

**THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG
THẬP NHỊ BẢO QUÂN**

Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG

Cao Học Sử

1974

LỜI NÓI ĐẦU

TRONG BA VỊ THIÊN SỨ SÁNG LẬP ĐĐTKPĐ TÔI CÓ DIP ĐẾN HỌC ĐẠO VỚI ĐỨC CAO THƯỢNG SANH vào cuối những năm sáu mươi của thế kỷ này. Khi biết tôi giữ Nhiệm Văn hoá BTĐ, Ngài nói rõ là: bí pháp Đạo Cao Đài ngoài Đức Phạm Hộ Pháp, Cao Thượng Phẩm và Ngài thì ít ai thấu rõ bốn nguyên nền Đại Đạo. Ngài nói: *“Qua muốn các em phải làm sáng tỏ các nét chính của Đạo Cao Đài như dưới đây để tránh sự ngộ nhận của người ngoại giáo”*.

1. Về tôn giáo: Ngài xác nhận Cao Đài là một tôn giáo bắt nguồn từ khoa học tâm linh của các Hội Thần Linh Học, Thông Thiên Học ở Tây Phương và nhất là phong trào xây bàn ở Châu Âu vào thế kỷ XX. Cho nên Đạo Cao Đài là nền khoa học tâm linh kết hợp với tư tưởng tâm linh của Á Đông nói chung, hay nói riêng tư tưởng của Đạo Cao Đài chung đúc, mang xã hội tính Việt Nam qua nhiều triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần – Phật, Khổng, Lão và gần đây Thiên Chúa Giáo. Chính vì vậy, buổi đầu nhiều vị Hoà thượng, Yết Ma, nhiều vị theo Lão Giáo, Khổng Giáo gia nhập Đạo Cao Đài. Và chính những vị này khi viết sách cho Đạo mới, vô hình trung họ chỉ thấy bản sắc Đạo cũ của mình. Do đó làm cho khách ngoại Đạo càng khó hiểu Đạo nhà. Có người đi xa hơn cho Đạo Cao Đài là những mảnh vỡ của nền văn hoá Việt Nam được ghép lại. Người ta quan niệm sai lầm như vậy là tại ta chưa làm sáng tỏ bốn nguyên tư tưởng Đại Đạo.

2. Về việc thờ Thiên Nhân: Ngoài bốn câu giải nghĩa của Đức Chí Tôn: *“Nhân thị chủ tâm...”*, Thầy còn dạy thêm: *“Chưa đến lúc các con hiểu được”*. Qua được chỉ dạy:

con mắt là cửa ngõ của tâm hồn. Mắt là cơ quan linh hoạt thích ứng với mọi hoàn cảnh. Do đó, mắt biểu thị sự uyển chuyển, bao dung. Còn trái tim là cấu trúc hoàn hảo tinh tế nhất của Đức Chí Tôn, chưa có bộ máy nhân tạo nào chạy liền từ 60 năm trở lên mà không hư hoại ngừng nghỉ như tim, chưa kể đến tính năng chịu đựng bền bỉ của nó. Do đó, tim biểu thị sự nhẫn nhục, chịu đựng và trường cửu.

Những tính chất uyển chuyển, bao dung, nhẫn nhục, chịu đựng và trường cửu là những đức tánh của mỗi tín đồ phải có.

3. Việc thờ Đức Phật Mẫu: Đây là điểm đặc biệt của nền tôn giáo.

4. Về kinh sách Đạo: Buổi ban sơ, ba vị Thiên sứ được lệnh Đức Chí Tôn, dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Vương Quan Kỳ (gốc người Hội Minh Lý tức Tam Tông Miếu) qua Hội Minh Lý xem cách hành lễ và thỉnh Kinh Tứ Thời mà thôi. Về sau có một số người thỉnh thêm bản Kinh Sám Hối, Xưng Tụng Thần, Thánh, Tiên, Phật... Việc này Thầy có dạy: *“Tùy tâm một ít môn đệ, chớ Đạo Thầy không phải như vậy, không mê tín dị đoan”*.

Đức Cao Thượng Sanh dạy thì nhiều, nhưng tôi chỉ có khả năng ghi lại bấy nhiêu ý chính. Ngài còn chỉ tôi tìm học Đạo với Bà Tư Đầu Sư và Ngài Trương Hiến Pháp. Còn việc viết tiểu sử Ngài thì đợi khi nào Ngài qui thì sẽ viết. Do đó, sách này viết lâu nhưng chưa in là vậy.

Kỷ niệm ngày Giỗ đầu của Đức Cao Thượng Sanh

TRẦN VĂN RẠNG

CHƯƠNG I

MỘT NGƯỜI THANH LIÊM

DỨC CAO THƯỢNG SANH QUÍ DANH LÀ CAO HOÀI SANG, SINH NGÀY 11/9/1900 TẠI XÃ THÁI BÌNH, tỉnh Tây Ninh. Thân sinh là cụ Cao Hoài Ân, một vị Thẩm Phán đầu tiên tại Miền Nam, và thân mẫu là Bà Hồ Hương Lự (được ân phong Nữ Đầu Sư). Đức Ngài là con út trong gia đình có ba anh em. Người anh cả là Ngài Cao Đức Trọng, Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài, và chị là Giáo Sư Cao Hương Cường (Giám đốc Cô nhi viện Tây Ninh).

Sau khi thi đỗ bằng thành chung, Đức Ngài vào làm việc tại Sở Thương Chánh (tức Quan thuế Sài Gòn) cho đến chức Tham Tá Thương Chánh rồi hồi hưu. Thuở thanh niên, Ngài lập gia đình hạ sinh 9 người con, năm trai và bốn gái. Người con đầu lòng là Hiền tài Cao Hoài Hà và người con út là Cao Minh Tâm.

Trong thời gian làm viên chức, Ngài còn là một nhạc sĩ tài hoa của trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon. Ngươn linh Ngài vốn là Lữ Đồng Tân thổi tiêu, một người thích tiêu dao với thiên nhiên cùng tiếng nhạc dìu dặt. Ngài đã mời nhiều đoàn nghệ sĩ về Thánh Địa diễn các vở tuồng do Ngài biên soạn được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt.

Suốt quãng đời làm viên chức Nhà nước, Đức Ngài nổi tiếng là thanh liêm dù làm ngành quan thuế có nhiều cám dỗ. Vào những năm 40 của thế kỷ này, nhiều du khách Việt Nam thường sang Pháp rồi về, trong số đó có một bà ở Đakao, từ Paris về Saigon có mang về nhiều hàng quý nhưng khai báo không rành, nên bị quan thuế giữ lại. Bà này được một

người bạn của Đức Ngài giới thiệu và nhờ giúp đỡ. Ngài vui lòng chỉ dẫn thủ tục và lấy được kiện hàng êm xuôi. Vài hôm sau, Bà đó tìm đến nhà Ngài, có mang tặng Ngài một tượng Phật bằng đồng cao độ hai tấc. Ngài cảm ơn và nói rằng:

– Bà tặng cho tôi tượng Phật là điều hợp với lý tưởng của tôi đang theo. Nhưng một người đã quyết tụng Kinh niệm Phật thì trong lòng phải “*rỗng*” sạch, tiền bạc không ham, danh lợi không màng.

Tượng Phật bằng đồng giá không đáng là bao nhiêu, nhưng trong ruộc nó, Bà kia đã để một cuộn tiền trong đó, vì Bà sợ đưa thẳng thì Ngài khó nói và chắc chắn Ngài không nhận. Tuy bà đã để tiền kín và trét đất tượng Phật lại, mà Ngài vẫn biết, từ chối một cách khéo léo. Bà kia phải xin lỗi và đem tượng Phật ra về.

Một lần kia, Ngài xét duyệt đơn khiếu nại của một số hồ sơ, trong đó có một đơn với lời khai không thành thật, nên ở giữa có kèm tiền. Ngài gọi đơn sự lại trả đơn và nhắn nhủ:

– Tôi làm “*quan*” cần hai tiếng thanh liêm, anh làm dân đối đãi với nhân dân cần hai tiếng thành thực, nếu giúp cho anh mà thiệt cho người khác thì lương tâm tôi không bao giờ cho phép, còn giúp cho anh có lợi khác mà không thiệt hại cho ai, tôi sẵn sàng giúp mà không cần sự cầu báo vì đạo người đã ghi tạc nơi lòng tôi như vậy.

Xem thế ta nhận rõ bản chất Ngài là người có tinh thần đạo đức cao độ, biết thương người, giúp đỡ người mà không cần người trả ơn. Những người bạn đồng thời với Ngài cùng làm quan thuế ai cũng nhà cao cửa rộng, riêng Ngài trước sau vẫn ở một hẻm tại đường Cô Bắc (Saigon), sống một cuộc đời đạm bạc thanh cao.

Bởi lẽ, Đức Ngài quan niệm rõ ràng về người tu sống

giữa xã hội như vậy: “Người tu hành phải thành thật, ngay thẳng, trước là tự thành thật với mình, rồi mới có thể thành thật đối với bạn đạo và đồng loại... Người tu sĩ Cao Đài phải biết vì đời mà chịu khổ, thật thành chủ nghĩa vị tha, dám quên mình mới thực là xả thân cầu Đạo, đem đời sống hiến trọn cho Đạo và cho nhơn sanh”. Sự quả quyết hy sinh do nơi lòng trắc ẩn trước mọi đau khổ thế gian. Tình thương phải được lan tràn vây kín đám nhơn sanh. Nhứt là đám dân bần hàn khốn khổ để thực hiện câu: Đem đạo cứu đời, nếu thiếu lòng thương yêu, không làm được những điều Đức Chí Tôn dạy bảo.

“Bởi thế, luật thương yêu không phải một đề nghị, một ý kiến có thể chấp nhận hay không. Luật thương yêu là một thể mạnh linh thiêng mà chúng ta phải nhận lãnh vô điều kiện. Vì sự thương yêu đưa chúng ta đến gần với Đức Chí Tôn và sự ghét đưa chúng ta vào hàng tội tử của quỷ vương...”

“Thầy Tăng Tử xưa là một bậc hiền triết mà còn **“Nhứt nhứt tam tinh ngộ thâu”**, tức là hằng ngày xét mình trong ba điều. Một là lo việc cho người không hết lòng bằng việc mình có thể chẳng? Hai là giao du với bạn bè mà đem lòng giả dối, có vậy chẳng? Ba là nghe lời Thần dạy bảo mà hay lãng xạo, có thể chẳng? Ước mong hằng ngày của ta chỉ xét mình một điều duy nhứt thì nên Đại Đạo lấy làm may mắn mà nhơn sanh cũng lấy làm hữu phúc...”

Đức Phật Thích Ca dạy rằng: **“Người hãy tự kiểm người”**. Theo ý Đức Phật thì người hãy suy nghĩ và xét mình đặng biết mình là ai, mình thật biết mình rồi mới biết định giá trị của người khác. Thường người ta chỉ lo tìm kiếm những điều ở ngoài mình, chớ không tìm kiếm những cái ở trong con người của mình.

«Thế nên dây oan kết mãi, nghiệp chướng càng mang nặng, biết chừng nào mới tỉnh ngộ đặng phân bốn hườn nguyên?»

■ (Lời thuyết Đạo của Đức Cao Thượng Sanh đêm 23 tháng 12 năm Canh Tuất, DL: 19-1-1971) tại Đền Thánh.

Đức Ngài có quan niệm khắc khe với bản thân như vậy, vì dù còn ở thế, làm việc cho chính phủ mà trong thâm tâm lúc nào cũng nghĩ mình là hàng giáo lãnh của một tôn giáo, phải là tấm gương sáng.

CHƯƠNG II

NGŨ ĐẠO VÀ ĐẮC PHONG THƯỢNG SANH (1925–1937)

HỀ VIỆC XÂY BÀN CẦU TIÊN, XIN LƯỢC TRÍCH TRONG ĐẠO MẠCH TRUY NGUYÊN CỦA ÔNG HUỆ CHƯƠNG như sau:

“Một ngày kia, lối hạ tuần tháng Juillet 1925, nhằm đêm thứ sáu, tôi thấy nào là chú tư tôi, chú tám tôi, là M. Phạm-Công-Tắc, anh con nhà bác họ của tôi là M. Cao-Hoài-Sang, và vài người bạn nữa, đến mời ông thân tôi đi chơi. Tôi hỏi M. Sang cho biết mấy ông đi đâu, thì ảnh lại nói với tôi rằng:

- *Đi sai bàn.*
- *Sai bàn là chi?*
- *Là câu các Linh-hôn, về nói chuyện chơi.*

Nghe ảnh nói vậy, tôi lấy làm lạ, liền nom theo mấy ông, đặng coi làm thế nào cho biết. Đoạn mấy ông, đều kêu xe kéo, vô nhà anh Cao-Hoài-Sang; rồi vẩy nhau ngồi xung quanh một cái bàn tròn ba chân, để nơi trước hàng ba, lại có chưng bình bông tươi tốt, và đốt nhang, sắp đặt trên một cái bàn nhỏ, để vừa vách kế đó.

*Tôi cũng ngồi kế bên ông thân tôi, chừng mấy ông biểu: “**Lãng-lặng định thần**” thì mỗi người đều để hai tay úp lên mặt bàn, tôi cứ việc làm theo.*

Giây lâu, tôi thấy bàn nghiêng qua bên chú tư tôi, chú lại rầy chú tám Tắc, mà biểu đừng xô, cứ ngồi cho tịnh. Bàn lại ngã qua phía ông thân tôi, ông lại rầy nữa! Cách một chập, coi bộ mấy ông mỗi tay, nên thấy đều tan ra nghỉ hết.

Tôi có ý coi, trong mấy ông, chưa ai thạo việc ấy cả, vì thấy

cải lẫy nhau hoài; kẻ nói vậy người luận khác, phân phân bất nhứt.

*Khi ấy, anh Cao-Hoài-Sang nói với mấy ông rằng: “**Mình cứ tịnh tâm, ngồi im điem, chừng nào có vong nhập, thì chắc là họ gõ chơn bàn, nghe các các chớ gì**”. Nghe đến đó, tôi có hơi dùng mình, vì tánh tôi nhát.*

Đến khi vậy nhau lại nữa, chú tư tôi ngồi xếp bằng trên ghế, tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn, mà đưng cẳng, nên cả thầy đều rút chơn lên, kẻ chồm hồm, người xếp bằng, té ra mấy ông cũng không dạn gì cho mấy!

*Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt, phần thì muỗi chích chơn, hễ thò tay xuống gãi, thì lại động, làm cho cái bàn không yên tịnh, lớp lại buồn ngủ. Chú tư tôi lại suy nghĩ, rồi luận rằng: “**Thế khi chúng ta ở trong nhà, nên các hồn ma không dám vào. Vậy khiêng bàn ra ngoài Trời trống trải, họa may họ mới nhập đặng**”. Đoạn mấy ông hè-huội áp nhau khiêng bàn ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dờ lên để xuống, làm cho mấy ông rầy nhau, rồi cười hoài. Gặp lúc khuya, trời tối, muỗi lại cắn hơn nữa! Mấy ông chịu đả hết nổi, mới đành dẹp nghĩ, nhưng hẹn tối mai, sẽ hiệp nhau, làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu, liền từ giã nhau ra về.*

Qua đến mai, gặp nhằm thứ bảy, lối chín giờ, thầy đều tựu đến đủ mặt, cũng sửa soạn như bữa trước, rồi vậy nhau lại ngồi chung quanh, để tay úp trên mặt bàn. Nhưng nay, chú tư tôi lại dạn, phải sè bàn tay ra, hai ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại, rồi ngón tay út, của người khác, làm cho có thể, các bàn tay liền nhau trọn cái vòng bàn. Mấy ông nghe theo. Tịnh một chập, bàn dờ lên cao, ngã vào góc tường. Rủi cho chú tám tôi, ngồi phía trong kẹt, làm cho chú tưởng rằng, anh Cao-Hoài-Sang, đương ngồi ngang mặt, cố ý muốn

cợt chơi, nên chú la um-sùm rằng:

– **Sang! Sang! Đừng phá mấy, chơi giống gì kỳ quá, mắc kẹt tao sao mấy! Ráng ngồi tử-tế coi mà!**

Ai nấy thấy vậy, đều cười rộ lên, mặt bàn nghiêng lại như cũ. Chú tư tôi liền năn-nỉ với mấy ông, xin đừng giỡn, để ý ráng làm cho tận-tâm coi thế nào cho biết. Khi nghe chú tư tôi nói dứt lời, thì thấy đều ngồi lảng-lặng. Chú tư tôi thường hay có tánh giả ngô, hễ nghe bàn cục-kịch, lại trợn mắt, ngó mấy ông kia. Tôi dòm thấy, ai ai cũng sợ cả, lại áp nhau cười rộ lên nữa! Làm như vậy, đã trót vài giờ, mà bàn cũng cứ dở lên để xuống mãi; mà hễ thấy vậy, thì mấy ông lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chừng tịnh lẩn này, cả thấy ngồi im điêm; thoát nhiên, bàn dở lên gõ lia gõ lịa. Mấy ông cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng, cả thấy đều để thật lòng mà thử cho hết sức, nên không xô đẩy chi; ấy là bàn diêu-động tự nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kẻ lại nghe rần điễn. Trong cơn mấy ông hỏi nhau, bàn dứt gõ, nhưng cũng còn linh-chinh, dường như có sự sống vậy. Chừng nghi rằng có vong nhập, thấy đều kinh tâm; mấy ông lui-đui, không biết phương chi mà thông-đồng với vong đặng.

Chú tư tôi liền dặn mấy ông để như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn, mà làm xao động, e vì vong xuất ngoại. Dứt lời, chú tư tôi lại nói với vong rằng:

– Xin khoan đi, để cho hỏi ít lời... Bây giờ chưa kiếm đặng thế nào cho hiểu nhau, thì duy cứ gõ hai, nghĩa là: Ừ chịu, có hoặc phải (Oui). Còn gõ một là: Không, hay là chẳng phải (Non).

Vong tiếp gõ hai: Tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn chú tư tôi liền ngụ ý, rồi nói với vong như vậy: **Ta**

hiếu theo đây, thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời lại, cứ tùy theo vần Alphabet quốc-ngữ mà gõ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót; rồi bắt đầu trở lại mà nối chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu dây thép vậy.

Vong liền gõ hai (Ừ chịu).

Hiếu nhau rồi, bàn gõ, chú tư tôi khởi đọc. Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn-xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết hai mươi mấy chữ vần, mà cũng còn gõ mãi. Tức mình, chú tư tôi cắt nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, lại cũng thương cho mấy ông, vì muốn thấu đáo, nên ráng chịu khó đến cùng. May sao, lối môn hơi rồi, chú tư tôi đọc từ a, ă, â, b, c, d, đ..... tới chữ L thì dứt gõ. Chú tư tôi dặn M. Cao-Hoài-Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ chép lại. Đoạn bàn tiếp gõ quận thứ nhì. Chú tư tôi đọc a, ă, â, b, c, d, đ..... cho đến chữ U, bàn ngưng lại rồi cũng cứ nối điệu theo như trước, cho đến khi ráp đặng ba chữ: “**Lượng-Cao-Quỳnh**”.

Khi tiếp đặng mấy chữ ấy rồi, thì mấy ông hơn-hở vui cười. Dứt tiếng, chú tư tôi suy nghĩ rồi nói rằng: “**Như phải là Cao-Quỳnh-Lượng, thì chắc biết mấy người ngồi đây; vậy cứ nói tên mỗi người coi có trùng chẳng?**”

Vừa dứt lời bàn gõ, chừng ráp nguyên chữ thì thành ra tên: Diêu, Cú, Tắc, Sang, Đức, Thân, Nguyên, thấy đều rõ cười lên, còn cái bàn thì hồng lên một chứng, lắc qua, lắc lại, dường như cũng cười theo vậy.

Khi ấy, ông thân tôi tiếp hỏi Lượng rằng:

- Con có ở hầu ông Nội chẳng?
- Có.

– Mời ông Nội đến đây, tiện không?

– Đặng.

Dứt lời, thì bàn dở lên rồi để xuống, không còn điều-động như khi nãy nữa. Chú tám tôi nói rằng: **“Bộ khi nó đi rồi”**. Nghe vậy, mấy ông đều dan ra nghĩ hết. Chừng ấy, tôi có ý coi thì thấy ông nào ông nấy, cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông thân tôi, với chú tư tôi. Vì tự ấu chí trưởng, hai người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi, chẳng tin là có hồn. Nay lại thấy điều lạ kỳ như vậy, thì hai ông ngồi nhìn nhau, tình hình như Trời đã hé cửa cho mấy ông dòm, thấy đặng sự bí-mật vậy.

Cách nữa giờ, vầy nhau ngồi, để tay lên, cũng tịnh như trước; kỳ này mấy ông có màu kiêng dè, không dám cười giỡn nữa! Đoạn bàn gỏ. Chú tư tôi tiếp đặng chữ, ráp lại như vậy: **“Cao-Quyển-Tuân”**

Ấy là tên của ông Nội tôi, cả thầy đều đứng dậy xá, rồi ngồi xuống. Ông thân tôi hỏi sơ ít điều đã qua rồi, kể chú tư tôi tiếp nói rằng: **“Vì buổi thầy quá vãng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đôi, anh của con đã trọng, còn không nhớ dạng hình ảnh của thầy, huống chi là con còn nhỏ quá. Duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi. Nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp này, cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để rọi truyền ngày sau, cho con cháu làm kỷ niệm”**. Ông nội tôi chịu cho, liền tiếp đánh ra bài thơ như vậy:

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa nên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bền mộ chếp,
Tình thương câu dặn gắn tâm đời.
Bên màng đời lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen dạng thành thời.

*Xót nổi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhẵn nhủ một đôi lời.*

Khi làm đến câu chuyện, thì cả thầy đều nao lòng, rưng rưng nước mắt; chùng qua câu kết, thì ông thân tôi, chú tư tôi, và chú tám Tắc, vùng khóc lớn lên một lượt; còn mấy ông kia với anh Cao-Hoài-Sang thấy vậy cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó, đâu cũng hai giờ khuya, lối xóm nghe khóc rùm lên, vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái quá, thì họ đứng coi một hồi, nhưng không hiểu chi, họ đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài rồi, thì ông nội tôi tiếp mấy chữ: “Thầy xin kiếu”, đoạn bàn đỡ lên cao, rồi để xuống nhẹ hễ, không còn hơi động địa như khi trước nữa. Mấy ông nói: “Đi rồi, đi rồi”. Khi ấy mấy ông xúm nhau đem vô đèn, chép mỗi người một bài, coi đi đọc lại rồi trâm-trở khen mãi. Thấy vậy, tôi cũng để chút lòng tin, song chưa hiểu rõ cái huyền-bí ấy là thế nào. Còn ông thân tôi, chú tư tôi cùng mấy ông vậy nhau, bàn luận truy kiếm cho biết vì đâu mà hóa ra chuyện lạ ấy. Tôi có ý coi, ông nào cũng ngo-ngo, ngáo-ngáo, chớ tìm không ra mối.

Ai nấy đều lui về nghỉ, duy có ông thân tôi chẳng chịu về nhà. Ông theo chú tư tôi, mà thức luôn trót đêm, cứ đọc đi đọc lại bài thi ấy lại hoài, rồi bàn bàn, luận luận, suốt luôn cả ngày chửa nhứt nữa! Ngồi đâu cũng nói có bao nhiêu đó mà thôi. Thậm chí cho đến buổi cơm, mà ông cũng ở luôn, mà dùng với chú tư tôi. Hai ông ngồi phân phân với nhau, cho đến mệt lủi, rồi nằm dài trên ván, mà cũng còn nói nói. Riết cho đến khi ngủ mòm, hồi nào tôi không hay, chùng ngó lại, thấy đồng hồ gần bốn giờ xế chiều, tôi mới về nhà mà nghỉ.

Lật bật, kể bảy giờ tối, ông thân tôi về kêu tôi dậy, hối dọn cơm ăn, đặng hiệp nhau, đi vô anh Cao-Hoài-Sang nữa. Lần hồi, kể trước người sau, lối chín giờ rưỡi, thầy đều đủ mặt; rồi

thì cũng vẩy nhau lại xung quanh cái bàn, đốt nhang lên. Đêm nay coi mời mấy ông sửa soạn đoan trang hơn bữa trước lắm.

Tôi cũng bước lại, ngồi kê bên ông thân tôi. Cách chẳng bao lâu, bàn đỡ lên đánh chữ, ráp vắn lại như vậy: **“Thác vì tình”**. Nghe đến đó, thấy đều rõn ốc. Chú tư tôi bèn hỏi vong ấy tên chi? Đàn ông hay đàn bà? Trả lời rằng: **“Đoàn-ngọc-Quế, con gái”**.

Tên họ đều trùng, mà chữ lót cũng giống tên họ của một người bạn thiết với ông thân tôi, đương ngồi kê bên chú tám Tác đó. Mấy ông đều ngó M. Quế cười rộ lên. Đoạn chú tư tôi nói với vong ấy, xin một bài thi tự thuật.

Vong chịu, liền khởi đánh ra như vậy:

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngổ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phũi nợ xuống tuyến đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.
Đôn-dập tương-tư oằn một gánh,
Nỗi-niềm tâm-sự tỏ cùng ai.

KÝ TÊN: ĐOÀN-NGỌC-QUẾ

Xong bài thi rồi thì mấy ông trầm trở, người cho rằng, câu vắn thanh tao; kẻ nói trạng luận đối rất chỉnh. Nhưng vì nghi cho nàng ấy dối tên, nên chú tư tôi để lời mời nàng, năng đến chuyện vắn chơi cho thường, hầu hỏi cho biết rõ căn cội, nàng khứng chịu. Từ ấy, mỗi đêm đều qui tựu nơi nhà anh Cao-Hoài-Sang. Trót tuần lễ, khi thì ông thân của anh Cao-Hoài-Sang về, lúc thì chú ách Đồng, là anh ruột của chú tám tôi, về mà chuyện vắn. Mấy ông hỏi nhiều việc đã qua rồi, các vong cũng đều trả lời trúng hết, nhưng tôi coi ý mấy ông

chưa có lòng tin cho lắm. Cả thầy đều cho là một việc chơi cho tiêu-khiển, nên mỗi đêm mấy ông đều có tụ nhau, vui chơi bao nhiêu đó thôi. Lâu ngày, vì thức quá mà môn lần hồi, rốt lại còn có sáu người là: ông thân tôi, chú tư Cự, chú tám Tắc, anh Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-tái-Thân và tôi mà thôi.

Một buổi tối thứ bảy kia, nhằm tối thượng tuần tháng Aout 1925, ba ông hiệp nhau chơi, còn ông thân tôi, vì mắc việc nên vắng mặt; còn tôi với em tôi, thì cứ theo chú tư tôi. Bữa ấy, có cô Đoàn-ngọc-Quế về bàn, đàm luận một hồi, rồi ba ông xin kết anh em với cô. Cô bằng lòng, bèn kính:

Chú tư tôi là Trường-ca,

Chú tám Tắc Nhi-ca.

Anh Cao-Hoài-Sang, Tam-ca,

Phần cô, thì Tứ-muội.

Còn hai anh em tôi, cô kêu bằng em cả, đoạn cùng nhau trò chuyện. Lần hồi, chú tư tôi vì nghi cô trá tên, nên năn-nỉ hỏi cô cho đến cùng. Cô liệu khó giấu, nên tỏ thiệt là: V. T. L.

Chú tôi hỏi thăm mô mả, cô cũng chỉ rõ. Rạng ngày, ba ông dẫn nhau đi tìm dạng nhà mô của cô, rất nên đẹp đẽ, gần nơi Phú-Thọ, rõ ràng có tên tuổi cô, đề trên mộ bia. Khi kiểm được rồi, mấy ông mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ, khấn vái với cô, xin theo về nhà ông thân tôi nói chuyện chơi, có ý thử coi ban ngày, chừ vong có thể nhập bàn dạng chẳng?

Khi ba vị về đến nhà lối 9 giờ ban mai, thuật chuyện tìm dạng mả của cô lại cho ông thân tôi hay, đoạn đem bàn ra mà câu cô. Thật quả, có cô đến đàm luận, rồi nhìn cái mộ mà ba ông đã đến viếng, là nơi xác của cô an nghỉ đời-đời kiếp-kiếp.

Kể từ mấy ông hiểu dạng chút ít trong việc mầu nhiệm của Trời Đất, lại có thể cầu chừ vong trong buổi bạch nhật, thì

mấy ông càng hứng chí hơn nữa. Ngày đêm không kể đến sự mệt nhọc, ông thân tôi, thì hiệp với anh Cao-Hoài-Sang, nơi nhà tôi mà chuyện vãn với chú vong, còn chú tám với chú tư tôi, thì vậy nhau nơi nhà chú tôi, cũng trong một con đường Boudais, hai cái nhà ở ngang, trịch nhau chừng vài căn phố.

Từ ấy, mấy ông đã chia nhau hai bên hằng ngày hằng đêm kiếm tìm về việc huyền-bí, mà học hỏi với nhiều vị khuất mặt. Cách ít lâu, có hai vị Tiên-trưởng đến làm thi văn, bên chú tư tôi thì ông Thanh-Sơn, còn bên ông thân tôi, lại có ông Nhân-Âm Đạo, cả hai nhà đều đặng mỗi bên, mười bài thi (Thập-thủ-liên-hườn) khác nhau.

Một đêm kia, nhằm lúc bốn ông hiệp lại, lập bàn hương-án, khẩn cầu Đức Tả-Quân. Người đã có lòng thành, nên Ngài cũng giáng vào, đề một bài thi, nhưng lâu ngày tôi đã quên phứt.

Lại có đêm nọ, mấy ông vậy lại, vừa ngồi vào bàn, thì có cô V. T. L. đến giáng, cô lại trình diện một người chị em theo với cô, xin vào ra mắt mấy ông. Cô nói rằng, vị này thi-phú cũng hay lắm! Mấy ông mừng rỡ, bèn mời tân khách giáng vào.

Đoạn người ấy tiếp vô xưng rằng:

– Em là Hón-Liên-Bạch, xin hiến một bài thi, ra mắt mấy anh, song xin mấy anh chớ nệ chi về văn chương hay dở.

Anh Cao-Hoài-Sang liền tiếp rằng:

– Tôi vừa nghe cô Vương nói rằng, thi văn của cô rất hay; vậy tôi xin ra đề. (Ý M. Cao-Hoài-Sang chưa tin cho mấy, e vì mấy ông kia bịa đặt mà giả mạo gạt ảnh.)

Cô liền khứng chịu, anh Cao-Hoài-Sang ngồi suy nghĩ rồi ra đề: “**Tiểu biệt tình lang**”.

Cô tiếp dở bàn gỏ, không ngừng chút nào cả. Mấy ông rập

lại bài thi như vậy:

*Chia gương căn dặn buổi trường-đình,
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
Bước rẽ ngùi trông con ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối trắng thanh.
Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,
Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.
Lần lựa cô phòng xuân thôn-môn,
Xa xui ai thiếu nôi đình-ninh.*

*Dứt bài thi, mấy ống rọ lên khen cô rằng: “Văn thiệt là
quáng thế!”*

*Lại xin cô tiếp một bài nữa, lấy đề “Hoài-Lang” mà làm.
Cô chẳng suy nghĩ chi, cứ đề một bài rằng:*

*Động-đình nhớ buổi tạm chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
Trời thăm mây giăng muôn cụm ủ,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cờ thần chạnh lúc vầy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.
Mượn vận lương-nhân xin nhẩn-nhủ,
Vườn xưa tiếng nhận luống kêu sương.*

*Thật là tuyệt bút! Mấy ống khen ngợi chẳng cùng; nhờ nơi
đây, mà phục đặng lòng tín-ngưỡng của mấy ống chút ít nữa.*

*Khi khác mấy ống lại kiếm nhớ những bạn tác nào, lúc
còn sanh tiền, biết làm thi mà mời về, đặng thử nữa! Đoạn
nhớ đến M. Huỳnh-thiên-Kiều, là người buổi sống giúp việc
sở tuần thành, bỏ vào dinh Đốc-ly Sài-gòn, coi về sở Patentes.
Người ấy, còn ai ở Sài-gòn mà chẳng biết, khi ở thế có nhập vào
Hội-Thi-Xã. Mấy ống bèn vái tên họ của M. Huỳnh-thiên-Kiều.*

Trong giấy lát, nhập vào bàn đề thi rằng:

*Nhấn-nhủ mấy anh một ít lời,
Làng mây hôn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nôi hiếu chưa rời đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót-xáy,
Buồn trông cảnh cũ dạ bồi-bồi.
Ai về gọi lại tình sông núi,
Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.*

KÝ TÊN: HUỲNH-THIÊN-KIỀU TỰ QUÍ-CAO

Ngày kể đó, M. Nguyễn-trung-Hậu, nguyên là một người bạn trong Thi-Xã-Hội với M. Huỳnh-thiên-Kiều vì thấy bài thi bữa trước, cũng có ý không tin; nên ngày sau, M. Hậu làm một bài đem đến. Khi đem bài thi đến, vái rồi đốt, đoạn mấy ông vầy nhau lại ngồi, cầu M. Huỳnh-thiên-Kiều. Trong giấy lát, M. Huỳnh-thiên-Kiều vào tiếp họa bài thi như vậy:

*Một tiếng u-minh giống cửa không,
Phồn hoa vụt tỉnh giấc đương nông.
Ngôi thuyền Bát-nhà qua tình biển,
Mượn nước nhàn-dương tưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh-lùng lẫn gió lọt,
Đường đời ngán-ngảm bụi trần lông.
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,
Oan trái phải rồi phép Phật thông.*

KÝ TÊN: QUÍ-CAO

Gặp lối mấy ông đương mê thi-văn, lại có người tuyệt-bút, đến giáng vào đề một bài:

VỊNH XUÂN

Ngàn liễu khoe Xuân cảnh rõ màu,

Xuân nông vườn ngự vẻ thanh tao.
Chào Xuân ác lỗ trăm lần rạng,
Gheo liễu Trăng soi một sắc làu.
Thơ-thời cảnh hôm, hoa động ngọc,
Êm-đềm dạo tối, cỏ đeo châu.
Đượm bầu nhân sự xuân qua lại,
Khuất bóng Xuân sang khách luống sâu.

HÓN-LIÊN-BẠCH KINH HIẾN.

Hằng đêm, hằng có chu-vị đến, mấy ống thử cũng hết sách, mà cũng nhờ vậy, mới phục đặng lòng của mỗi người. Như có một buổi, anh Cao-Hoài-Sang buồn, đề một bài thi Tự-thuật, có ý than thân trách phận, sao lẫn-lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn-mỏi. Ảnh đem ra nhà cho ông thân tôi coi, và cũng muốn để cho mấy ống họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi lẫn-quần cũng cầu chu-vị nữa! Vào ngồi trong năm phút đồng hồ, thì có ông thân của ảnh, là bác Cao-Hoàng-Ấn giáng đến. Thuở bác còn sanh tiền, làm việc Tòa-Án, lại cũng có đổi đi vùng miệt Tây-ninh, Bạc-liêu, và nhiều chỗ khác nữa. Rồi sau, lại về ở Sài-gòn rồi mới quá vắng, tôi tưởng nhiều người biết bác lắm. Khi ấy, chú tư tôi thưa với bác rằng: Sẵn dịp anh về đây, nhằm lúc Sang làm một bài thi tự-thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy anh họa chơi luôn thể. Ông thân tôi lại nói, anh cứ việc đề thi, dạy nói thể nào, thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ-Thứ, mà lâu nay làng thi chịu phục là: Voi, mò, còi, roi, thoi mà làm. Dứt lời, bác Cao-Hoàng-Ấn tiếp liền, chẳng đợi phút nào cả. Bài thi như vậy:

Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thối hầu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rỡ,

*Rừng tòng buổi trước một cây còi.
Hồng nương dẫm gió chi sờn cánh,
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.
Nín năm chờ qua cơn bĩ cực,
Thìn lòng chùng có lượng đôi thoi.*

*Vừa tiếp bài thi ấy, mấy ống trâm trờ chưa hết, kể gặp vị
Đại-Tiên nầy, giáng đề một bài:*

*Chiêu tập hồn thi bước Đạo điều,
Non xưa chớp cánh nhận trông theo.
Trời thanh khách gặng lần qua suối,
Đêm rạng Trăng soi lướt khỏi đèo.
Mây khóa đánh Tần màu gió cuộn,
Thuyền khơi sông Bích cánh bướm treo.
Giang-san một dãy nền chung dựng,
Biển cả chi nao ít mái chèo.*

Xem thế từ những bài thi tình tứ, đấng vô hình lần đưa các ông vào đường Đạo. Những sự kiện này được Đức Cao Thượng Sanh xác nhận như sau:

“Trước thời kỳ chức sắc Hiệp Thiên Đài được lệnh dùng Đại Ngọc Cơ trong việc truyền giáo, thì chỉ là một giai đoạn chơi giải trí của ba vị, cùng kết bạn đồng tâm để vui thú cầm thi trong khi nhàn rỗi.”

Cuộc chơi giải trí từ đó là việc “Xây bàn” và ba vị nói trên chính là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang. Vốn là các nhà thi sĩ chất chứa nơi tâm nỗi căm hờn vì nước nhà bị đô hộ, ba vị này mượn thú xây bàn, mời vong linh những người quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của tổ quốc, hoặc làm thi, hoặc xướng họa chơi cho tiêu khiển.

Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, vì trong đêm đầu ba

vị đốt nhanh khăn vái, ngồi để tay trên bàn từ 9 giờ tới 2 giờ khuya mà không có kết quả chi hết; cổ tâm nhẫn nại ba vị ngồi thêm đêm thứ nhì (nhằm ngày 26 tháng 7/1925) thì đúng 12 giờ khuya có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi Đường luật.

Thấy sự hiển linh và huyền diệu trong sự tiếp xúc với cõi vô hình, ba ông tích cực say mê việc xây bàn đêm nào cũng hợp nhau ngồi cho tới 3 hoặc 4 giờ sáng.

Từ đó đến sau thì các vị Tiên Thánh thường nhập bàn, khi thì cho thi phú hoặc luận về vận mạng nước nhà, đánh trúng chỗ yếu điểm tâm hồn ba ông, khiến cho cả ba đều ngây ngất trong niềm vui sướng.

Tiếp được bài thi nào hay thì khi dứt cuộc xây bàn ba ông nán lại: hai ông rao đờn, một ông ngâm nhi, rồi cùng nhau mượn chung rượu để gọi hứng niềm hoài cảm. Nhờ chơi xây bản mà ba ông Cử, Tắc, Sang học hỏi đạo lý trao dồi trí thức cho tới ngày Đức A-Ă-Á dạy ba ông vọng Thiên bàn ngoài sân quỳ giữa trời mà cầu đạo” (*Đạo sử I, trang*)

Đến ngày 3.8.1925 (15.7. Ất Sửu) các ông thiết đàn xây bàn được cô Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc

THI

*Ớt cay, cay ớt găm mà cay
Muối mặn ba năm muối mặn dai
Túng lú đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai*

A ă ă

Ngài Phạm Công Tắc nghe dứt bài thơ lấy làm khó chịu, Ngài Cao Quỳnh Cư hiểu ý liền nói với Ngài rằng:

– Ấy, em ngồi lại cho qua hỏi, vị này không phải tâm

thường đầu em.

Ngài Cao Quỳnh Cư liên hỏi:

– Ông A Ẵ Ầ mấy chục tuổi?

Đấng A Ẵ Ầ gõ bàn hoài không ngừng, đếm đến mấy trăm cái cũng không thôi. Ông Cư sợ không dám hỏi nữa.

*Trời trời mình không mới thiệt bản
Một hành sen trắng nấu nung chân
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần
Bố hoá người đời gây mối đạo
Gia ân đồ đệ dựng nên nhân
Chừng nào đất dậy trời thay xác
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.*

Đến ngày 18.8.1925 (1.8. Ất Sửu), Cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các Ngài hỏi rằng:

Em còn có chị em nào nữa biết làm thi xin cầu khẩn đến dạy ba anh em qua làm thi.

Cô Quế nhíp bàn trả lời: **“Có chị Hôn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương làm thi hay lắm”** và cô lại thêm: **“Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay mới cầu được”**.

Đến ngày 25.8.1925 (8.8. Ất Sửu) Đấng A Ẵ Ầ giảng dạy ba ông, vào Rằm tháng 8 đó, thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đúng ngày ước hẹn, các Ngài xây bàn, Đấng A Ẵ Ầ giảng cho thi, rồi đến Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Riêng bà Lục Nương thì giảng cho thêm một bài (Xem Đại Đạo Sử Cương quyển 1. 1970 trang) và mời ba Ngài làm thi liên ngâm

Lục Nương:

*Trót đã đa mang cái nợ đời
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi*

Cao Quỳnh Cư:

*Oằn vai thân đạo non sông vác
Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.*

Phạm Công Tắc:

*Thương hải tang điền xem lắm lúc
Công danh phú quý nhằm trò chơi*

Cao Hoài Sang:

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó
Khó một đời năm dễ khó đời*

Lục Nương:

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong*

Cao Quỳnh Cư:

*Cân đai tuế nguyệt trên hôn bướm
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng*

Phạm Công Tắc:

*Chiếc bách đập dôn dòng bích thủy
Phôn hoa mờ mịt giấc quỳnh lương*

Cao Hoài Sang:

*Bờ dương chừặng phong trần rảnh
Quả gánh thơ đàn đạo bốn phương*

Nhờ tình thân mật đó, Lục Nương cho ba vị biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì Cung

Việc xây bàn của các Ngài lan rộng trong nhân quần, kẻ hiểu kỳ đến xem, người không tin muốn thử coi chân giả. Một phật tử hỏi Đấng A Ấ Ấ làm thế nào để phân biệt thật giả.

Đấng A Ắ Ắ nhíp bàn cho thi:

THI

*Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường
Chẳng để mũi gần chẳng biết hương
Hiền ngô rủ sanh thời bạo ngược
Dầu trong Thánh đức cũng ra thường*

Người Phật tử ấy lại hỏi tiếp: “**Làm sao biết được chánh tà?**” Đấng A Ắ Ắ đáp:

THI

*Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra
Sao ra Tiên Phật, người trần tục
Trần tục muốn thành phải đến Ta*

Sau đó, có nhiều nhân vật tò mò đến tìm hiểu hư thực việc xây bàn thỉnh Tiên như các ông Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Lê Thế Vĩnh, Phạm Minh Kiên lần lượt đều là đệ tử Đấng A Ắ Ắ.

Đến ngày 12.12.1925 (27.10. Ất Sửu) Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng dạy:

“**Mùng 1 tháng 11 này tam vị đạo hữu Vọng Thiên Cầu Đạo**”. Ba Ngài không hiểu câu Đạo là thế nào, nên xây bàn mời Thất Nương đến hỏi, Thất Nương nhập bàn đáp: “**Không phải phận sự của em**”.

Các Đấng khác cũng không chỉ rõ mà bảo hỏi ông A Ắ Ắ.

Ngày 30.10. Ất Sửu (15.12.1925) đấng A Ắ Ắ giảng dạy: “**Ngày mùng 1 tháng 11 này (16.12.1925) tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo, tắm gội cho tinh khiết, ra quỳ giữa trời cầm chín cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài**

Ngọc Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh”.

Các Ngài chưa rõ Cao Đài Ngọc Đế là ai, nhưng được linh ơn trên dạy bảo phải làm theo. Trong lúc ba ngài Vọng Thiên Cầu Đạo, ngoài đường kẻ qua người lại dập đầu, họ hiếu kỳ dừng chơn lại coi ba ngài cúng vái ai mà quỳ ngoài sân. Bỗng đâu thi sĩ Bồng Dinh đến vịn cái bàn, chỗ ba ngài quỳ mà ngâm thi. Mọi người đến coi càng đông hơn. Nhưng các Ngài cũng tâm nguyện chờ cho chín cây nhang tàn mới vào nhà, đoạn thiết đàn cầu Ngọc cơ.

Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho thi:

THI

Thiên đàng nhứt thế biến Lôi âm
Tận độ chúng sanh thoát tục phàm
Chánh giáo phát khai thiên thế mỹ
Thâu hồi hiệp nhứt đạo kỳ tam

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Vọng niệm phân thủy sự sự phi
Cá lý thiên tâm thường thế nhân
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu
Quân vấn thiên tâm mạc thi tường

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Các Ngài không thông suốt được các bài thi, nên thỉnh đấng A Ồ Ồ xin giải nghĩa. Được giải như vậy:

“Ngọc Hoàng thượng đế là Trời, viết là dạy rằng Cao Đài chỉ nho giáo, Tiên Ông chỉ đạo giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Thích giáo, giáo đạo Nam Phương là dạy đạo phương Nam. Nghĩa là Trời giáng trần qui Tam giáo: Nho, Thích, Đạo dạy đạo ở phương Nam”

Bài sau dịch ra từng chữ một:

“Cầu ước, phân thừa, việc việc, chẳng phải
Nơi, lẽ, trời, lòng, thế nhện
Trời, lòng, tua, ngó theo, nơi, giữa, khẩn
Bây, hỏi, trời, lòng, biết, rõ”.

Nghĩa xuôi:

“Việc cầu ước đều chẳng phải
Mỗi lẽ do lòng Trời phải đợi lệnh
Lòng trời tua ngó theo mỗi việc đều cầu khẩn
Bây hỏi lương tâm chưa biết rõ sao?

Lòng trời: *Conscience*”

Ta thấy rằng Đức Cao Đài có thái độ khác hẳn lúc đầu mới dạy Đạo mang thú vui tao nhã, muốn các thiên sứ của Ngài phải tu học nhiều hơn nữa, như các bài dưới đây:

Mừng thay gặp Đạo Cao Đài
Bởi Đức ngày xưa có bữa nay
Rộng mở cửa răn, năng cứu chuộc
Gìn lòng tu tánh chớ đơn sai

A Ầ Ầ

Tưởng nên nhắc lại là sau ngày Hội Yến Diêu Trì Cung (15.8. Ất Sửu) để tiện bề học hỏi Đạo Trời, các ông tác ra làm hai nhóm: bên các ngài Cư, Tắc thì cầu Ngọc Cơ, bên các ngài Diêu, Sang thì vẫn xây bàn. Thật ra thì ngài Cao Quỳnh Cư chỉ cầu Ngọc Cơ khi có lệnh ơn trên, còn thường thì cũng xây bàn.

Bên các ngài Cư, Tắc thì được Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cho 10 bài liên hoàn giải đáp về tình hình đất nước. còn bên các ngài Diêu, Sang thì được đức Nhân Âm Đạo Trưởng, Quan Thánh, Tiên cô Thanh Tâm Tài Nữ dạy đạo đượm màu sắc triết lý như sau đây:

Mượn nguồn đạo đức khoả màu trần

Luyện thể ngày qua khó kịp Xuân
Bến khổ trương buồm thuyền đợi khách
Non tiên trở cánh hạc chờ Xuân
Xuân mờ mịt bao nhiêu cảnh ử
Cụm rừng tòng lá xủ tranh sâu
Biết bao mấy nổi tang đau
Bóng Trăng kia đã đứng đầu tuổi xanh
Xanh vàng ngọn cỏ trái mô hoang
Oan trái trả vay khách nhận nhàng
Nhàn cảnh mấy ai tìm đến chốn
Chốn bi ai luống nhọc nhằn than
Than rằng: côi phù sinh nháy mắt
Trăm năm đâu biết chắc rủi may
Đua tranh sánh của so tài
Của tài phải sạch đường dài thoát qua
Gắng lo xa!

THANH TÂM TÀI NỮ

Việc thôi thúc tìm học Đạo Trời của Tiên cô Thanh Tâm
Tài Nữ dưới đây càng rõ rệt:

THI

Liệu mà dạy trở bước thanh xuân
Một dặm đường qua, Đạo một gần
Sóng dậy tang thương hồng chích cánh
Trời diu thường phạt hoá đồng cân
Cân thiêng liêng chất đồng tội phước
Gặp thời tua vụn đức trọng nhân
Dịp may dễ có mấy lần
Dò đường đến chốn non Thần mới hay

*Hay biết đời sao, Đạo lại sao?
Hay gần cửa Thánh bước lên vào
Hay tìm nẻo chánh, tà xa lánh
Hay tập thanh cao, chí mới cao
Cao khôn với, thấp nào dễ bước
Khó mà lên đến được mới mau
Chỉ mảnh rỗi khá lo âu
Liệu chơn thoát khỏi vực sâu sau này.*

THANH TÂM TÀI NỮ

Thầy tu núi Bà Đen là Huệ Mạng Trường Phan cũng dẫn dắt các Ngài Cư, Tắc: “Xin chư vị gắng tu thấp thỏi như tôi, nhờ trọn tin Phật Trời, còn được ân thưởng Huệ Mạng Kim Tiên, hưởng hồ Chơn linh cao trọng như quý vị, nên chịu tu ngày sau phẩm vị nơi Thiên đình còn cao đến bậc nào”

Bên các Ngài Diệu, Sang, thầy Huệ Mạng mô tả cảnh nhàn của người tu để gây ý thúc tu luyện với các Ngài như sau:

THI

*Rảnh nợ thế, rừng thung vui thú
Chiều hứng nghe vượn hú chim chuyền
Một ngày thông thả là Tiên
Suối trong rửa sạch não phiền trần gian
Vòng cương toả buộc ràng danh lợi
Chốn hí trường lui tới lãng xãng
Phép quan luật nước thúc dân
Đỉnh chung rớt cuộc mơ màng chiêm bao
Đâu là thấp, đâu cao phẩm thế
Nhục vinh kia ai dễ trọn đời
Cõi trần kiếp sống mấy hơi*

*Phủ tay chốc đã châu rơi ngọc trâm
Hỡi ai là khách tri âm*

*Đức Nhân Âm chơn hơn cũng giáng bàn gõ nhịp cho
thi khuyên tu:*

THI

*Nhàn du bạch dạ tuyến phong đình
Âm tăng diệt kỳ chiếu đấu tinh
Chơn tịch quyền khai Thiên vị đắc
Nhơn bang hữu cộng liệt trần đình
Rèm gió đêm tràn bóng rạng thình
Nghêu ngao non tuý thú riêng mình
Thu về hứng cảnh đôi bầu cúc
Hạ đến vui say mấy tiệc quỳnh
Nhàn đạo vẫn vờ theo nhật nguyệt
Rảnh ngời chậm rãi tụng Huỳnh Đình
Tranh đua rửa sạch lần thi phị
Gặp buổi giang hồ với chúng sanh*

Một hôm (13.7.1928) các Ngài Sang, Diêu thiết lễ xây bàn, có một người Pháp xin tham dự và yêu cầu được nghe lời dạy của Đấng vô hình, Đức Thánh Pierre giáng bàn và cho bài thi như sau:

*1. "L'homme a ses maux, le roseau a ses plaintes
De ta Destinée a pris soin le Créateur
En t'épargnant de la vie toutes contraintes
En semant à tes pas, déjà l'astre du jour
5. À l'horizon lointain, déjà l'astre du jour
Commence à décliner, ne perds pas de temps
Pour qu'à ce séjour si heureux, sois de retour*

Purgatoire accompli et esprit sans tournant.

9. Frôlant souventefois les sombres nuages

À perdre ton éclat, ton étoile est prête

Mais une main divine à ton avantage

D'un geste en chanteur dissipe la tempête.

13. Pour des entreprises lointaines, tu n'es pas fait.

Reste à ton sillon, ton compte est arrêté

Le bonheur bien conçu n'est-il pas le plus vrai?

Réserve ces faveurs à ta postérité

17. Profite de ton présent, fais ta vie à venir

Répare tes erreurs passées, sois bon père

Marche vers le chemin de Dieu sans ralentir

La vie a des ailes, elle n'est qu'éphémère..

Tâche de me comprendre

(Những bài thi trên do Đức Thượng Sanh tặng riêng cho soạn giả Trong "Les Messages Spirites" nói bài này của Đức Quan Thánh Đế Quân (trang...))

Dịch thi:

1. Đời người như sậy, lắm lo âu

Tạo hoá an bày định mệnh sâu

Gieo khắp bước đường đầy hy vọng

Ngăn trừ tất cả những niềm đau

5. Ánh dương soi sáng tí chân trời

Nghiêng bóng bước mau kéo trở thời

Ngôi cũ quay về bao sung sướng

Khổ đau dứt nghiệt, tinh thần vui

9. Mây đen che khuất lấm lẩn rồi
Mắt hẳn sáng sao cả ánh ngời
May mắn nhờ tay Trời độ rồi
Phép mầu tiêu tán bão dông lui

13. Vinh danh lợi lộc tránh xa vời
Tiền bạc dẹp qua chẳng để đời
Hạnh phúc thế kia là thật đúng
Để dành ân huệ cháu con noi.

17. Lấy trước dựng sau mới đáng cha
Hối cái những điều lầm đã qua
Theo hướng đường Trời đừng chậm trễ
Cuộc đời ngắn ngủi chóng bay xa
Hãy gắng tâm thành để hiểu ta

Nhờ được sự dẫn dắt vào đường đạo tận tình của các Đấng mà các Ngài từ đây thật sự tin tưởng vào Đức Cao Đài. Đêm 14.1.1926 Đức Cao Đài dạy rằng:

Thành tâm niệm Phật
Tịnh, tịnh, tịnh, tỉnh, tỉnh
Tịnh là vô nhứt vật
Thành tâm hành Đạo.

Cô Thất Nương Đoàn Ngọc Quế cũng giảng đàn nhắn nhủ: “Em cảm ơn quý anh, xin quý anh gắng công học Đạo, dưỡng luyện tinh thần, ắt ngày sau đắc Đạo, coi bừu vị làm trọng, đừng ham luyện hồng trần mà phải đoạ. Đồi lời thành thật xin quý anh thương tình gìn giữ. Mặc hầu, em không thể nán lại lâu, em xin kiếu. Lâu lâu em sẽ về nói rõ.”

Sau đó việc xây bàn thay bằng phò Ngọc Cơ, hai ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc làm đồng tử chánh. Vì vậy ngài

Cao Hoài Sang xây bàn riêng nơi nhà ngài Cao Quỳnh Diêu rồi dần dần ít đi hầu đàn chánh. Đức Cao Thượng Phẩm xin với Đấng Cao Đài để lời dạy bảo. Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy rằng: **“Nó thật thà, vả lại nó mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn, các con chỉ Thầy coi?”**

Các ngài đã thọ làm môn đệ Đấng Cao Đài từ lâu nhưng chưa thờ vì chưa biết cách thức thế nào, nên mới cầu xin cách dạy để thờ, thì Đấng Cao Đài Thượng Đế dạy: **“Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con”**.

Ngày 15.12.Ất Sửu, Thánh tượng Thiên Nhân được thượng lên ở nhà ngài Lê Văn Trung, có mặt các ngài Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu và nhiều vị khác nữa. Đấng Cao Đài giảng cơ dạy:

“Thầy vui thấy các con thuận hoà cùng nhau, thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho thầy rất trân trọng.

Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một đạo tức một cha
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau một chữ HOÀ”

CAO ĐÀI TIÊN ƠN

Qua đến ngày mồng 9 tháng giêng năm Bính Dần nhằm vía Đức Chí Tôn. Ông Vương Quan Kỳ thiết đàn tại nhà riêng, Đức Thượng Đế giảng cơ, quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà cho bài thi, Đức Thượng Đế thuận cho:

**“CHIÊU, KỲ, TRUNG độ dẫn HOÀI sanh
BẢN đạo khai SANG, QUÍ, GIẢNG thành
HẬU, ĐỨC, TẮC, CƯ thiên địa cảnh
Hườn, Minh, Mân đảo thủ đài danh”**

Mười hai chữ lớn trong ba câu đầu là tên của 13 vị môn đệ đầu tiên, vì 2 ngài Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang điếm cung một tên (Tiểu sử quan phủ Ngô Minh Chiêu, Saigon 1962, trang).

Đến ngày 25.4.1926(15.3.Bính Dần) thì thiết lễ Thiên phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn. Các vị được thọ phong là ngài Phạm Công Tắc thọ phong Hộ Pháp, ngài Cao Quỳnh Cư thọ phong Thượng Phẩm, ngài Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh, ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu sư Thượng Trung Nhật, ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Các vị sau đây được phong vị để phò cơ:

“Đức, Hậu phong Tiên đạo phò đạo sĩ

Cư phong Tá cơ tiên hạc đạo sĩ

Tắc phong Hộ giá tiên đồng tá cơ đạo sĩ

Hai ông Thượng phẩm và Hộ pháp hợp thành một cặp đồng tử chấp cơ phong Thánh, truyền giáo, lập Pháp Chánh Truyền và Tân luật”.

Ngoài cặp cơ Cư – Tắc còn có cặp cơ: Sang, Diêu, Hậu, Nghĩa, Tràng, Tươi, Chương, Kim, Đãi, Mai, Nguyên, Mạnh, Phước, Thâu, Vinh (Trương Hiến Pháp, Đạo sử (bản đánh máy) Tây Ninh 1962)

Vì có nhiều cặp cơ hơn nữa đàn Cầu Kho không cung ứng cho hoàn cảnh, nên có thêm 5 đàn nữa là Chợ Lớn, Tân Kim (Cần Giuộc), Lộc Giang, Thủ Đức, Tân Định.

Để việc phổ độ chúng sanh khỏi bị ngăn trở, các ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang... tất cả 28 vị đứng tên đưa tờ Khai Tịch Đạo lên Thống đốc Nam Kỳ là ông Le Pol vào ngày 7.10.1926. vì chế độ thuộc địa giống như việc

cai trị ở chính quốc Pháp, nên từ Khai tịch Đạo không cần đợi chính quyền Đông Dương cho phép, mà coi như từ thông báo chính thức rồi hành giáo và truyền giáo. Thật sự không có bản văn kiện nào trả lời hoặc cho phép về Từ Khai Đạo trên cả.

Sau khi lập từ Khai Tịch Đạo, việc phổ độ các tỉnh được phát triển mạnh. Đến đêm 14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần (18.11.1926) là đêm chính thức Khai Đạo Cao Đài tại Gò Kén (Tây Ninh) và làm lễ khánh thành Thánh Thất Từ Lâm đầu tiên của nên Đại Đạo. Những đêm kế tiếp thì lập Pháp Chánh Truyền, Tân Luật. Nền tảng chánh trị Đạo được hình thành từ đó.

CHƯƠNG III

ĐAU LÒNG VÌ NỀN ĐẠO BỊ PHÂN CHIA (1937–1940)

TRƯỚC SỰ BÀNH TRƯỚNG VÀ LỚN MẠNH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI, CHÍNH QUYỀN PHÁP SỢ ĐẠO TRỞ THÀNH một phong trào ái quốc (*Gouvernement Général de l'Indochine, contribution à l'histoire des mouvements collatéraux de l'Indochine française, quyển VII la Cao daïsme Hà Nội 1934*), sẽ gây khó khăn cho họ, họ tìm đủ mọi cách để ly gián làm cho người Đạo nghi kỵ lẫn nhau mà chia rẽ. Từ năm 1931, khởi đầu là ông Nguyễn Văn Ca tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập phái đạo ở Cầu Vỹ (Mỹ Tho) rồi Nguyễn Ngọc Tương về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, đến năm 1940 thì đủ 12 chi phái.

Trong tình trạng các nhà hướng đạo ý hướng bất nhất, Ngài Thượng Sanh Cao Hoài Sang tập hợp lại đa số Thập Nhị Thời Quân để chấn chỉnh và thống nhất lại nền Đạo.

Ngày 10/11/1937 Ngài Thượng Sanh đứng đầu danh sách ra tờ Kinh Cáo như sau:

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ KINH CÁO

“Hiện thời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã sai biệt với Chơn Truyền, bất đồng tín ngưỡng, mất trật tự tôn ti, kém tinh thần liên lạc. Điều ấy dù không giải rõ tướng chư Đạo hữu cũng chán biết.

“Đem chúng sanh trở về Chánh giáo, nối chặt dây thân ái đặng cùng chung một tín ngưỡng chơn chánh, một tôn chỉ bác ái từ bi, ấy là trách nhiệm hiện thời của Chức sắc HTĐ do theo mạng lệnh Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trấn Oai Nghiêm

ngày 22..... 1937

“Không thái quá mà cũng không bất cập, Chúc sắc HTĐ sẽ cẩn thận từ ly từ bước một trong việc hành đạo nguyện đem hết dạ vô tư chí thành liêm khiết đặng bảo thủ Chơn Truyền và nêu cao danh thể Chí Tôn nơi cõi Việt.

“Ngày..... Novembre 1937, Chúc sắc Hiệp Thiên Đài vì muốn giữ trọn nghĩa vụ Chúc sắc đối với ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc nơi Tòa Thánh Tây Ninh, nên lần cuối cùng có gởi cho người một bức thư. Ông Phạm Công Tắc không lấy chánh danh mình trả lời, lại để cho một kẻ khác đứng tên trả lời.

“Vây chiếu theo điều lệ thứ ba trong Hiến Pháp và..... Luật Hiệp Thiên Đài lập tại Tòa Thánh ngày..... chúc sắc Hiệp Thiên Đài không nhìn nhận ông Phạm Công Tắc là Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài nữa.

Phú Nhuận, ngày 10 Novembre 1937

HIỆP THIÊN ĐÀI

“THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG”

Hầu hết Thập Nhị Thời Quân đều ký tên vào tờ Kinh Cáo này, trừ có bào huynh của Ngài Cao Thượng Sanh là Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

Thật ra, điều thứ ba Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài ghi như vậy:

“Nếu Hộ Pháp chuyên quyền không do theo phân đông thì phân đông ấy đặng phép không tuân lệnh của Hộ Pháp và công bố cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài biết đặng đợi ngày cầu xin Đức Chí Tôn phán xét”.

■ (Theo Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài năm Nhâm Thân 1932)

Đầu Xuân 19....., tôi có đến Giáo Tông đường, nơi Ngài

Cao Thượng Sanh làm việc để tỏ về việc viết tiểu sử của Ngài. Ngài rất từ tốn không nói gì nhiều, chỉ cho tôi một ít bài mà trong buổi đầu học Đạo Ngài đã xây bàn với Ngài Bảo Văn Pháp Quân, vì các sách trong Đạo hiện chưa có những bài này. Trong suốt quá trình công phu, công quả, Ngài tùy cho nhơn sanh định lượng, Ngài chỉ nhấn mạnh về tờ kính cáo năm 1937 mà Ngài cho là bị nhiều người trích điểm nhất, nhưng chẳng bao giờ Ngài chính thức biện hộ cho mình, mà để công luận và lịch sử soi xét. Ngài nói:

«Khi có sống trong những năm tháng nền Đạo suy vi chia rẽ thì mới thấy những nỗi khổ tâm, lo lắng của những người có sứ mạng lúc bấy giờ. Bao nhiêu Thánh Thất..... thuộc về ông Tương. Các vị Thời Quân thì bấp bênh trước lời kêu gọi của ông Tương đang..... một bộ phận Hiệp Thiên Đài, chư Đạo Hữu chẳng biết ngã về đâu? Tờ kính cáo có tác dụng trấn an các vị Thời Quân và chư Đạo hữu từ vùng Sài Gòn trở xuống Hậu Giang. «Chư đạo hữu muốn hỏi điều chi về việc Đạo xin do nơi Văn phòng tạm thời của HTĐ ở Từ Văn Tự, Phú Nhuận, Gia Định». Câu này hàm ý ngăn chặn không để một ai ngã về Chi phái. Theo Ngài con đường nào rồi cũng về Tòa Thánh Tây Ninh.

Thật vậy, ngày 27/11/1930, ngày lễ Khai Đạo tại Bến Tre, ông Nguyễn Ngọc Tương cò mời Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân đảm nhiệm cơ quan Hiệp Thiên Đài. Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân không ai đến Bến Tre dự lễ cả, nhưng Ngài có gửi Chương Trình Hành Đạo (..... *“Lịch sử Cao Đài” Sài Gòn Cao..... 1972, Xuyên tạc là “Ông Thượng Sanh Cao Hoài Sang hành đạo tại Hội Thánh Bến Tre”*), coi như một lời cảnh giáo, một lời khuyên bảo đạo đức, chớ không phải khế ước hiệp tác, vì Ngài không có đến dự hội.

Chương trình hành đạo gồm 10 khoản như sau:

1. sự giáo hóa tín đồ bằng cách thuyết đạo và xuất bản sách Đạo.
2. lập hàng sản mà thi hành các điều cần ích hiện thời các nhơn sanh nhờ.
3. Lập cơ sở và tạo tác công cuộc có ích về hình thức và tinh thần như trường học, thư viện, ấu trĩ viện...
4. Thu nhận những tín đồ thất nghiệp vô sản đăng cố dụng vào các cơ quan của đạo.
5. Lo lắng về phần nhơn đạo, quan hôn, tang tế chẳng cang phân biệt giai cấp, “*nhứt gia hữu sự bá gia ưu*” đăng thật hành tròn câu phổ độ.
6. Lo trau dồi chức sắc về nghĩa lý đạo đức, lấy chủ nghĩa thương đời un đức cho ra một chức sắc của đạo.
7. Nơi nhà tu nữ phái phải Giáo hóa về tinh thần đạo đức.
8. Mở cửa rước nhơn tài, những tín đồ này được biệt đãi.
9. Mỗi thời kỳ ba tháng phải có một “*Ban Vấn An*” đi khắp các Thánh Thất xem xét tình hình cơ Đạo.
10. Lập Hiến Pháp hai đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng”.

Lời cuối cùng của “*Chương trình hành Đạo*” là một lời.....: “*Chủ trương của Ban Chính Đạo lúc nào cũng phải thiên về việc trở về Tòa Thánh Tây Ninh, là nơi nguồn cội của Đạo*”.

Như thế, Ngài Cao Thượng Sanh đã thi hành nhiệm vụ của Ngài là đưa những người lầm đường lạc lối trở về nguồn Đạo.

Thế thường người ta giải thích việc phân chia chi phái có cái lợi là chia vùng ảnh hưởng để phổ thông Đạo Trời, Phái đóng chi này thì con chi kia, có người lại đổ lỗi cho

các nhà hướng đạo ham quyền cố vị. Những giải thích đó là phiến diện, không bới tận gốc của vấn đề, không minh thuyết một cách biện chứng khách quan.

Là người Đạo, chúng ta đều chấp nhận “*mọi chi chi đều có Thầy ở trong*”. Đó là định luật an bày của Đấng Tạo Hóa, sanh rồi diệt “*nhánh có trái bông nhánh cụt còi*”. Đã bao nhiêu chi phái cụt còi, Tòa Thánh Tây Ninh thì một ngày một tươi sáng và phát triển, là tại sao? Tại vì Tòa Thánh là Thánh Địa “*nơi nào Thầy ngự, nơi đó là Thánh địa*”. Thầy xác nhận trung tâm quyền lực Tôn giáo ở Tây Ninh chớ không nơi nào khác (*Tân Luật... tr 117*).

Người ta không giải thích vấn đề chia rẽ chi phái một cách công bằng và khoa học, mà đổ lỗi cho người này, người nọ, chỉ gây thêm niềm thù lẫn nhau mà không giải quyết được vấn đề gì. Toàn bộ quyển hai “*Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPĐ*” của ĐT (xuất bản 1972) là nhằm triệt hạ hai cơ đạo lớn nhất là Tòa Thánh Tây Ninh và Tòa Thánh Bến Tre, sao người ta không nói đến mấy ông Hộ Pháp, Thượng Sanh, Thượng Phẩm ở.....(Bạc Liêu) hay một vài ông nơi khác?

Gần 50 năm (tính đến 1972), tất cả tín đồ trực thuộc Tòa Thánh Tây Ninh và những Thánh Thất..... có cảm tình với Tòa Thánh Tây Ninh, không ai mắc lừa! Không một vị Thập Nhị Thời Quân nào bỏ Tổ Đình Tây Ninh.

Chưa kể nhiều Thánh Thất cũng qui về Tây Ninh, trong đó có Từ Vân Tự, nhiều chi phái lớn như nhóm Nguyễn Hữu Tài, nhiều anh lớn nổi danh cũng trở về thọ phong như Bác sĩ Trương Kế An được Thiên ân Bảo..... Quân... Nếu Tòa Thánh Tây Ninh không theo luật pháp Đạo, sao phát triển mau lẹ, sao có nhiều vị đại chơn tu, đại khoa bảng đến tìm hiểu và xin nhập môn như Luật sư Tiến sĩ Nguyễn Văn Lộc.

Ông ĐT rất sai lầm khi viết: “*Trên thực tế các chi phái Đạo Cao Đài (ngoài Tây Ninh) đều không tôn thờ ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc như ở Tòa Thánh Tây Ninh*”.

■ (ĐỒNG TÂN, sđđ, tr.....)

“*Hai ông Thượng Phẩm và Hộ Pháp hợp thành một cặp đồng tử chấp cơ phong Thánh, truyền giáo, lập Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, tức là Hiến Chương của nền đạo hiện giờ.*

“*Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai ông này vào bực nhứt, trước hết và trên hết, Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai ông mà lập thành Đại Đạo. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai ông thì:*

“*-Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

“*-Đâu có chức sắc Thiên phong nam nữ*

“*-Đâu có Hội Thánh và các cơ quan trong Đạo*

“*-Đâu có Pháp Chánh Truyền và Tân luật*

“*-Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng*”

■ (TRƯƠNG HIẾN PHÁP, *Đạo sử Cơ Bút - Tây Ninh 1969*)

Và một người tín đồ Cao Đài chân chính không ai nhận định như ĐT, theo đạo mà chối bỏ người lãnh đạo, người Đạo thì trước sau như nhứt, chớ không phải là người đời: vừa là ông Hộ Pháp, vừa không là Hộ Pháp, không biết gốc ở đâu mà có ngọn, có chi. Mặt khác, đã theo đạo phải chấp nhận đời sống tâm linh là cao trọng. Ông Phạm Công Tắc ngươn linh là Ngự Mã Thiên Quân Hộ Pháp Vi Đà, khi niệm danh Ngài thì đã tôn sùng Ngài rồi, chẳng lẽ ĐT muốn nói có nhân (?) thì phạm xác thịt của ông Phạm Công Tắc? Thầy đã dạy: “*Ai dưới thế này hoàn toàn đâu, con chỉ Thấy coi?*”

Ông ĐT để cả một quyển sách để cao Ngài Ngô Minh Chiêu, đến nỗi gán cho Ngài nhiều thành tựu không phải

của Ngài, vô tình làm giảm uy tín Ngài. Ngài là bậc chơn tu: “*Hữu xạ tự nhiên hương, hà tất dương phong lập*”, đâu cần sắc tướng bề ngoài. Ở Tây Ninh không ai chiếm ngôi Giáo Tông, trong lịch sử Đạo (****?) đâu có ai quên Ngài. Ngài Lê Văn Trung là *Quyền Giáo Tông*, chỉ có quyền về phần xác thôi. Nhiệm vụ của các Ngài xây dựng nền tảng Đạo đã xong, Đạo có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, nên Đạo có trên, có dưới, có vô vi, có hữu hình, bỏ một chối hai thì què quặt (thống nhất lại).

Thế hệ chúng ta phải phát triển cái tinh túy của Đạo, phải nhớ câu: “*Nhơn vô thập toàn*” mà dẹp qua những điều không đáng nói. Không ai dưới thế này được nhân loại tạc tượng thờ mà sống trong nhung lụa, không làm điều gì cho nhơn sanh có nghĩa là biến thiên theo sự thăng trầm của sanh chúng, có lên có xuống, có vinh có nhục.....

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Ngài rất lo âu khi nhận nhiệm vụ lịch sử của nhân sanh và Hội Thánh Cao Đài trao phó, nhưng nếu sợ trở ngại, sợ trích điểm thì làm sao bảo vệ được Đạo, làm thế nào để có nền đạo ngày hôm nay. Đó là việc Đại hội 3 ngày 8, 9, 10 tháng 11 năm 1935 đã đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp cầm quyền thống nhất Chánh trị Đạo cho đến ngày có Đầu Sư Chánh vị.

«*Đại hội đồng bỏ thăm tín nhiệm Chánh sách độc tài của Đức Hộ Pháp và xin đem hết tâm trí giúp Ngài đưa cả chúng sanh đi trên con đường Thánh Đức của Đức Chí Tôn*».

«*Thuận nhơn tâm ắt thuận Thiên lý*», hợp với chủ trương cố hữu của nền Tân Tôn giáo: «*Trời người hiệp nhất*» mà ĐT thường nhắc đi nhắc lại trong quyển lịch sử của ông sao?

Thuận nhơn tâm chỗ nào, giải thích được điều này là

giải thích được nguồn gốc sâu xa của việc phân chia chi phái.

Trước hết ta phải chấp nhận qui luật lịch sử cũng là luật của Tôn giáo: «*Luật tương quan nhân quả*», nhân nào quả đó và giá trị thành tựu của một tổ chức, một cuộc cách mạng, một cuộc kháng chiến tại sao Nguyễn Huệ kháng Thanh thành công mà Hồ Quý Ly chống Minh thất bại, có phải lòng dân không theo không? Tại sao phái Cầu Vĩ của ông Nguyễn Văn Ca tiêu vong, khi gọi ông Phạm Công Tắc là độc tài lại bảo vệ, xây dựng và phát triển cơ đạo ngày càng tiến bộ, có phải hiệp lòng hơn sanh không?

Qui luật thứ hai là triết thuyết của Karl Marx «*xã hội nào con người ấy*», xã hội phong kiến thì con người phong kiến gồm hai giai cấp chính là nông dân và địa chủ.

Đạo Cao Đài phát sinh, phát triển trong lòng xã hội phong kiến, từ năm..... đến năm 1945, Việt Nam dưới sự cai trị của nhà Nguyễn và thực dân Pháp. Như thế, Việt Nam không có truyền thống dân chủ nào, còn thực dân Pháp nhỏ giọt loại dân chủ què quặt, lai..... thuộc địa loại dân chủ lạ lùng của kẻ thống trị.

Trong khi Pháp Chánh Truyền của đạo Cao Đài đưa ra một loại siêu dân chủ, nghĩa là một loại dân chủ chưa có trong xã hội loài người. Ngoài ba quyền Lập Pháp, Tư Pháp, Hành Pháp như chế độ đại nghị của Phương Tây, nền Hành Chánh Đạo, trên hết «*Có Giáo Tông vị lãnh đạo tôn giáo, dưới có ba vị Chương Pháp có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành*» (*Tân Luật, Pháp Chánh Truyền*). Vì việc chi chi đều phải có ba cái ấn của ba vị mới được thi hành, ba vị này như thế giữ vai trò của Viện Bảo Hiến.

Đầu Sư có trọn quyền về phần Chánh Trị của Cửu Trùng Đài và phân luật lệ của Hiệp Thiên Đài. Vậy thì ng

Đầu Sư có quyền cai trị phần Đạo và phần Đời của chư Môn Đệ “CHÍ TÔN”.

Dưới ba vị Chưởng Pháp là ba vị Đầu Sư, có Đầu Sư Đường riêng, không làm việc chung ở Giáo Tông Đường. Nói một cách khác: “Đầu Sư có trọn quyền về phần Chánh Trị của Cửu Trùng Đài và phần luật lệ của Hiệp Thiên Đài.... Đầu Sư có quyền cai trị phần Đạo và phần Đời của chư môn đệ” (*Tân Luật, Pháp Chánh Truyền*). Đạo lệnh nào cũng phải đủ ba cái ấn của ba vị Đầu Sư mới được thi hành, ba vị Đầu Sư giữ vai trò Tam..... như một Thủ Tướng.

Xem thế, tổ chức guồng máy Đạo Cao Đài quá ư dân chủ,..... bảo hiển có ba vị “*Chủ.....*” phân hành pháp cũng có ba vị “*Thủ Tướng*” đồng quyền, nếu một trong ba vị không đồng ý thì Đạo Lệnh đó coi như bãi bỏ. Tổ chức guồng máy như vậy không thể nào linh động ứng phó tình thế khó khăn được..... còn những hội nghị.....

Là quá trình ban quyền cho con người, Đức Chí Tôn đã thấy rõ ‘Kẻ nào nắm cả trọn phần hữu hình và phần thiêng liêng thì là độc chiếm quyền chính trị và luật lệ, mà hễ độc chiếm quyền chính trị và luật lệ vào tay thì nhơn sanh chẳng phương nào thoát khỏi vòng áp chế’ (*Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, sđđ, tr 22-23*). Do đó mà Thầy tách quyền hành ra nhiều vị..... kiểm chế lẫn nhau. Nhưng hại thay, nhơn sanh còn nặng đầu óc tôn..... (tức chấp nhận độc tài) và chưa có quá trình dân chủ nào. Những vị lãnh đạo tôn giáo phát xuất từ địa chủ, công chức của Pháp, nên có tính lấn áp Thiên mạng, ai cũng muốn có một sản nghiệp riêng, xuống phục tùng nhau: “*Tôi là Đốc Phủ Sứ, tôi không chịu dưới quyền tên thu lại*”. Các vị buổi đầu có sứ mạng thiêng liêng nhưng chưa được tu, lại ảnh hưởng sâu đậm xã hội phong kiến, thích kẻ khác đề cao mình thay vì hạ mình để

độ rối kẻ khác. Đó là đầu dây mối nhợ của sự phân chia chi phái. Những vị lãnh đạo có thiêng mạng hơn người nhưng vẫn ở trong vòng chế độ phong kiến, cái hạn chế đó là mắc mưu cho sự thống nhất nền Đạo. Chớ không phải lỗi tại ông này bà kia, các vị đã nhận lãnh cái bộ áo mão Thiên Phong quá cao rộng hơn tài vóc của mình thì tránh sao kẻ có tham vọng lại không muốn mặc thử?

Người ta không lấy cái quãng xiên cao van của mình mà giải thích cho tận gốc như trên, trái lại nhiều khi còn gây mâu thuẫn nội bộ Thập Nhị Thời Quân, ông ĐT dùng xảo thuật cảm ơn *“Anh lớn Thượng Sanh Cao Hoài Sang, chị lớn Chánh Phối Sư Hương Hiếu”* (Đông Tân - sđđ, tr...) coi như những vị này đã góp phần cho nội dung quyển sách. Chẳng qua các Ngài thấy một kẻ hậu sinh muốn tìm hiểu Đạo mà các ngài muốn dạy Đạo cho, chớ tuyệt nhiên các Ngài có đọc chữ nào trong một quyển sách của ĐT mà người tu theo chủ nghĩa vị tha đại đồng Tôn giáo không bao giờ nên đọc.

Mâu thuẫn hơn nữa là lời tựa của Ngài Cố Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu viết ngày....., mãi đến năm 1972 ông ĐT mới in thành sách. Chúng tôi được người trưởng nam của Ngài Bảo Pháp là Hiền tài Nguyễn Trung Ngôn, chủ nhiệm nhật báo Tiếng Việt gửi một bức thư cho Ban Thế Đạo, nhiệm Giáo lý, giải lý rõ vụ này như sau:

“Vào giữa năm 1961, ông ĐT có đến học hỏi việc Đạo nơi Thân Phụ tôi, nghiêm túc có gửi tặng ĐT một số Thánh ngôn dạy Đạo buổi đầu. Tập bản thảo lúc đó không dày như sách in và cũng không có những chú thích có “định kiến” nào. Mười năm sau đó (năm 1971), ông ĐT còn đi hỏi việc Đạo với nhiều người khác nữa như ông Mai Thọ Truyền bà Bạch Tuyết (...?). Những điều đó chứng tỏ sau khi thân phụ chúng tôi qui tiên, ông ĐT còn thêm thắc sửa chữa theo ý đồ của mình. Thế nên,

chúng tôi (...?) xác nhận lời tựa của thân phụ chúng tôi là vô hiệu lực, vì không đúng với nội dung bản thảo ban đầu”.

Trong quá trình phân chia chi phái, ông ĐT cũng bóp méo sự thật khi giúp người ngoại cuộc hiểu về Đạo Cao Đài như ông H. B Smith giáo sư trường Viễn Đông và Thi Châu thuộc Viện Đại Học Luân Đôn vẽ một sơ đồ phân chia chi phái (...?) mà Ngài..... Bảo Đạo cho là “*nhận định không chính xác*”. Đến nỗi sau đó, một người Mỹ nghiên cứu về Đạo Cao Đài phải từ Washington đáp máy sang Sài Gòn nhờ ông Khâm Châu Đạo Sài Gòn hướng dẫn lên Tây Ninh tìm hiểu sự thật và có đến tư gia tôi hỏi về nguồn gốc Đạo Cao Đài. (Lúc đó, tôi đã hoàn thành xong tiểu luận Cao học sử về Tôn giáo Cao Đài sau nhiều năm nghiên cứu). Trong câu chuyện, tôi luôn luôn quan niệm Cao Đài chỉ có một nguồn gốc chung, một khối duy nhất.

Các hàng Giáo phẩm lãnh đạo Cao Đài là những bậc chơn tu. Sự xích mích nhau giữa các thi phạm là một đương nhiên, chỉ có những kẻ xấu miệng hiểu cục diện mới lấy bé xé ra to. Sự phân chia chi phái nên coi đó là một hiện tượng chớ không phải bản chất. Vì bản chất Đức Cao Đài là duy nhất, vạn vật đều từ Ngài mà có, sự thiện ác trên đời cũng do Ngài tạo ra, điều ác thúc đẩy điều thiện lên, có việc tà thuật mới làm nổi bật nền Chánh giáo, hãy nhìn đại thể nền Đạo rồi nghiền ngẫm mới thấy được triết lý cao siêu của Đức Cao Đài ban cho nhưn loại trong thời kỳ tận thế này.

Sau đó, vào ngày khai Đạo (.....) năm thủ lãnh Hưng Đạo, Trung Hưng Bửu Tòà hướng dẫn phái đoàn về dự lễ, có gặp tôi tại sân lễ Đại Đồng Xã (cũng nên biết ĐT xuất thân từ THBT), đạo huynh có khen ngợi tôi viết sử với tâm tư người chánh đạo không đụng chạm chi phái nào (có lẽ đạo huynh muốn so sánh với quyển sử ĐT). Sau

đó, từ Sài Gòn đạo huynh có gửi cho tôi một bức thư khá dài nói về việc đạo. Trong đó anh có hỏi về nguồn cội Thập Nhị Bảo Quân mà trong Sử ĐT chưa viết tới, còn trong tập “*Sử đại cương*” của tôi, tôi đã xác nhận đây chỉ là những văn kiện lịch sử Đạo chớ chưa viết lịch sử Đạo Cao Đài, vì Tòa Thánh Tây Ninh đã co Ban Đạo Sử làm việc đó. Tôi chỉ góp phần vào kho tài liệu chung. Tuy nhiên, vẫn có liệt kê về Thập Nhị Bảo Quân rồi (*TRẦN VĂN RẠNG, Đại Đạo Sử Cương II, Tây Ninh 1971, tr 14*).

Tóm lại, viết lịch sử Đạo là một điều khó, cần nhiều năm nghiên cứu cảm thể, triết lý để thấy việc phân chia chi phái là một thực thể giáo vụ, nên phải giải quyết bằng hiện trạng xã hội, do tri thức những thi phạm còn thấp so với Giáo pháp, chớ thật ra nền Đạo xét theo bí pháp Tôn chỉ và cơ cấu tổ chức buổi đầu Đức Chí Tôn ban cho thì còn nguyên vẹn. Những người nắm bí pháp thông công với các đảng vô hình vẫn còn nguyên vẹn, vẫn là một khối thống nhất..... chung chỉ một. Đó là tam..... của Hiệp Thiên Đài và Thập Nhị Thời Quân, chỉ có những vị này mới được cầu cơ lập giáo, phong Thánh và phổ độ. Sự phát sanh ba vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh không phải do tham vọng mà có, thiên cơ chuyển các vị từ việc ngâm thi nhàn tản rồi các đảng dẫn vào đường Đạo. Trái lại, các chi phái thành hình cơ quan đồng tử có mục đích tham vọng theo một quá trình ngược lại (nghĩa là lập giáo hội rồi mới phong đồng tử), họ bất đồng chính kiến với một số giáo lãnh tại Tòa Thánh, tách rời lập Hội Thánh như Hội Thánh Bến Tre chẳng hạn.

Ông G. Gobron trong quyển “*L’historire du Caodaisme*” liệt kê 11 chi phái. Rồi sau cứ tưởng như thế là đúng mà nói theo. (?)

Ta nên xem đó chỉ là biến cố Đạo sự hoặc một cuộc

khảo duyệt «..... lấy gạo trộn bỏ trấu ra» hoặc đó là cái xác không hồn (vì thiếu bộ phận HTĐ) trước sau gì rồi cũng tiêu tán với thời gian...

Ở đây ta xét bản chất, xem những việc trên chỉ là hiện tượng, vì nền Đạo cho tới nay vẫn thống nhất. Bộ phận HTĐ vị nào cũng có về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo. Chỉ có một ít chức sắc Cửu Trùng Đài phân ly mà thôi. Việc phân chia chi phái gọi từ ngữ cho đúng là một “*thực trạng giáo vụ*” giữa con người với nhau, nên con người phải ngồi lại với nhau, như ý đã lẫn Thiên ý trong địa hạt này. Chừng nào con người chưa giác ngộ cao, chưa thấy rõ mình mất nguồn, còn ràng buộc với tư phương mình, thì chừng ấy “*thực trạng giáo vụ*” (chi phái) chưa giải quyết được.

Nhân tấm lòng ưu tư vì nền Đạo bị ý phạm lẫn át phân chia của Đức Cao Thượng Sanh, người chép sử mạo muội xét lại vấn đề như trên để nói lên sự phiến muộn của Ngài là chính đáng. Ngài cố gắng hàn lại tấm gương bể, cho đến lúc Ngài cầm giềng mối Đạo cũng cho triệu tập nhiều hội nghị để thống nhất việc ban giao hành Đạo. (*Xem thêm Đại Đạo Sử Cương III*)

Một trong những hàng giáo lãnh Hiệp Thiên Đài, một cơ quan trọng đại nhất trong nền Đạo Cao Đài, Ngài tỏ thái độ của mình trước biến cố là trở về sống cuộc đời Thế đạo, tạo một truyền thống như đạo tốt cho nhiều tín đồ noi theo.

CHƯƠNG IV

TẠO TRUYỀN THỐNG CHO CON ĐƯỜNG TU NHƠN ĐẠO

(1941-195...)

DÂY LÀ GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN NHẤT CỦA ĐẠO CAO ĐÀI, ĐỨC HỘ PHÁP VÀ NĂM VỊ CHỨC SẮC BỊ PHÁP bắt lưu đài. Tháng-1941, Tỉnh trưởng Tây Ninh hỏi mượn Tòa Thánh cho lính vào ở, Đức Thượng Sanh rất ưu tư, nhiều người đến gặp Ngài ở Sài Gòn mong được Ngài về Tây Ninh lèo lái nền Đạo, Ngài thấy thời cơ đen tối, vai trò Ngài chưa tới nên Ngài vẫn tiếp tục con đường thể đạo, độ đời đưa vào cõi Đạo.

Có người viết sử cho Đạo Cao Đài có hai phân vô vi và hữu hành (phổ độ) như vậy là mất cân đối mà vô vi thì không phổ độ hay sao? Phổ độ theo kiểu của vô vi chứ thật ra, Đạo Cao Đài theo luật “*nhất dĩ hoán chi*”, chỉ có một, nhưng PHƯƠNG TU ĐẠI ĐẠO (...?) theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, con đường nào cũng đưa về cõi thiêng liêng hằng sống, con đường hành đạo theo Cửu Phẩm Thần Tiên, hay Tam Thừa vô vi (hạ thừa, trung thừa và thượng thừa) tức tu tỉnh.....???..... ngộ.

Phương tu thứ nhất là con đường Hành Đạo, tu theo hàng Giáo phẩm, phổ độ chúng sanh, đây là mặt nổi của nền đạo, chư vị theo con đường này là Phạm Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung...

Phương tu thứ hai là con đường Thiên Đạo vô vi hay con đường tu luyện tắt. Con đường vô vi lặng lẽ nhưng rất trừ phú về tâm linh. Người đặc đạo theo lối tu này là Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Cao Thượng Phẩm....

Đức Thượng Sanh là hình ảnh, là mô thức con đường Thế Đạo. Pháp Chánh Truyền ghi: *“Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh”*.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy đem các chơn linh đầu nguyên sanh, qui sanh hay là hóa sanh lên phẩm vị nhơn loại mới trọn câu phổ độ.

“Chơn linh các nguyên nhân bị đọa trần nay hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi (ấy là Thế Độ) nên Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo, nắm luật thế nơi tay mà điều dẫn cả chúng sanh vào cửa Đạo.

“Thượng Sanh là cây cờ của thế, tức là Đời, ấy vậy đời nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó”.

Đức Cao Thượng Sanh một trong những hàng giáo lãnh buổi đầu của nền Đạo, Ngài cũng có bốn phạm thi hành Thiên mạng mà Đức Chí Tôn giao phó. Nếu Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm để lại những gương hành đạo tận tụy, vô ưu, đại độ cho chư tín đồ thì Đức Cao Thượng Sanh tạo ra một truyền thống về phần *Nhơn Đạo*, Ngài là điển hình mẫu mực cho con người Thế Đạo, làm khuôn thước cho người đời noi theo. Thế nên, từ năm 1941 đến 1956, Ngài ở lẫn lộn với đời để độ đời, vì *“đời nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó”*.

Cái nếp sống nhơn đạo, giữ gìn thế luật thể hiện qua những nét lớn như sau; vừa làm vừa tu, giữ gìn thế luật, độ Đời vào Đạo, làm tròn nhơn đạo mong được cứu rỗi. Chữ NHƠN trong chữ Nhơn Đạo gồm chữ Nhơn đứng và chữ Nhị, có nghĩa là từ hai người trở lên mới thấy được lòng nhơn, nói cách khác nhơn đạo là cách đối xử giữa người này và người kia trong mối tương quan tam cang ngũ thường, tứ đức tam tàng, thành ý, chánh tâm... Muốn được vậy *“ăn ở*

chơn chánh, hành động đơn giản” (cư kính như hành giản) và “*người có nhân hễ muốn tự lập thì họ lập cho người còn muốn đạt đích thì làm cho người cùng đạt, hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với người như thế*” (Luận Ngữ). Thế thì lối tu giữa chợ Sài Gòn mà Đức Cao Thượng Sanh thử nghiệm là lối tu khó nhất, bị quyến rũ và khảo đảo hơn lối tu núi (Lão), tu Chùa (Phật), tu tế (Nho) còn Đạo Cao Đài là *tu tâm*, trị cái tâm bướng bỉnh, phải lo tròn *Nhơn Đạo* mới bước qua *Thiên Đạo*. Giáo lý Cao Đài không từ chối cuộc sống hiện tại, không mơ ước một Thiên đường xa mờ mà trái lại, Thần học Cao Đài vẫn coi cuộc sống này là một phần của đời sống vĩnh cửu phải làm cho nó tốt đẹp: Thiên đường trần gian. Con người đang sống trong hiện tại, cũng là sống trong trường cửu. Nói một cách khác ý niệm về thời gian hiện tại và trường cửu vẫn là một. Cho nên giá trị về hơn đạo trong Đạo Cao Đài rất tinh tế và siêu thoát. Chưa sống giữa con người, chưa chịu sự khảo đảo của thế gian thì tu không thể thành đạt, vì “*tu thân dĩ Đạo, tu Đạo dĩ nhân*”.

Đặc điểm đầu tiên của Đức Cao Thượng Sanh là vừa đi làm việc đời vừ tu tại gia cho đến lúc hồi hưu dưỡng lão. Nhiều vị theo chân Ngài như Trương Hiến Pháp, Phạm Hiến Đạo... và đa số các phái Đạo.

Khi làm việc tại cơ quan Nhà nước, Ngài luôn luôn giữ gìn thể luật: “*ra giao thiệp với đời thì giữ tánh ôn, lương, cung, khiêm, nhượng*” (25?). Còn “*đối với hàng đạo hữu nuôi nấng cái tính thù tạc với nhau cho khăng khít cái cây liên lạc*” (26?). Đối với hàng tín đồ, trong những việc tang, hôn, Ngài đều đến thăm viếng. Đối với những vị Thời Quân cư ngụ tại Sài Gòn, Ngài đến bang giao hành Đạo rất tương thân tương ái, phải nói cả số vị Thời Quân..... quan điểm về việc hành Đạo của Ngài. Đối với hàng Giáo lãnh Hiệp Thiên

Đài và như Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Hộ Pháp, Ngài cũng cộng ưu chung sự.

Năm 1928, Đức Cao Thượng Phẩm bị nạn, Ngài về Tòa Thánh viếng thăm và chia buồn, an ủi, Đức Cao Thượng Phẩm cảm cảnh nảy ra rồi tự thán:

THI

*Công trình gây dựng Thất Tây Ninh
Bằng địa sóng xao khiến rập rình
Tà mị phạm rung rinh chất Thánh
Mùa màng sâu phá hoại hồn kinh
Xưa Tòa Thánh dập dìu lai vãng
Nay Bửu đình hiu quanh lụy nhìn
Thương Đạo mến Thầy xin sớm liệu
Cộng tâm chung trí chớ làm thinh (27?)*

Thông cảm được nỗi oan khiên của Đức Ngài, Đức Cao Thượng Sanh đã họa bài thi trên như vậy:

HỌA VĂN

*Dập dìu nào buổi Thất Tây Ninh,
Hiu quanh hôm nay gió rập rình
Trước ngõ lơ thơ vài đạo hữu
Sau hiên meo mốc mấy pho kinh
Rừng xơ vẻ thắm chim không đỗ
Cảnh lọt màu tươi khách biếng nhìn
Xây dựng là ai, ai phá hoại
Sụt sùi để bước khó làm thinh.*

Tuy Ngài không ở tại Tòa Thánh hành đạo buổi đầu, nhưng tâm tư Ngài lúc nào cũng hướng về Tổ Đình. Cảm nhận niềm đau của Đức Cao Thượng Phẩm làm cái đau của Ngài, vì “con ngựa đau cả tàu bỏ không ăn cỏ”, niềm vui của

Đức Hộ Pháp là niềm vui của Ngài, của toàn Đạo.

Năm 1946, Đức Phạm Hộ Pháp được chính phủ Pháp trả tự do từ Madagascar về Việt Nam rồi về Tây Ninh. Ngày 4-8-Bính Tuất, ngài về Tòa Thánh đến thăm Đức Phạm Hộ Pháp và có làm một bài thơ cảm tác như sau:

CẢM TÁC

*Nhánh lá rừng tòng đã điểm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp oan vầy khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trông, đôi cảnh nghịch
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử điểm trang tân sử,
Đố lệ cùng nhau gượng để lời.*

CAO THƯỢNG SANH

Đức Cao Thượng Sanh ở lại cúng Hàm, dự lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bà Bát Nương giáng cơ cho Đức Hộ Pháp bài thi:

THI

*Đào Nguyên lại trở trái hai lần
Ai ngộ Việt Thường đã thấy lân.
Cung Đẩu ví xa gương xích quỷ,
Thiên cung mở rộng cửa Hà Ngân.
Xuân Thu định vãng ngô-lương-tể,
Phất chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thối khí vĩnh sanh lau xả tặc,
Mở đường quốc thể định phong vân.*

BÁT NƯƠNG (28)

HỌA VẬN

*Dựng gậy xā tắc bấy nhiều lần,
Mong mỗi vùng Nam đặng thấy lân.
Đánh Việt Trời cho gìn cảnh trí
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,
Thiên khiên dành riêng đấm tội thân.
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,
Làm trai tua vẹn chí thanh vân.*

CAO THƯỢNG SANH

Cái phong cách vừa làm việc đời vừa tu của Đức Cao Thượng Sanh không những phù hợp với tuyệt đại đa số tín đồ mà còn ảnh hưởng đến nhiều hàng Giáo lãnh, nhất là ở các phái Đạo. Ở các Thánh Thất tự lập người ta không phệ đời hành đạo, ly gia cắt ái mà sống giữa dòng đời để độ đời vào Đạo. Nhưng ai ai cũng giữ gìn Thế luật: trai kỳ 10 ngày, tiếp tục sống chung lộn với vợ con, “*rủi có chích lẻ giữa đường thì được chấp nối*” (29?). Đức Cao Thượng Sanh đã thực hiện điều thứ 9 của Thế Luật, tuy đã được Thiên Phong từ năm 1925, nhưng đến năm 1946 vợ vẫn còn sanh người con út và nhiều Chức sắc khác đời sống vợ chồng vẫn được tiếp nối.

Đây là quan niệm rất nhân bản, và rất mới mẻ của giáo lý Đạo Cao Đài, vì thế giới loài người phải tồn tại, các người Đạo là chu trình kín tiếp nối nhau, con người phải luôn luôn luân lưu chuyển kiếp để được thánh thiện. Đạo Cao Đài xác định quan điểm trên bằng cách thờ Thần Shiva (Civa), Thần tình ái mà nhân dân Ấn Độ tôn sùng để hộ trì cho nước họ được miên trường, Thần có vợ là Parvati phò trợ cho tình yêu của thanh niên nam nữ Ấn Độ (30?). Đến kỷ nguyên Cao Đài thì Thần Shiva đạt vị Phật, được tạc

tượng thờ trên nóc Bát Quái Đài, quay mặt về hướng Bắc, chân đạp trên thất đầu xà tượng trưng cho diệt thất tình, khởi hôn mê tình ái như lúc còn là Thần (nên đọc tiểu sử Thần Siva để biết rõ hơn).

Việc thờ Phật Shiva bên ngoài Tòa Thánh xác nhận Đạo Cao Đài coi việc bảo tồn giống nòi là cần thiết (chớ không noi theo cả hành vi của Thần Shiva), nhưng đó không phải là căn cốt của giáo lý Đạo Cao Đài, mà giáo lý chính truyền nằm trong nội điện Tòa Thánh.

Bàn những điều trên để thấy rằng Đạo Cao Đài rất nhân bản, gần gũi con người, thuận khoa học, tôn trọng luật tự nhiên của Tạo Hóa. Thượng Sanh theo Pháp Chánh Truyền thì *“Trong các kiếp hữu sanh, duy có con người là cao hơn hết nên gọi là Thượng Sanh”*. Vậy Cao Thượng Sanh chỉ là một người biểu hiện đầy đủ tính người, nghĩa là cũng có đầy đủ đời sống tình ái vợ con, công ăn việc làm như mọi người. Nhưng Ngài có cái khác hơn là mang Thiên lệnh *“độ dẫn các nguyên nhân đọa trần vào cửa Đạo”*, Ngài phải mặc áo màu tu sĩ để dẫn dắt người đời từ giữ gìn thế luật sang Thiên luật Đạo Pháp, mà muốn độ được đời thì phải giống đời, sống trong đời, nếu khác người thì người làm sao theo đạo được.

Vả lại luật đạo không ngăn cấm tu sĩ lập gia đình, hoặc theo Đạo thì dứt tình vợ con, nhưng Đức Chí Tôn cũng không bao giờ buộc con cái Ngài phải trầm luân mãi trong vòng trần tục. Thế nên, chữ nhưn đạo của Ngài không bắt buộc phải thỏa mãn vấn đề tình dục giữa một nam và một nữ.

“Cái quyền tự chủ định phận lấy mình, Ngài đã giao trọn nơi tay chúng ta... cái trí não tinh thần của một cá nhân vốn chẳng đồng nhau nên chẳng có sự buộc ràng nào về mặt sinh lý giữa một nam và một nữ. Trong quyền *“Phương tu*

đại đạo”, Đức Hộ Pháp khi luận về đạo vợ chồng, Ngài đã công khai nhắc nhở thanh niên nam nữ rằng: liệu như hoàn cảnh mình không đủ sức đùm bọc đời sống cho nhau thì đừng tạo thêm vòng oan trái.

“Như vậy nhơn đạo không nằm trong sự ràng buộc về sinh lý giữa hai thể xác nam nữ mà nằm trong mối tương quan có tính cách giao tế giữa hai con người, khi hai kẻ ấy đã tự mình ký thỏa ước chung về cùng nghiệp là lập gia đình....

“Vòng thê tử luôn luôn có cái nhân của nó, cái nhân ấy do chính chúng ta gây ra, nhưng chúng ta lại sợ hãi quả nghiệp nên cái trí tinh ranh, xảo quyết của ta mới tìm ra những luận lý sắc bén để trấn an tâm thức rằng đó là cái đạo làm người, rằng Đức Chí Tôn muốn thế. Cái trí xảo quyết của chúng ta còn tìm cách xuyên tạc Thánh giáo. Đại ý nói rằng nhơn đạo tròn mới bước qua Thiên Đạo, như là một điều kiện bắt buộc ai ai cũng phải có vợ, có chồng rồi mới có thể tu theo đường Thiên Đạo.

“Buổi mới khai đạo, nhiều người vừa thức tỉnh mộng trần, toan tìm đường lên non luyện thuốc trường sanh, phớt bỏ việc làm ăn sinh sống của gia đình, trút hết gánh nặng của mình đã tạo ra, bỏ mặc cho xã hội, tìm đường chạy trốn cho được yên thân, gọi là tu hành (?). Ngài thấy vậy, biết chắc kết quả chẳng đến đâu, bởi luật công bình không dung thứ cho *kẻ trốn nợ đời*, nên mới có lời khuyên như trên, tuyệt đối Ngài không hề khuyến khích tiếp tục cuộc ân ái gối chăn...

“Tuyệt nhiên Ngài không hề xác nhận rằng việc nối dõi tông đường là một bổn phận về nhơn đạo mà Ngài chỉ cho phép nếu ý chúng ta như vậy. Đây là một điểm trọng hệ, vì nếu điều luật này hiểu một cách máy móc thì học thuyết Cao Đài sẽ có những điểm mâu thuẫn nội tại, hai tiếng Đại Đạo sẽ

thành ảo tưởng, cái cơ duyên.... dung hợp tất cả... giáo thuyết sẽ không còn nữa” (31?)

Khi tâm thức bừng sáng ánh Đạo ở điểm nào thì ta bước ngay sang đường Thiên Đạo ở điểm đó, mà không chút ngần ngại.

Tóm lại, Phương Tu Đại Đạo có ba con đường: Vô Vi Thiên Đạo, Đạo Pháp Thiên Đạo (Hành Đạo) và nhơn đạo, thì con đường nhơn đạo trù phú vì gần gũi với dục tâm con người hơn cả. Đức Cao Thượng Sanh là một người phản ảnh đầy đủ sắc thái của nếp sống nhơn đạo: thi hành Thế luật..... giữ ngũ giới cấm, tứ đại điều qui, tam cang ngũ thường và những bốn phạm con người trong xã hội. Hạng tín đồ và tuyệt đại đa số các phái Đạo đã coi Ngài là cái gương phản chiếu trong cuộc sống, vì lo tròn nhơn đạo là được cứu rỗi rồi.

Thật vậy, Đức Cao Thượng Sanh đã để lại cho hậu thế một truyền thống tu theo đường nhơn đạo, làm nền nếp cho mọi tín đồ khi bước chơn vào cửa đạo noi theo.

CHƯƠNG V

HÀNH ĐẠO TẠI TÒA THÁNH (1956 - 1971)

THIÊN MỆNH CỦA ĐỨC CAO THƯỢNG SANH LÀ ĐỘ ĐỜI VÀO CỬA ĐẠO, NGÀI ĐÃ TẠO XONG MẪU MỤC của con đường nhân đạo, nhưng cái gốc của Ngài là một Chức sắc Đại Thiên Phong, ngươn linh là Lữ Đồng Tân trong Bát Tiên, Ngài cần phải lo cho phần Thiên Đạo, cầm giềng mỗi Đạo lèo lái thuyền Từ lướt qua mọi thác ghềnh trong cơn đột biến.

“Số là vào đầu tháng.... năm Ất Mùi, vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đạo Cao Đài khi đã được quốc gia hóa, ra lệnh lập Ban Thanh trừng bắt nhiều Đạo hữu giam cầm. Còn chính Đức Hộ Pháp cũng bị giam lỏng tại Hộ Pháp Đường từ.... Ất Mùi (19.....) đến ngày.... 1-Bính Thân (19....). Vì quá buồn tủi cho cảnh đồng đạo tương tàn, đức Hộ Pháp buộc lòng cùng nhiều Chức sắc tùy tùng rời Thánh Địa nhắm thủ đô..... quốc trực chỉ (Diễn văn của Đức Cao Thượng Sanh đọc nhân lễ kỷ niệm Triều thiên của Đức Phạm Hộ Pháp năm 1964)

Khi Đức Hộ Pháp sang Campuchia thì công việc tại Tòa Thánh tạm thời do vị Thời Quân Bảo Thế Lê Thiện Phước nắm giữ ngày 17 tháng Giêng năm Bính Thân (1956) Ngài Bảo Thế đại diện Hội Thánh ký với đại diện chính quyền Ngô Đình Diệm “*Bản thỏa ước Bính Thân*” nhằm xác nhận là Đạo Cao Đài từ đây tách rời chính trị ra khỏi Đạo.

Đến ngày 10-3-Đinh Dậu (dl 9-4-1957) do vi bằng của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Phước Thiện nam nữ yêu cầu Đức Cao Thượng Sanh và các vị Thời Quân về Tòa Thánh

cầm giềng mỗi Đạo.

Trong thời gian hành đạo tại Tòa Thánh, Đức Ngài đã làm nhiều việc lưu hậu thế đáng kể như sau:

– Đưa Đạo Cao Đài ra ngoài các ảnh hưởng chính trị, trở về hoạt động thuần túy tôn giáo.

– Tạo tư cách pháp nhân cho nền Đại Đạo theo Hiến chương ngày 19 tháng 12 năm Giáp Thìn (21 tháng 1 năm 1965 d.l.) và được ông Tổng Thống VNCH ký sắc luật số 003/65 ngày 12 tháng 7 năm 1965 d.l thừa nhận.

– Cuối năm 1965, Ngài ký ban hành Qui điều Ban Thế Đạo. Ban Thế Đạo manh nha từ trước ngày... Quý Ty, Đức Lý Giáo Tông cho phép thành lập và được Đức Phạm Hộ Pháp duyệt qua Qui điều ngày....(....).

Vì cây cờ Thế nằm trong tay Đức Thượng Sanh nên mãi đến lúc Ngài nắm quyền mới ra mặt đời. Ban Thế Đạo là cơ quan thuộc về phần đời, bắt nguồn từ cửa đạo phát xuất làm dây nối liền cho Đạo Đời tương đắc, tương liên, ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời chuyển thế. Chức sắc Ban Thế Đạo tuy có 4 phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử, nhưng Hội Thánh HTĐ chỉ chọn Chức sắc các bậc Hiền tài. Đợt tấn phong đầu tiên đồng loại vào ngày 7/8/Bính Ngọ nhằm ngày 21/9/1966 và đợt tấn phong do Ngài chủ trì lần thứ 3 là ngày 8/2/Canh Tuất (19/3/19.....) trước khi Ngài qua đời Ngài huấn dạy trong buổi lễ tấn phong:

“Quý vị may duyên sanh nhằm thời trên đất nước được có nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đấng Chí Tôn khai sáng với tôn chỉ tận độ chúng sanh, cứu vớt 92 ức nguyên nhân đọa trần thoát vòng khổ hải.

Mở rộng trường thi công quả để tiếp đón nhân tài, Hội

Thánh chỉ mong ước cho quý vị thấm nhuần đạo đức, lập chí tu thân, trước là tròn bổn phận làm người, sau nữa có thể thi thố tài năng giúp đời trợ Đạo tùy theo địa vị và hoàn cảnh của mỗi người.

Một đấng Hiền tài là một nhân vật có phẩm giá đặc biệt, đầy đủ đức độ và chân tài. Cái tài do sự học, cái đức là do lập chí tu thân theo Đạo Thánh hiền mà được.

Nếu có tài mà không có đức thì cũng như đóa hoa có sắc mà không hương, cái tài đó cũng không phải là tài hữu dụng.

Những ông hiền được đời mến phục vì những đấng ấy có tư tưởng cao siêu, hành vi xuất chúng, lúc nào cũng cứ ngay thẳng mà làm điều lành, điều phải, không vì tư tâm tư lợi mà hại đạo lý. Giàu sang không thể làm cho đổi được cái chí của mình, uy quyền võ lực không thể làm khuất được cái khí của mình.

*Lúc nào bậc hiền nhân cũng không tự dối với mình và dối thiên hạ, cho nên ngẩng lên không xấu với Trời, cúi xuống không thẹn với người, cùng khổ không mất nghĩa, hiển đạt không lìa Đạo **“Ngũn bất quý ư Thiên, phú bất tạc ư nhân, cùng bất thất nghĩa, đạt bất ly Đạo”**.*

Các bậc hiền thời xưa được có cái tiết tháo như vậy là nhờ biết phân biệt cái tước của Trời cho và cái tước của người cho.

Nhân, Nghĩa, Trung, Tín, vui làm điều lành không mệt là cái tước của Trời cho tức là Thiên Tước; công khanh, đại phu là cái tước của người cho tức là Nhơn Tước.

Người xưa lo sửa cái Thiên Tước, thì cái Nhơn Tước theo sau và được bền bỉ. Người đời nay chỉ lo mình có cái Thiên Tước để cầu cái Nhơn Tước. Khi đã được cái Nhơn Tước rồi thì dẹp bỏ cái Thiên Tước. Không màng đến nữa. Như thế thật là quá nông nổi, vì rốt cuộc thành ra mất hết, cái Nhơn

Tức cũng không giữ được bao lâu.

Mở rộng Ban Thế Đạo, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài do theo nháy của Đức Hộ Pháp, ban phẩm Hiền Tài cho những bậc hữu học để khích lệ hạng trí thức nhập vào trường công quả hầu có dịp tiến đức tu thân theo chí hướng của mình.

Thật ra sự giúp Đạo của quý vị không có tính cách bắt buộc. Hội Thánh để cho quý vị thư thả định liệu, phải tùy cơ hội, tùy dịp may mà thực hành.

Là Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, chúng tôi cần có thật nhiều bậc nhơn tài để làm bạn đồng chí giúp sức với chúng tôi trong việc thức tỉnh nhơn tâm quay về với THIÊN LƯƠNG và ĐẠO ĐỨC.

Chính quý vị là những đồng chí đó, chính quý vị là những gạch nối liền làm cho Đạo, Đời tương đắc, tạo cảnh thuận tiện cho Chức sắc Hành Chánh Đạo nêu cao ngọn cờ cứu khổ khắp đất nước”.

Sau đó Ngài cho chấn chỉnh lại guồng máy Đạo cho xây hoặc tu sửa lại các Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu cho các Châu Đạo, Phận Đạo. Tại Tòa Thánh Ngài cho xây cổng Chánh Môn và mười hai cổng phụ chung quanh Tòa Thánh.

Ngài chấp thuận cho xây Văn phòng Ban Thế Đạo, nên vào trung tuần tháng 3/1970 toàn thể Chức sắc Ban Thế Đạo Nam Nữ các nơi đều về tề tựu tại giảng đường lớn để hội thảo và kiểm điểm công tác trong năm qua và đặt kế hoạch hoạt động, kiến thiết Văn phòng Ban Thế Đạo, Ngài đã đến chủ tọa và ban Huấn Từ.

Ngài chấp thuận giải pháp Ban Thế Đạo đưa Hiền tài ra tranh cử Hội Đồng Tỉnh năm 197... tại 4 quận trong tỉnh Tây Ninh và một vài nơi trong toàn quốc. Riêng tại... Phú Khương đã có 5 Hiền Tài được chọn làm đại diện Ban Thế

Đạo ra tranh cử đều đắ cử về vang.

Nhằm phát triển tình hữu nghị và thắt chặt tình hòa hợp nhân loại giữa một Giáo phái ở Thổ Nhĩ Kỳ và Đạo Cao Đài ở Việt Nam, Ngài đã cho thiết lập sự liên lạc giữa Tòa Thánh Tây Ninh với Thành Phố Xeynia nước Thổ Nhĩ Kỳ.

Năm 1970, Ngài đặt nặng việc cứu trợ Việt kiều hồi hương từ Campuchia và chư Đạo hữu ở Thánh Thất Kiêm Biên về Tây Ninh hoặc vùng Thánh Địa Cao Đài. Ngài đã chỉ thị cho Truyền Trạng..... gửi cho ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc một bản văn về Việt kiều bị thảm sát tại Campuchia.

“À son Excellence secrétaire général de l’C. N. U - New York

Froindément émus massacre commis contre Vietnamiens Résidents campodge stop.

Klerton CNU pour inteiventin an faveur Vietnamiens au conscience et Droit de l’home - stop.

Frions excellence agir en son nom personnel en Vue arrêtar acte similare - stop”

CHƯƠNG VI VIỆC THỐNG NHẤT CHI PHÁI

1. Điều kiện qui nhứt về Toà Thánh
2. Sự vận động hợp nhất các phái Đạo
3. Việc thống nhất vẫn tiến đều

SAU KHI ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP SANG CAM BỐT THÌ ĐẠO SỰ TẠI TOÀ THÁNH TẠM DO VỊ THỜI Quân Bảo Thế Lê Thiện Phước cầm giềng mối.

1. ĐIỀU KIỆN QUI NHỨT VỀ TOÀ THÁNH

Ngày 17 tháng giêng năm Bính Thân (28-2-1956) Ngài Bảo Thế đại diện Hội Thánh Cao Đài ký với đại diện chánh quyền Ngô Đình Diệm “*Bản thoả ước Bính Thân*” nhằm xác nhận là Đạo Cao Đài từ đó tách rời chính trị ra khỏi Đạo.

Đến ngày 10/3/ Đinh Dậu (9/4/1957) do vi bằng của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Phước Thiện Nam Nữ yêu cầu Đức Thượng Sanh (đang ở Sài gòn) và chư vị Thời Quân về Toà Thánh Tây Ninh cầm giềng mối Đạo.

Sau khi nắm quyền Đạo, việc trước tiên của Đức Thượng Sanh là muốn thống nhất nền Đạo, nên Ngài cầu xin với Ông Trên phán quyết về Đạo Nghị Định Thứ Tám do Đức Lý và Đức Hộ Pháp lập vào ngày 15 tháng 7 năm Giáp Tuất, nội dung như sau:

NGHỊ ĐỊNH 8

“*Điều thứ nhứt:* Những chi phái do bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh

Hội Thánh thì cả chung sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn mà phải định quyết là Bàn môn Tà đạo.

Điều thứ hai: Các Tôn giáo xin nhập môn vào mỗi chơn truyền phải có đủ quyền Vạn Linh công nhận (*Tân Luật, Paris Gasnier*).

Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 17 tháng 10 năm Đinh Dậu (8/02/1957) Đức Lý Bạch có dạy:

“Chư hiền hữu Hiệp Thiên Đài, về Đạo Nghị định của Lão đối với chi phái là phương pháp lúc trước để phổ độ nhơn sanh mà thôi. Hiện giờ của Đạo đã mở rộng thì cơ QUI NHỨT thế nào cũng sẽ thực hiện được (Cao Đăng Hạnh Đường năm Nhâm Tý (1972) số 21 HO)

Thêm vào đó, đàn cơ tại Giáo Tông Đường đêm mồng 10 tháng 4 năm Giáp Thìn (1964) có Đức Thượng Sanh, chư Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài hầu đàn, Đức Hộ Pháp giảng dạy có khoản như vậy:

“Ngày giờ đã đến, Bản Đạo để lời khuyên cả Chức sắc và toàn Đạo rón thế nào thống nhất nền Đạo cho được, mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc”.

Sau đó Hội Thánh đã ban hành:

ĐIỀU KIỆN QUI NHỨT VỀ TOÀ THÁNH

1. Nhìn nhận Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cùng một pháp nhân với sự thờ phượng cúng kiến duy nhất.
 - a. Thờ Thiên Nhân
 - b. Kinh Lễ Tân Kinh (Thiên Đạo Thế Đạo)
 - c. Tuân y Tân luật và Pháp Chánh Truyền.
2. Thống nhất các danh từ đạo gồm có:
 - a. Một Toà Thánh duy nhất đặt tại Tây Ninh, còn

- các nơi khác gọi là Thánh Thất hay Thánh Tịnh
- b. Một Hội Thánh duy nhất tại Toà Thánh Tây Ninh cầm quyền chương quản nền Đạo.
3. Để tiến đến sự thống nhất trọn vẹn, tạm thời tôn trọng hệ thống tổ chức địa phương và chức phẩm của mỗi chi, chờ ngày quyền Thiêng liêng định vị tại Cung Đạo Toà Thánh Tây Ninh do Hiệp Thiên Đài Toà Thánh phò loan.
- a. Đứng vào hàng chức sắc Thánh thể phải tùng Đạo pháp, phế đời hành Đạo.
- b. Chức sắc các chi về Toà Thánh tạm thời hành sự dưới quyền Hội Thánh Hiệp Thiên Đài tối thiểu là một năm mới được dâng lên quyền Thiêng liêng định vị tại cung Đạo.
- c. Khi hành lễ mặc áo tràng trắng, khăn đen, sắp ngồi thứ trên từng lầu Hiệp Thiên Đài.
4. Mỗi tam cá nguyệt có một phiên họp thường lệ liên chi tại Toà Thánh, mỗi phái đoàn gồm 5 vị đại diện để chung lo phổ biến giáo lý Đại Đạo phát huy cơ qui nhưt
5. Mỗi chi cần đề cử một vị Chức sắc đại diện có đủ thẩm quyền thường trực tại Toà Thánh Tây Ninh để giao tiếp với Hội Thánh.
6. Trong khi điều hành việc Đạo nếu gặp phải một vấn đề nào khó khăn mà trí phàm không quyết đoán được mới thỉnh giáo các Đấng Thiêng liêng tại Cung Đạo do Chức sắc Hiệp Thiên Đài Toà Thánh Tây Ninh phò loan, còn cơ bút các nơi khác chỉ để học hỏi riêng mà thôi, không được ban hành chung.
7. Thường niên lập một phái đoàn hỗn hợp Phái Đoàn Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây

Ninh, mỗi chi hai vị để viếng thăm các Thánh Thất, Thánh Tịnh và bốn đạo trong toàn quốc.

8. Cần lập danh sách Chức sắc, Chức việc và tín hữu nam nữ mỗi chi gửi về Tòa Thánh Tây Ninh để biết số thống kê chư tín hữu Cao Đài trong quốc nội và quốc ngoại.
9. Lập trường chung cho toàn Đạo là phải thành thật thuần túy đạo đức.

Toà Thánh Tây Ninh, ngày mừng 8 - 1 - Kỷ Dậu (1969)

HỘI THÁNH (Ban Đạo Sử, tài liệu lưu trữ ơ)

Đọc mấy văn kiện trên, ta thấy đây là thời điểm thuận tiện nhất cho việc thống nhất nền Đạo.

2. SỰ VẬN ĐỘNG HỢP NHẤT CÁC PHÁI ĐẠO

Phấn khởi với Thánh Giáo Đức Lý ngày rằm tháng 6 năm Giáp Thìn (1964) một phiên họp của các đại diện Hội Thánh các chi phái Đạo Cao Đài đặt tại Tam Giáo Điện Minh Tân (Sài gòn) gồm có đại diện 7 Hội Thánh và đại diện cơ quan Đạo. Mục đích là tìm phương pháp qui hợp thống nhất các chi phái Cao Đài về Tòa Thánh Tây Ninh. Toàn Hội giao nhiệm vụ chủ tọa cho Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu.

Toàn Hội quyết định thành lập ban vận động lấy tên là “*Tổng Hợp Chi Phái Cao Đài*” tạm thời uỷ quyền cho ông Trần Văn Quế lãnh tiếp xúc với các Hội Thánh.

Đại hội “*Tổng hợp Chi Phái Cao Đài*” họp ngày 23/08/1964 tại Thánh Thất Nam Thành (đường Nguyễn Cư Trinh - Sài gòn) gồm 7 đại diện Hội Thánh. Sau khi bàn giải tán thành lập Ban Chấp Hành lâm thời với danh hiệu “*Ban Vận Động Tổng Hợp Chi Phái Cao Đài*”.

Ông Trần Văn Quế lãnh nhiệm vụ Tổng thư ký đại

diện Hội Thánh Truyền Giáo. Những chức vụ khác chia cho các chi phái Đạo sau đây: Hội Thánh Nhị Giang, Toà Thánh Tây Ninh, Bạch y Liên Đoàn, Công Đồng Giáo Hội.... Sau đó ông Trần Văn Quế có hướng dẫn phái Đoàn về Toà Thánh Tây Ninh để bàn việc thống nhất.

Hội Thánh thực thi “*điều kiện qui nhứt về Toà Thánh*” Ông Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu tạm phong Đại Phu và nhiều vị khác chức Hiền Tài.

3. VIỆC THỐNG NHẤT VĂN TIẾN ĐỀU

Nhận lời mời của Hội Thánh, ngày 22/11/1972 các chi phái về Toà Thánh đại hội thống nhất Đạo tại Hội Trường văn phòng Ban Thế Đạo vào ngày 17 tháng 10 năm Nhâm Tý (22/11/1972) gồm các phái đoàn: Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất trung ương, Hội Thánh tam Quan Trung Việt, Phái đạo Cao Đài Chiếu Minh Cần Thơ, Hội Thánh Di Lạc Vĩnh Long, Hội Thánh Cao Thượng Bửu Toà Bạc Liêu, Hội Thánh Tiền Giang Gia Định, Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Cơ quan phổ thông giáo lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Hội Thánh Truyền Giáo Đà Nẵng, Hội Thánh Tây Ninh.

Trong bài diễn văn khai mạc Đại Hội Ngài Hồ Bảo Đạo nói:

“Nhớ lại mấy năm trước đây, cố đại huynh Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu cùng một số đại diện về nơi đây hội hiệp với cố Đại Huynh Thượng Sanh Cao Hoài Sang và chúng tôi. Toàn hội buổi ấy quyết định thống nhứt về tinh thần, đồng nhìn nhận chỉ một Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chung thờ một chủ nghĩa: Công Bình, Bác Ài, Từ Bi”

■ (Thông tin (viết tắt TT) số 65 ra ngày 30/11/1972)

Bài phát biểu của ông Kiến Minh trưởng phái đoàn các

Hội Thánh có đoạn viết:

“Với tư cách Trưởng phái đoàn được uỷ thác, đại diện các Hội Thánh và các cơ quan Đạo tham dự hội nghị, chúng tôi đề nghị: chúng ta hãy lắng lẽ nhìn nhau trong tình yêu thương chan chứa giữa con cái của Thầy, rồi cùng nhau lấy lòng hiệp hoà hiếu kính làm của lễ trân trọng dâng lên Chí Tôn và Phật Mẫu”

Sau đó, các phái Đạo lần lượt qui về Toà Thánh Tây Ninh. Khởi đầu là phái Đạo Từ Vân (Phú Nhuận) qui về ngày 22 tháng 4 năm Nhâm Tý (1972).

Một vị đại diện phái Đạo Thánh Thất Từ Vân trình bày ước nguyện qui về Toà Thánh Tây Ninh đã ôm ấp từ lâu:

“Chúng tôi xin nhắc lại đoạn đường dĩ vãng. Vào khoảng năm 1937, trong lúc bước Đạo thăng trầm, quý vị Thời Quân tản mạn tại Đô Thành. Một cơ hội cho gia đình chúng tôi lập công bồi đức..... Buổi ấy do Đức Thượng Sanh thay mặt Hội Thánh ký tên nhận lãnh làm chủ ngôi chùa Từ Vân cũng như phần đất. Chính quý vị tiền bối đã đặt bằng hiệu Thánh Thất Từ Vân thay vì Từ Vân Tự.

“Cũng vào năm ấy quý vị lập thành cơ cấu hành sự mang danh là CƠ QUAN TÁI LẬP, để xúc tiến việc Đạo tại Đô thành và vùng phụ cận, mục đích là qui tụ quý Chức sắc và chư tín đồ ngõ hầu chấn chỉnh Cơ đạo không bị phân hoá vì thời cuộc ...

“Nguyện vọng của chúng tôi được hoàn thành. Vậy là Hội Thánh đã ban cho chúng tôi một sự mừng vui của hai thế hệ, một thế hệ tiền nhân của chúng tôi đã khuất chắc chắn hài lòng. Một thế hệ hiện tại là chúng tôi rất hả dạ”.

■ (TT số 54 ra ngày 20/6/1972 trang 8,90)

Lời phát biểu: *“Chấn chỉnh Cơ Đạo không bị phân hoá*

vì thời cuộc” trên đây đã lý giải được mục đích tối thượng của “*Tờ Kinh Cáo*” vào ngày 18/11/1937 của Đức Cao Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân (trừ Khai Pháp và Tiếp Đạo) ký tên không nhìn nhận Đức Phạm Hộ Pháp. Đức Thượng Sanh giải việc này như sau:

“Ai có sống trong những năm tháng nền Đạo suy vi chia rẽ thì mới thấy những nỗi khổ tâm, lo lắng của những người có sứ mạng lúc bấy giờ. Bao nhiêu Thánh Thất hầu như thuộc về ông Tương, các vị Thời Quân thì bấp bênh trước lời kêu gọi của ông Tương đang thiếu một bộ phận Hiệp Thiên Đài, còn chư vị đạo hữu chẳng biết ngã về đâu? Tờ Kinh Cáo có tác dụng trấn an các vị Thời Quân và chư Đạo Hữu từ vùng Sài Gòn trở xuống Hậu Giang” chư Đạo Hữu muốn hỏi điều chi về việc Đạo xin do nơi văn phòng tạm thời của Hiệp Thiên Đài ở Từ Vân Tự, Phú Nhuận, Gia Định .

■ (Xin xem “*Thượng Sanh Cao Hoài Sang*” cùng người viết)

Câu này hàm ý ngăn chặn không một ai ngã về chi phái và không để bị đòn ly gián của thực dân Pháp. Bởi lẽ, trước sự lớn mạnh và bành trướng của Đạo Cao Đài, chính quyền Pháp sợ Đạo trở thành một phong trào ái quốc (*Gouvernement Général de l’Indochine Francaise, quyền VIIô*) , nên họ tìm đủ mọi biện pháp để ly gián.

Sau khi hiệp thương thống nhất tại Toà Thánh Tây Ninh một thời gian dài, Ngài Bảo Đạo hướng dẫn phái đoàn gồm Hội Thánh Cao Đài Truyền Giáo, Hội Thánh Tiên Giang, Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, Hội Thánh Minh Chơn Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đến các Thánh Thất Ban Chính Đạo (Chợ Lớn), Hội Thánh Ban Chính Đạo tại An Hội (Bến Tre), Phái Tiên Thiên Sóc Sãi, phái Tiên Thiên Mỹ Tho...

Đâu đâu phái đoàn cũng được sự đón tiếp long trọng trong niềm thương Thầy mến Đạo.

Dư âm thống nhất vang xa, ngày 11/2/Ất Mão, ông Lưu Thanh Hoá đại diện Ban Chính Đạo hiến Thánh Thất Mỹ Hiệp về Toà Thánh Tây Ninh. Trong buổi tiếp nhận, ông Thượng Chánh Phối Sư phát biểu như sau:

“Hôm nay hân hạnh đến Mỹ Hiệp thuộc Tộc Đạo Chợ Mới, Châu Đạo An Giang để dự lễ tiếp nhận tài sản do ông Lưu Thanh Hoá đại diện Ban Chính Đạo hiến về Hội Thánh Toà Thánh Tây Ninh và dự lễ an vị Thánh Tượng Thánh Thất Mỹ Hiệp.

*Hôm nay toàn Đạo nơi Mỹ Hiệp đây tổ chức buổi lễ để ông Lưu Thanh Hoá đại diện Ban Chính Đạo hiến tài sản về Hội Thánh Toà Thánh Tây Ninh là một đại công mà ông cùng toàn Đạo nơi Ban Chính Đạo đã lập được để dâng lên Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Ông và toàn thể trong môn phái chỉ biết mình là môn đệ của Đức Chí Tôn cùng chung một gốc, vì Đức Chí Tôn đã giảng dạy rằng **“Chi chi cũng nơi Toà Thánh Tây Ninh mà thôi”**...*

“Buổi lễ hôm nay nói lên tinh thần đạo giáo cao độ, chúng ta hãy nhìn nhau trong gia đình huynh đệ đồng dìu dắt nhau trên con đường đạo mà lập công bồi đức, chung hưởng ân lành của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu”

■ (TT số ra 119, trang 5,6)

CHƯƠNG VII

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CƠ SỞ ĐẠO

1. Ban Đạo Sử
2. Ban kiểm duyệt Kinh sách
3. Tư cách pháp nhân
4. Qui điều Ban Thế Đạo
5. Thập nhị Bảo quân
6. Cơ quan phát thanh
7. Tịnh thất Vạn Pháp Cung
8. Việc tu tạo thánh thất
9. Các điện thờ Phật Mẫu
10. Cục lạc cảnh
11. Viện Đài Học Cao Đài
12. Đại Đạo Thanh Niên Hội
13. Đạo Đức Văn Đàn

1. BAN ĐẠO SỬ

Đức Cao Thượng Sanh tiếp tục công tác xây dựng cơ sở Đạo mà các vị tiền bối chưa thực hiện hoàn chỉnh. Năm 1962, Ngài cho lập Ban Đạo Sử đã phát biểu như sau:

“Thiết tưởng nên nhắc lại, Ban Đạo Sử thành lập được do Thánh ý của Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp trước kia”.

Mãi đến năm 1962 (Nhâm Dần) Đức Thượng Sanh Chương quản Hiệp Thiên Đài chỉ định Ngài Thời Quân Hiến Pháp triệu tập đại hội tuyển chọn nhân viên cộng sự... Ngài nói:

“Những diễn tiến thăng trầm của nền Đại Đạo sẽ được ghi chép từng giai đoạn. Công nghiệp hy sinh vì Đạo, khổ hạnh vì đời của mỗi Chức sắc, từ các bậc tiền bối khai Đạo cho đến Chức sắc, đạo hữu lập công tô điểm Đạo Đời cũng sẽ được ghi

vào Đạo Sử..

“Chúng tôi xin lập lại:

ĐẠIĐẠO khai thành, giáo lý siêu tâm kim nghiệm cổ.

SỬ cương biên soạn, chơn kinh tàng trữ bốn truy nguyên

■ (TT số 61 ra ngày 2/10/1972 trang 4-6)

Bài diễn từ của Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, Trưởng Ban Đạo Sử có đoạn viết:

“Ban Đạo Sử được thành hình năm 1962, Ngài Hiến Pháp lãnh nhiệm vụ Trưởng Ban, có hai nhân viên phụ trách mà thôi, văn phòng tạm đặt tại toà Hiệp Thiên Đài. Năm 1964 dời qua Nhà Hội Vạn Linh. Lúc Ngài Hiến Pháp lãnh nhiệm vụ Chương Quản Bộ Pháp Chánh. (Bộ này cũng đặt tại Nhà Hội Vạn Linh, đặt Ban Đạo Sử gần nhau cho dễ kiêm nhiệm).

Đến năm 1968, Ban Đạo Sử bắt đầu hoạt động khả quan hơn. Nhân viên Ban Đạo Sử được tăng cường, nhờ chức sắc các cơ quan bổ đến, đồng thời một số tín hữu giàu thiện tâm tình nguyện đóng góp công quả.

Công việc đang tiến triển, bất ngờ Đức Thượng Sanh qui vị. Ngài Hiến Pháp được bầu lên cầm quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài. Tới Thời Khai Quân Khai Đạo lãnh nhiệm vụ Chương Quản Bộ Pháp Chánh kiêm Trưởng Ban Đạo Sử.

Lúc bấy giờ chưa có một ngân khoản nào dự trù xây cất trụ sở Ban Đạo Sử. Sự bất đắc dĩ đưa đến là Hội Thánh cho Viện Đại Học Cao Đài mượn Nhà Hội Vạn Linh làm trường sở. Một lần nữa, Ban Đạo Sử phải dời đến gần Đường Phước Thiện, vì chỗ chật hẹp với tính chất tạm thời, nên Ban Đạo Sử quyết định kiến tạo trụ sở.

Được Hội Thánh cấp cho phần đất (trên lộ Cao Thượng Phẩm, đối diện nam vườn Thiên Nhiên) mặc dầu không tiền, chúng tôi vẫn mạnh dạn bắt tay vào việc... Thật là chỗ không thành ra có như sử Đạo đã chứng minh, nơi cửa Đạo thì chỉ “*bắt gió nắm hình*”. Tuy rằng trụ sở còn đơn giản nhưng là cả sự cố gắng vô biên và lòng hy sinh của đồng đạo, đáng kể là của nhân viên Ban Đạo Sử.

■ (TT số 61 ra ngày 2/10/1972)

2. BAN KIỂM DUYỆT KINH SÁCH

Vào ngày mùng 10 tháng 4 năm Quý Mão (1/6/1963) kỷ niệm ngày Triệu Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Sanh đã ban Đạo lệnh số 017/ĐL cho thành lập Ban kiểm duyệt kinh sách Đạo, nguyên văn như sau:

THƯỢNG SANH VÀ THẬP NHỊ THỜI QUÂN

– *Chiếu Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.*

– *Chiếu vi bằng ngày 10 tháng 3 Đinh Dậu (DL 9/4/1957) của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và cơ quan Phước Thiện nam nữ, yêu cầu Ngài Thượng Sanh và chư vị Thời Quân về Toà Thánh cầm giềng mối Đạo.*

– *Nghĩ vì cần lập Ban kiểm duyệt những Kinh, Thánh giáo và sách vở của Đạo trước khi ban hành để tránh điều sơ sót.*

Điều thứ nhất: *Kể từ đây Hội Thánh Hiệp Thiên Đài đảm nhiệm sự kiểm duyệt những Kinh, Thánh Ngôn của đạo trước khi đem ra ban hành. Nhưng Kinh, Thánh Ngôn nào không có sự kiểm duyệt của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài thì kể như bất hợp pháp, Chúc sắc và đạo hữu không nên tin dùng.*

Điều thứ nhì: *Thành lập một Uỷ Ban Hỗn Hợp đảm trách sự kiểm duyệt có tính cách thường xuyên các sách vở của*

đạo trước khi cho phép ấn tống. Ủy Ban Hôn Hợp này gồm có:

- Hiệp Thiên Đài: ông Hiến Pháp –Trưởng ban
- Cửu Trùng Đài: Ba vị Chánh Phối Sư hay đại diện của mỗi đơn vị, hội viên.

Điều thứ ba: Mặc dù ba vị Chánh Phối Sư hay Chương quản cơ quan Phước Thiện trong thành phần của Ủy Ban Hôn Hợp kể nơi điều 2 trên đây, có thể đề cử người đại diện cho mình, song sau khi kiểm duyệt xong xuôi, ba vị Chánh Phối Sư và vị Chương quản Phước Thiện cũng phải đứng ký tên chịu trách nhiệm.

Điều thứ tư: Nếu trong quyển sách dự thảo đem ra kiểm duyệt mà có khoản nào hoặc câu nào không được xác nghĩa, cần thêm hay bớt thì Ủy Ban ghi chú sẵn và mời tác giả đến giải thích cho mình xác. Khi kiểm duyệt hoàn tất, Ủy Ban sẽ đệ trình lên Hội Thánh Hiệp Thiên Đài kiểm xét lại mới cho ấn tống.

Điều thứ năm: Ông Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài, ba vị Chánh Phối Sư Cửu Trùng Đài và vị Chương quản cơ quan Phước Thiện thi hành; Ông Quyền Đầu Sư; Ông Khai Đạo điều khiển Phước Thiện tùy nhiệm vụ ra lệnh ban hành Đạo lệnh này.

Toà Thánh, ngày 10 tháng 4 năm Quý Sửu
Thượng Sanh
(ấn ký)

3. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Từ ngày khai Đạo (1926), Đạo chưa có tư cách pháp nhân, nên đất xây dựng Toà Thánh, Hội Thánh giao cho bà Lâm Hương Thanh và Ông Nguyễn Ngọc Tương đứng giấy sở hữu nên lắm việc rắc rối xảy ra.

Trong tờ tỏ bày việc Đạo trước Đại Hội Nhơn Sanh lần thứ nhứt nhóm vào ngày 15 tháng 10 Tân Mùi (DL 24/11/1931) Ông Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh trình bày:

“... Tài sản Hội Thánh tới ngày nay mua sắm được một số đất 96 ha để làm Thánh Địa cất Toà Thánh và các Viện, một số đất kế cận 50 ha để cho đạo hữu cất nhà và lập nghĩa địa.

“Hai số đất này do tên bà Lâm Hương Thanh và tôi tên Nguyễn Ngọc Tương thế mặt cho Đạo. muốn tránh sự bất hảo xảy ra đến ngày sau, tôi có làm cho Hội Thánh một tờ khai rằng: tiền mua đất này Hội Thánh đã trả hết, tôi chỉ có đứng thế mặt mà thôi.

“Hội Thánh còn thâu nhiều số đất của đạo hữu dâng hiến để cất Thánh Thất khắp nơi, cũng mượn tên tôi đứng bộ thế và một số ruộng 100 mẫu tại Bến Sỏi Tây Ninh của bà con Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh và ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh dâng để làm của chung trong Đạo. Tôi cũng có làm cho Hội Thánh cầm một cái khai chứng rằng từ ngày tôi về Toà Thánh hành Đạo trở đi những tài sản khi mua sắm mà để tên tôi đứng tên tức là của Hội Thánh, cái tên tôi không dùng ngoài đời mà mua sắm đứng bộ riêng cho tôi một tài sản chi nữa hết.

“Việc cất Toà Thánh chư hiền hữu thấy trước Bửu điện đây một cái hầm lớn, đó là cái nền của đền Bát Quái Đài...

“Hiện giờ hoạ đồ chưa rồi. Song ông Bác Vật Kinh đã lãnh tất số 3.000 đồng tiền mượn ông vẽ. Việc này anh Cả (tức Đức Quyền Giáo Tông) chúng ta còn đương lo bàn tính với ông Kinh.

“Cái Toà Thánh thế nào tôi tưởng cũng phải cất, nhưng đương thời kỳ kinh tế khẩn bách này phải đình lại ít lâu”.

Chuyện ông Nguyễn Ngọc Tương đã đứng tên bộ số

đất thật rõ ràng. Thế mãi đến năm ra ứng cử vào Thượng Nghị Viện, ông Nguyễn Ngọc Kỳ (con trai ông Nguyễn Ngọc Tương) mới ký giao đất lại cho Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh vì thế ưu tư lớn của các vị lãnh đạo là phải xin chánh quyền ban tư cách pháp nhân cho Đạo Cao Đài.

Chính phủ đã ký sắc luật số 003/65 ngày 12 tháng 7 năm 1965 cho phép Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hoạt động theo Hiến Chương ngày 21 tháng 1 năm 1965 của Hội Thánh Cao Đài soạn thảo.

Sao trích nguyên văn Sắc luật như dưới đây:

CHỦ TỊCH ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

Chiếu....

SẮC LUẬT

Điều thứ nhất: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được phép hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam theo Hiến Chương ngày 21 tháng giêng năm 1965 đính theo Sắc luật này.

Điều thứ hai: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có tư cách pháp nhân được quyền sở hữu, thủ đắc, tạo mãi hoặc chuyển nhượng những động sản và bất động sản cần thiết để đạt mục đích của Giáo hội.

Những bất động sản đó gồm có Toà Thánh và những Thánh Thất, trụ sở và các cơ sở hoạt động văn hoá xã hội.

Điều thứ ba: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được quyền thuê nhận những tài sản do các thể nhân hay pháp nhân sinh tặng hoặc di tặng.

Điều thứ tư: Dự số 10 ngày 6 tháng 8 năm 1950 ấn định quy chế hiệp hội và các luật lệ trái với Sắc luật này, không áp dụng cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sài Gòn, ngày 12 tháng 07 năm 1965

Trung tướng: Nguyễn Văn Thiệu

(ấn ký)

*(Sắc luật 003/65 nhìn nhận Pháp Nhân
ĐĐTKPĐ Tây Ninh 1965)*

Hiến chương ngày 21 tháng giêng năm 1965 đính kèm theo Sắc luật này gồm có 12 chương:

Chương I.....: Danh hiệu, huy hiệu, Đạo kỳ

Chương II.....: Giáo lý, tôn chỉ và mục đích

Chương III.....: Hệ thống tổ chức Hội Thánh

Chương IV.....: Chức sắc và tín đồ

Chương V.....: Đạo phục

Chương VI.....: Họ Đạo

Chương VII.....: Toà Thánh, Thánh Thất, Tịnh Thất

Chương VIII.....: Phước Thiện

Chương IX.....: Hội quyền Vạn Linh

Chương X.....: Tài sản

Chương XI.....: Phương pháp áp dụng

Chương XII.....: Thống nhất

Điều thứ 27: Hiến Chương này sẽ là luật căn bản thống nhất đối với tất cả chi phái Cao Đài ngày sau chấp nhận và ký tên (*Sắc luật 003/65 nhìn nhận Pháp Nhân ĐĐTKPĐ Tây Ninh 1965*)

Đó là điều khoản cuối cùng và có ý nghĩa của Hiến Chương, nó tạo cơ hội thống nhất các phái Đạo. Đến ngày 19/8/1966 Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp ký nghị định số: 1500NĐ/CN cấp không cho Đạo 2.355 ha đất thuộc 4 khu

rừng 55, 56, 176, 316.

4. QUY ĐIỀU BAN THẾ ĐẠO

Ban Thế Đạo thuộc chi thế Hiệp Thiên Đạo. theo tôn chỉ Đạo Cao Đài, Hội Thánh lập Ban Thế Đạo cốt yếu mở rộng trường thi công quả, tiếp đón những bậc nhơn tài văn võ có khả năng phụng sự cho Đạo mà không thể phé đời hành Đạo.

Ban Thế Đạo là cơ quan thuộc về phần đời, bắt nguồn từ cửa Đạo pháp xuất làm dây nối liền cho Đạo Đời tương đắc tương liên ngõ hầu tạo lập một đời sống thanh bình cho nhân loại trong thời chuyển thế.

Nhiệm vụ của Ban Thế Đạo là độ đời nâng Đạo về hành sự trực tiếp với Cửu Trùng Đài về mặt chuyên môn trong xã hội và thuộc chi Thế Hiệp Thiên Đài về mặt chơn truyền luật pháp.

Ban Thế Đạo tuy manh nha từ lâu, mãi đến ngày mồng 3 tháng 12 năm Quý Tỵ (1953) Đức Giáo Lý Giáo Tông mới cho phép thành lập và được Đức Phạm Hộ Pháp duyệt qua Quy Điều ngày 9/2 Ất Tỵ (13/3/1965). Sau đó Đức Thượng Sanh ban hành Thánh Lệnh 01/TL ngày 28 tháng 2 năm Ất Tỵ chính thức thành lập Ban Thế Đạo.

THƯỢNG SANH CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

– Chiếu...

– Chiếu Thánh giáo của Đức Lý Giáo Tông đêm mồng 3 tháng 12 năm Quý Tỵ (1953) ấn định 4 phẩm trong Ban Thế Đạo như sau:

1. Hiền Tài

2. Quốc Sĩ

3. Đại Phu

4. Phu Tử

Nghĩ vì Hội Thánh đã thành lập xong Quy Điều của Ban Thế Đạo được sự chấp thuận của Đức Hộ Pháp do Thánh Giáo đêm mồng 9 tháng 2 Ất Tỵ (1965) nên:

THÁNH LỊNH

Điều thứ nhất: Để cầu hiền giúp Đạo, Hội Thánh đã thành lập Ban Thế Đạo với Quy Điều kèm theo đây, kể từ ngày ký tên Thánh Lệnh này.

Điều thứ nhì: Ban Thế Đạo dưới quyền trực thuộc Hội Thánh Hiệp Thiên Đài Chi Thế.

Điều thứ ba: Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Thánh Phước Thiện tùy nhiệm vụ, lãnh ban hành và thi hành Thánh Lệnh này.

Toà Thánh, ngày 28 tháng 2 năm Aát Tỵ

(DL 1/4/1965)

THƯỢNG SANH

(Aán ký)

Quy Điều Ban Thế Đạo gồm 4 chương:

Chương I...: Nhiệm vụ và phẩm trật

Chương II.: Hệ thống

Chương III : Lễ phục

Chương IV : Cầu phong vào hàng Thánh

■ (*Thế Đạo 5-70, Tây Ninh 1970 tr. 6-7*)

Về vai trò nhập thế của Ban Thế Đạo được ông Cải Trạng HTĐ Đặc Trách BTĐ viết như sau:

“Chức sắc Ban Thế Đạo có hai nhiệm vụ rõ rệt:

Phần thế: lo việc xã hội, giúp đời

Phần Đạo: lo việc tu thân và giúp Đạo.

Qua các đặc san Thế Đạo đã ấn hành, Ban Thế Đạo đã nhấn mạnh vai trò giúp Đạo trợ Đời của mình...

*Để cụ thể hoá vai trò nhập thế của mình, Ban Thế Đạo phải “**thi hành hợp nhất**”, tức nhận lấy trách nhiệm của mình trước lịch sử dân tộc, đóng góp tài đức vào việc tranh thủ nhân tâm, văn hồi hoà bình và củng cố độc lập cho quê hương...*

Ban Thế Đạo qua sự chỉ đạo của ban Cố Vấn và sự tuyển chọn của Ban Quản Nhiệm Trung Ương sẽ yểm trợ mạnh mẽ cho một số Hiền Tài và đạo hữu trên toàn quốc ra tranh chức vụ dân cử từ hạ tầng đến thượng tầng cơ sở»

■ *(Thế Đạo 5-70, Tây Ninh 1970 tr. 6-7)*

Để thực hiện chỉ thị đó, Ban Thế Đạo chọn người ra tranh cử Hội Đồng tỉnh tại 4 quận trong tỉnh Tây Ninh, tỉnh Hậu Nghĩa, tỉnh An Giang và một số nơi khác. Tất cả đều trúng cử vẻ vang.

Về việc tuyển chọn người vào phẩm Hiền Tài, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài chọn các bậc trí thức trong xã hội từ 40 tuổi trở lên phải có bằng Tú Tài hoặc trong hàng sĩ quan từ Đại úy trở lên.

Từ trước việc phong chức Hiền Tài chỉ lẻ tẻ. Đợt phong đầu tiên đồng loạt là ngày mồng 7 tháng 8 năm Bính Ngọ (21/9/1966) đến đợt thứ 5 vào ngày 13 tháng 8 Quý Sửu (9/9/1973) được tất cả 720 vị.

Ta có thể phân như sau:

- **PHU TỬ:** 1 vị Linh Sơn Phu Tử Trần Văn Giảng (*Tây Ninh xưa và nay, Sài Gòn 1972, tr.119*)

- ◻ **ĐẠI PHU:** 1 vị Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu
- ◻ **QUỐC SĨ:** 1 vị tướng Trịnh Minh Thế
- ◻ **HIỀN TÀI:** Trên 720 vị mà vị Hiền tài đầu tiên là Nguyễn Bửu Tài, sau được thăng lên Phối Sư.

Ban Quản Nhiệm đầu tiên được Đại Hội Ban Thế Đạo bầu cử tại văn phòng Ban Thế Đạo (đây là toà nhà 1 lầu cao cất rất kiên cố với thời gian ngắn nhứt so với các dinh thự trong Nội Ô Toà Thánh) vào ngày 24-3 Mậu Thân (21/04/1968) gồm 12 vị được hợp thức hoá bằng Đạo Lệnh số 05/ĐL ngày 16-4-Mậu Thân (12/05/1968)

Huấn từ của Đức Thượng Sanh sau khi bầu xong Ban Quản Nhiệm Trung Ương như sau:

“Hôm nay Đại Hội Ban Thế Đạo đã bầu xong Ban Quản Nhiệm Trung Ương đầu tiên. Chư quý Hiền Tài đã lấy công tâm để chọn cử những người xứng đáng ra gánh vác trọng trách điều hành công việc Ban Thế Đạo.

Nhơn danh Chương Quân Hiệp Thiên Đài, tôi xin để lời mừng chư quý vị trong Ban Quản Nhiệm Trung Ương.

Đức Khổng Phu Tử có nói: “Đừng lo mình không có tước vị, chỉ lo có tài đứng vào chỗ ấy, đừng lo không ai biết mình, miễn mình được giới đủ cho người ta biết đến” (Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập, bất hoạn mạc kỳ tri, cầu vi khả tri giả)...

Toàn Đạo đều mong công quả của Ban Quản Nhiệm Trung Ương, chư vị Hiền Tài và chờ đợi sự góp ý xây dựng. Nhứt là Hội Thánh mong mỗi Ban Thế Đạo ra thiết tướng để nhờ điểm tô nghiệp Đạo...

Ban Thế Đạo phải có một vai tuồng quan trọng trong thời kỳ chuyển thế này, chớ không phải chỉ có cái danh suông

và những lời nói suông được...

Muốn làm xong nhiệm vụ, cần phải rèn luyện một tình thần cao đẹp và một ý chí cứng rắn thể theo câu «**Quân tử tuân đạo nhi hành**» của Khổng Giáo.

Trong việc tu luyện ý chí có bốn điều cần thực hành:

- Thấy việc nghĩa nhất định làm
- Tha thiết với hoài bão của mình
- Tìm mọi biện pháp để thực hiện.
- Bền tâm thực hiện cho được hoài bão đó mà không quản gian lao khó nhọc...

Các bậc hiền thời xưa đều là những nhân vật xuất thân trong hạng bình dân áo vải, nhưng nhờ có kinh luân xuất chúng, ý chí cương quyết mà tạo nên thời thế, giúp ích cho giang san lưu lại danh thơm cho đời sau.

■ (Thế Đạo 1969, Tr 5-9)

Vai trò của Ban Thế Đạo trong Đạo mỗi ngày một lớn, nhất là từ sau khi Đức Hộ Pháp giáng cơ đêm mồng 4 tháng 7 năm Kỷ Dậu (16/8/1969) tại Giáo Tông Đường chỉ dẫn: tìm Chức sắc cao cấp trong Ban Thế Đạo.

“Đức Thượng Sanh bạch: bản Quy Điều Ban Thế Đạo đã được Hội Thánh Hiệp Thiên Đài tu chỉnh vài điều khoản để lại cho sự nghiệp tuyển chọn Chức Sắc Ban Thế Đạo được thực hành kỹ lưỡng hầu gìn giữ chơn giá trị Ban Thế Đạo. Xin dâng lên Ngài phê chuẩn.

“Cười....

“Đức Thượng Sanh bạch: Hội Thánh Cửu Trùng Đài còn thiếu Chức sắc cao cấp đầy đủ khả năng điều khiển nên guồng máy hành chánh Đạo không tiến triển khả quan.

– Cứ để vậy còn hơn đem những phần tử đã kể là bất lực

thì lại càng rồi thêm.

Đức Lý có thảo luận với ban đạo về việc truyền cho chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài thì nên tìm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến. Nếu được, Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng?

Đức Thượng Sanh: Tiểu Đệ và các bạn Hiệp Thiên Đài sẽ cố gắng thực hành theo lời chỉ giáo của Đức Ngài.

■ (Thế Đạo 1969, Tr 5-9)

Để thực hiện Thánh Giáo của Đức Hộ Pháp và ngày 29 tháng 9 Kỷ Dậu (08/11/1969), Đức Thượng Sanh đã gửi cho Ban Thế Đạo một Thánh Thư, trong đó có đoạn viết:

“Để áp dụng giải pháp nói trên, tôi xin Hiền Hữu (tức Cải Trạng đặc trách Ban Thế Đạo) nhân một phiên nhóm thường lệ của Chức sắc Ban Thế Đạo, đem lời dạy của Đức Hộ Pháp đọc cho chư vị Hiền Tài nghe và nói Hội Thánh Hiệp Thiên Đài muốn nâng đỡ những vị có thiện chí phục vụ cho Đạo vào hàng Thánh thể của Đức Chí Tôn. Nếu có những bạn muốn tình nguyện hiến thân xây dựng tương lai cho Đạo và lập vị cho mình thì xin ghi tên. Hiền Hữu sẽ lập vị bằng phiên nhóm gửi lên cho tôi liệu định. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì có lẽ Đức Lý Đại Tiên sẽ tùy theo tài đức và khả năng của những vị tình nguyện phục vụ mà ân phong từ phẩm Giáo Hữu lên tới Phẩm Phối Sư.

■ (Thế Đạo 1970, Tr.4)

Sau Thánh thư đó, Hiền Tài tình nguyện hiến thân phục vụ Đạo Sự rất đông. Kết quả là đa số đều được ân phong: 20 Giáo Hữu, trong đó có hai Phối Sư và bốn Giáo Sư, có một vị nữ phái. Do Đàn Cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 15

tháng 11 Tân Hợi (1971). Cùng một lượt này, bà Từ Cung (mẹ Bảo Đại) được ân phong Phối Sư. Năm sau nhiều vị Hiền Tài khác cũng được ân phong mà đa số là Giáo Hữu.

5. THẬP NHỊ BẢO QUÂN

Theo Pháp Chánh Truyền, dưới quyền Hộ Pháp còn có Bảo Y Quân, Bảo Học Quân, Bảo Văn Pháp Quân (*Tân Luật, Pháp Chánh truyền, Paris Gasnier 1952, tr.103*)

... Theo tài liệu huấn luyện Giáo Hữu 1972, Thập Nhị Bảo Quân là hội đồng khoa học thuộc chi thể H.T.Đ gồm có:

- Bảo Văn Pháp Quân,
- Bảo Học Quân,
- Bảo Sanh Quân,
- Bảo Y Quân,
- Bảo Cô Quân,
- Bảo Sĩ Quân,
- Bảo Huyền Linh Quân,
- Bảo Nông Quân,
- Bảo Tinh Quân,
- Bảo Công Quân,
- Bảo Địa Lý Quân,
- Bảo Thương Quân.

1972, ba Bảo Quân được phong là Bảo Y Quân, Bảo Học Quân, Bảo Nông Quân (Đàn Cơ tại cung Đạo đêm 1/1/1972)

Vậy từ khai Đạo đến đây chỉ có 6 Bảo Quân được tấn phong là:

1. Bảo Văn Pháp Quân là thi sĩ Cao Quỳnh Diêu (1885–1958) được ân phong năm 1930. Xin xem “*Đại Đạo danh nhân*”, cùng người viết.
2. Bảo Sanh Quân là bác sĩ Lê Văn Hoạch (1896–1978) có thời làm Thủ tướng, được ân phong năm 1930. Ông là Viện trưởng thứ nhất của Viện Đại Học Cao Đài.
3. Bảo Cô Quân là tiến sĩ luật khoa Dương Văn Giáo, có thời làm Báo Đốc Nhà Nam với Nguyễn Thế Vĩnh thọ phong giáo sư (thân sinh Nam Đình).

4. Bảo Y Quân là bác sĩ kiêm dược sĩ Trương Kế An thuộc phái đạo Minh Đường (Thủ Dầu Một) được ân phong 1972.
5. Bảo Học Quân là tiến sĩ luật khoa Nguyễn Văn Lộc có thời làm Thủ tướng, được ân phong một lượt với bác sĩ Trương Kế An. Ông là Viện trưởng thứ 3 của Viện Đại Học Cao Đài.
6. Bảo Nông Quân là kỹ sư Đặng Văn Dẫn, ân phong một lượt với tiến sĩ Lộc. Cả 6 vị đều vĩnh du tiên cảnh.

6. CƠ QUAN PHÁT THANH PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Vào ngày 5 tháng 5 Đinh Mùi (1967) dịp lễ Giáng sanh Đức Phạm Công Tắc, Hội Thánh cho lập Cơ quan Phát thanh và Phổ thông giáo lý. Nhờ hệ thống A của Đài phát thanh Sài Gòn mà Giáo lý được truyền khắp 4 phương.

Trong dịp kỷ niệm chu niên của cơ quan, vị Phó giám đốc phát biểu:

“Lúc Đức Hộ Pháp hạ bút ghi vào họa đồ của Nội Ô Toà Thánh để quy định nơi nào phải cất cơ sở gì Đức Hộ Pháp có ghi rành 2 mẫu đất gần cửa số 8 Nội Ô dùng để cất đài phát thanh, tức là Cơ quan Phát thanh ngày nay.

Năm nay, ngày 5 tháng 5 vẫn là ngày kỷ niệm của cơ quan, cuộn băng đầu tiên hoàn thành vào ngày lễ Giáng sanh của Đức Hộ Pháp đã được chuyển phát trên đài Sài Gòn.

Hội Thánh Lương Đài và Phước Thiện quyết nghị giao cho Ngài khai Đạo trách vụ điều hành cơ quan phát thanh. Lại nữa Đức Thượng Sanh ra công dìu dắt mọi mặt, nhất là về văn nghệ Đức Ngài đã chịu khó thức đêm để dạy và chỉ rành cho anh chị em nghệ sĩ cổ nhạc.

Ngoài ra, Đức Thượng Sanh và quý vị Thời Quân chuyên

tâm nghiên cứu viết những bài giáo lý phát thanh để phát huy cơ phát thanh của Đại Đạo. Từ cái không làm ra cái có, từ mảnh đất trống biến thành cơ quan đó là nhờ Thiên Liêng ám trợ. Hội Thánh dìu dắt và công lao của toàn thể công Đạo.

Tờ thông tin ấn hành liên tục để Hội Thánh, phát đến các châu, tộc Đạo trên toàn quốc. Ngoài ra, để thi hành Thánh Lệnh của Đức Hộ Pháp nhằm đào tạo cho con em trong Đạo có nghề nghiệp trước khi lập gia đình, cơ quan đã mở những lớp huấn nghề như vô tuyến điện, máy động cơ, nghề mộc, nghề in gạch, kế toán..”

■ (T. Tra ngày 20/6/1972)

Cơ quan còn lập Bạch Vân Ấn Quán tiếp nối truyền thống của “Chơn truyền ấn quán” xưa kia để in Kinh sách Đạo cung ứng cho các Châu, Tộc Đạo.

Ngài Ngọc Đầu Sư huấn dụ trong buổi lễ khai trương Bạch Vân Ấn Quán như sau:

Từ lâu Hội Thánh có ước vọng tạo lại “Chơn Truyền Ấn Quán” theo Thánh ý của Đức Hộ Pháp, vì chuyên viên và tài chánh chưa cho phép dù Hội Thánh đã chấp thuận.

Hàng năm Hội Thánh phải chi phí một số tiền lớn vào việc ấn loát muồn in giấy cảm tạ, ban khen, bộ số Kinh sách Đạo, nhất là Kinh lễ, Pháp chánh truyền, Thánh ngôn. Kinh sách đều in ở Sài gòn, xa xôi trở ngại thiếu người chăm sóc sửa bản in nên có nhiều sai sót đáng tiếc. Nay Bạch Vân Ấn quán đã thành hình giúp cho Hội Thánh nhiều công lớn”

■ (TT 90)

7. TỊNH THẮT VẠN PHÁP CUNG

Vào ngày 13 tháng 8 năm 1969 Hội Thánh cử ông Nguyễn Kim Vinh xây dựng Vạn Pháp Cung tại Sân Đình Núi Bà.

Nhưng vì ảnh hưởng chiến cuộc, sau đó Chí Thiện Võ Văn Đợi và con Võ Văn Kỳ dời về gần xã Ninh Thạnh. Đây là một Tịnh Thất tập trung được nhiều tu sĩ có tổ chức quy mô nhất. Họ ăn chung làm chung rồi tịnh luyện. Các Tịnh Thất đã có trước là Thảo Xá hiền cung (1927), Trí Giác Cung (1948), Trí Huệ Cung (1950).

Theo Tân Luật, phần Tịnh Thất có ghi rõ: *“Tịnh Thất là nhà Thanh Tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện”*. Có người chưa biết gì về thiền định, vịn vào câu đó cho rằng Toà Thánh Tây Ninh chỉ có Tịnh Thất cho tín đồ mà không có Bí pháp, Tịnh Thất cho Chức sắc (*Đồng tâm, Lịch sử Đạo Cao Đài. Sài Gòn 1972, Tr 402 chú thích*). Đó là điều hết sức sai lầm. Đạo Cao Đài không có Tịnh Thất nào khác nào ngoài Tịnh Thất do Tân luật quy định. Từ ngữ tín đồ, xác nhận rằng các Chức Sắc muốn nhập Tịnh Thất cũng phải gởi chức phận lại bên ngoài nhà tịnh như Đức Phạm Hộ Pháp nói khi Ngài nhập Tịnh Thất Trí Huệ Cung *“Giải chức Hộ pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi”* (*Trí Huệ Cung, Tây Ninh 1973, tr 13*)

Bởi lẽ, tu theo *Cửu Phẩm Thần Tiên* là tu tiệm ngộ, tức tu vòng, còn tu theo *tam thừa vô vi* là tu đốn ngộ, tức tu tắt mau hơn. Đêm 19/12/1926 Thầy dạy: *“Thầy ban quyền rộng rãi đặng cho nhơn loại trên càn khôn thế giới. Nếu biết CHỨNG NGỘ, một kiếp đời tu đủ trở về cùng Thầy đặng”*. Đức Ngô Minh Chiêu đã sớm *“Cõi rỗng về nguyên”* là vậy. Trong Tân Luật, chương 2 điều 13 có viết câu này: *“Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ 10 ngày sắp lên được thọ truyền Bửu Pháp vào Tịnh Thất có người chỉ luyện Đạo”*. Vậy tu theo tam thừa vô vi từ dưới lên trên là Hạ thừa (sơ tịnh) Trung thừa (trung tịnh) và Đại thừa hay Thượng thừa (đại tịnh).

1. Sơ tịnh: (Preliminary level of Zen) là luyện chơn

nhứt khí tức luyện thở dưỡng sinh cho huyền khí của trời và nguyên khí của người thành một mà nuôi cơ thể.

Đàn đêm tháng 5/1928 Đức Chí Tôn dạy: “*Tắc, làm Tịnh Thất cho rồi đặng mấy anh con vào tịnh, cái đài luyện khí trật hướng, phải xoay mặt qua chánh đông*”. Thầy dạy Ngọc Lịch “*Phải bày Bửu pháp ta, không đặng dấu nữa*” (TNHT I, Tr.13)

Tịnh Thất này nằm ở bên kia Báo Ân Từ làm cho Đức Cao Thượng Phẩm vào tịnh. Sau ngài về Thảo Xá Hiền Cung coi đây là Tịnh Thất thứ hai của Ngài.

2. Trung tịnh: Là luyện Tam Bửu tụ đỉnh cho Pháp luân thường chuyển, tức là chuyển Tinh Khí Thần hiệp nhứt tại Nê Hườn Cung.

Trong tứ thời, mọi tín hữu đều dâng lên Tam Bửu: Bông là xác thân thuộc Tinh, rượu là trí não thuộc Khí và trà là linh hồn thuộc Thần. Nếu sau thời cúng ngời tịnh biết chuyển khí đi theo đường nói trên cũng có thể đạt thành được.

Đàn đêm ngày 17/7/1926, Thầy dạy: “*Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân gọi là corporel; còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra, nên gọi nó là bán hữu hình vì có thể thấy đặng mà có thể cũng không thấy đặng*”.

*Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi **Tinh, Khí, Thần** mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Do nơi xác phàm xuất ra nên hình ảnh nó như khuôn in rập, có **Tinh, Khí** mà không có **Thần** thì không thể nhập cõi hằng sống. Vậy 3 món báu ấy phải hợp mới đặng”*.

3. Đại tịnh: là luyện ngũ khí triều ngươn cho phản bốn hườn nguyên. Tứ đại oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, thấy như không thấy, nghe như không nghe gọi là đại tịnh. Làm

cho khí trong người nghịch chuyển, tức phản bốn mà *chiết khảm điển lý* giúp cho *càn khôn* an tịnh là đắc Đạo.

Xem thế, ngày buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy người theo Đạo tu thân làm công quả và tịnh luyện. Tân Luật cũng xác nhận: Đạo gồm có Thánh Thất (thể pháp) và Tịnh Thất (bí pháp thiền định).

Thể pháp là hình tướng của Đạo, biểu tượng là Hội Thánh. Bí pháp là quyền năng của điển lực để người Đạo giải thoát. Thế nên, lúc mới khai Đạo nặng về phổ độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt Đạo lý mà Lập Công, Lập Ngôn rồi Lập Đức mà tiêu trừ nghiệp chướng. Hai phần phổ độ và vô vi nằm chung trong chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Cao Đài có nhiệm vụ thực hành trọn vẹn cả hai. Bởi lẽ, trong Chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia hai phần: 1) - Phổ độ là Ngoại giáo công truyền do Toà Thánh Tây Ninh đảm trách; 2) - Vô vi tịnh luyện là Nội giáo bí truyền do chi phái thực thi, như một ít người lầm tưởng.

Thể pháp và bí pháp tương liên khắn khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, cầu kinh tứ thời là thể hình để người Đạo, mỗi ngày một ít gom thần định trí vào lý thanh cao tưởng đến Trời Phật. Còn cái bóng của Kinh Kệ là trạng thái sống tinh thần của người Đạo đạt được khi vọng niệm, các âm ba hoà nhập vào điển lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn thần. Âm ba kinh kệ là cái bóng, chữ nghĩa kinh kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.

Đức Thích Ca vâng lời Đức Chí Tôn ra lệnh Ngài Ngọc Lịch Nguyệt “*Phải bày bữu pháp ra, không đặng dấu nữa*” để tận độ chúng sanh. Ai cũng được nhập Tịnh Thất như bên

Phật giáo Hoà Thượng, Thượng Toạ.... và các Phật tử đều được thiên định. Đạo Cao Đài không khác hơn, chức sắc tín đồ đều được vào Tịnh Thất. Ai hiểu khác các điều đó là đi sai Chơn truyền của Đại Đạo.

Ai dám bảo vô vi thì không phổ độ? Nếu không phổ độ lấy đạo hữu đâu thiên luyện?

“Một Thánh Thất thuộc phần Phổ Độ để các môn đệ bên Vô Vi giữa vâng Thánh ý truyền bí pháp” ông Đồng Tân lại thêm *“nhiều sự bí nhiệm phát xuất từ Vô Vi lại được khai ngộ trong phần Phổ Độ như Kinh Đại Thừa Chơn Giáo”* (Đồng Tân, lịch sử Đạo Cao Đài, quyển 2, trang 109, 113). Hãy mạnh dạn mà nói Vô Vi do Phổ Độ mà ra, viết đúng hơn một số người tự tách ra mà lập chi phái. Hiện tượng chi phái là một biến tướng trên dòng lịch sử phát triển của Đạo, nằm ngoài Chơn pháp.

Lời trích trên có hai ý: Thánh Thất thuộc Phổ Độ ám chỉ Toà Thánh Tây Ninh và Kinh Đại Thừa Chơn Giáo (không phải Thầy cho Đức Ngô Minh Chiêu).

1. THÁNH THẤT THUỘC PHỔ ĐỘ

Vào năm 1926 ông Nguyễn Phát Trước nhập môn theo Đạo mới tại Thánh Thất Cầu Kho. Ông có căn nhà lầu ở Phú Thọ (Sài gòn). Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật khuyên ông, tầng dưới làm nhà, tầng trên làm Thánh Thất. Ông Trước thuận và được Đức Chí Tôn đặt tên *“Trước Lý Minh Đài”*. Ngày 26-10-Bính Dần, ông thọ phong Lễ Sanh một lượt với ông Trần Văn Tạ. Cũng trong năm đó, ông được thăng chức Chưởng Nghiêm Pháp Quân (*HƯƠNG HIẾU, Đạo Sử quyển 2, trang 12 và 56*) và ông Trần Văn Tạ chức Hộ Đàn Pháp Quân.

Khi ông mất, ông Tạ tiếp tục cai quản Thánh Thất Trước Minh Lý Đài. Năm 1935, do mong muốn tịnh luyện của nhiều đạo hữu, ông Tạ xin ơn trên ban cho Bí pháp.

Đêm rằm tháng 8 Ất Hợi (1935) Đức Chí Tôn giảng dạy:

*NGỌC quang chiếu tỏa khắp tràn nơi
HOÀNG lệnh ban ân chỉnh cuộc đời
THƯỢNG trí biết lo hành đạo đức
ĐỂ ngôi an hưởng chẳng thay lời”.*

Thầy mừng các con, nghe thi;

*Bày khoa Pháp Vô Vi bí diệu
Dạy các con sớm hiểu trau mình
Thầy truyền phép nhiệm huyền linh
Đặng con phan luyện khí, Tinh hườn Thân
Hiệp tánh mạng kim thân bất toại
Qui Tam Thanh vận tải ngũ hành
Đoạt cơ Tạo Hoá thì thành
Cướp quyền chủ tể trường sanh muôn đời
Khí hạo nhiên trước trời đã có
Hoá âm dương đến đó hiệp hoà
Huân chúng sanh khắc một Cha
Là ngôi Thái Cực chánh tà thuần dương
Ấm trọng trước tách dương huyền khí
Dương khinh thanh thăng vị hạo nhiên
Phân ra tứ tượng ba miền
Thăng thăng giáng giáng hiệp truyền tam ngươn
Chia Bát quái tuần hườn biến hoá
Sẵn ngũ hành thuỷ hoả huân chúng*

Thầy giảng cơ này để hạ truyền bí pháp cho các con, *nhưng chẳng đủ mặt, Thầy chưa hạ lệnh*. Tuy vậy, Thầy cũng cho

các con hiểu, tại sao mà các con phải tu luyện. Là vì các con thọ bẩm Khí Hậu Thiên, mang lớp thân trọng trước, vì các con chẳng biết hiệp chỗ tánh mạng Khâm, Ly. “*Thầy sắp chỉ cho các con qui Tam Bửu, Ngũ hành, hiệp âm dương thì mới mong kết thành Xá Lợi*”.

Vào ba mươi tháng đó, Đức Chí Tôn giảng dạy:

*“NGỌC chấm huyền môn phá khiếu trung,
HOÀNG lưu pháp diệu Khâm Ly cung
THƯỢNG diễn ký tế âm dương huot
ĐỂ dĩ Càn Khôn vạn vật tùng.*

Mừng các con đại tịnh. Thầy minh đạo:

THI

*Trước Lý Minh Đài diệu pháp môn,
Khai khoa bí nhiệm tế sanh tôn,
Học đường Đại Đạo truyền chơn khuyết,
Hữu đức chí thành đắc đạo trung.*

“Các con còn khuyết điểm rất nhiều trong đường Đạo, nay con đã tìm ra chánh lý thì phải phấn lực tận tâm hành pháp diệu huyền. Thầy sẽ giao truyền chỗ *quán nhứt chấp trung* cho các con phan luyện, tụ khí ngưng thân hầu ngày sau siêu phàm nhập Thánh. Nếu các con chẳng đặng nhứt tâm thì phải chịu luân hồi chuyển kiếp. Phải tuý cơ vận chuyển mà tấn hoá lên đến Thầy. Các con phải biết rằng Đạo là Vô Vi, là thiên nhiên chi khí vận tải châu lưu trước khi sanh trời đất.

“Trời đất phải bẩm thọ Khí Tiên Thiên mà sanh ra mới có Nhựt Nguyệt Tinh và Càn khôn Vũ trụ, vạn vật muôn loài. Các con trước thọ nơi Thầy một điểm Thanh Hư Huyền Khí giáng trần, sau vì Khí Hậu Thiên hãm sát mà làm cho mờ tối, vật báu linh bửu tan rã mà thất tình lục dục, lục căn

lục trần.... tiêu lần lần hết tam bửu, ngũ hành, càng ngày càng hư hỏng Điểm Thanh Hư của Thầy, *biết đường sá đâu mà trở lại*. Dẫu có biết trở lại cũng chẳng hề gì, là tại làm sao các con? Là tại không có Thánh thai, Phật tử đó vậy.

“Tại sao các con phải chuyển kiếp luân hồi? Là vì các con xa nơi Đạo, hư hỏng tinh thần, tiêu kém khí huyết, chẳng biết đem Tánh Mạng hiệp hoà, luyện Tam bửu cho đầy, Ngũ hành nhứt khiếu. Các con muốn hiểu chỗ Đạo thì các con phải phanh luyện tinh thần và tạo xác thân thiêng liêng bất sanh bất diệt, bất tử, bất tiêu. Các xác thân ấy là chi? Là cái Bốn Tánh thuần dương vậy.

Khi các con bỏ cái xác phàm thì điểm Linh quang của các con về thẳng Thầy. Các con phải biết rằng muốn tạo cái xác thân thiêng liêng chẳng phải dễ mà cũng không khó chi. Cười...”

Ông Hộ Đoàn Pháp Quân đem các bài Thánh giáo này về Toà Thánh trình lên Đức Hộ Pháp. Về mặt đời, lúc ấy nhân sanh vừa trải qua cơn khủng hoảng kinh tế (1929–1933) trên toàn thế giới. Về mặt Đạo, sự phân chia chi phái đang làm suy yếu nền Đạo. Về mặt Bí pháp, Đức Chí Tôn ban đầu có hỏi Đức Hộ Pháp:

– *“Con phục lệnh xuống thế mở Đạo.... Con mở Bí pháp trước hay mở Thế pháp trước?”*

– *Xin mở bí Pháp trước.*

– *Nếu con mở Bí pháp trước thì khổ. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí pháp trước lộ bí mật huyền vi của Đạo, đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào? Vì thế, nên mở Thế pháp trước, dẫu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại, cơ thể hữu vi có huỷ đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn Bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là*

do Hiệp Thiên Đài năm giữ....”

■ *(Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, năm 1953)*

Rồi Đức Ngài khuyên ông Tạ phế đời về Toà Thánh hành đạo.

2. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO

Khi ông Trần Văn Tạ về Toà Thánh, mọi việc nơi Trước Minh Đài giao lại cho Giáo sư Trần Văn Quế. Ông Quế và các đạo hữu Trước Lý Minh Đài tiếp tục xin Ôn trên chỉ dạy về phép tịnh luyện. Sau sưu tập in thành quyển Đại Thừa Chơn Giáo. Trong “*Bài Ca tụng*”, ông Quế có viết:

“Cứ theo thứ tự niên ngoạt nhứt thời mà xét thì xưa kia khoa bí truyền ra đời trước khi khoa phổ hoá. Nay khoa phổ hoá đã đi đặng một bước đường khá dài (từ 1925) thì khoa bí truyền phải ra mắt mà đưa kẻ thiện duyên đến đảnh. Vì vậy mà ngày nay (1936) mới có quyển Đại Thừa Chơn Giáo” (thực ra mới in năm 1950).

Như vậy, phần Vô Vi mới hình thành từ năm 1936 tức sau phần phổ độ hơn 10 năm. Thế nên, sơ đồ trong quyển “*Lịch Sử Đạo Cao Đài*” (quyển 2) trang 437 của Đồng Tân ông Hồ Bảo Đạo cho là sai lầm.

3. VAI TRÒ CỦA ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP VỚI BÍ PHÁP

Trước hết, nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện mà là một cuộc hành pháp trực Chơn Thân Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài. Từ đó, Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Cao Đài. Đó là trường hợp *giáng linh ngự thể* như Chơn linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí Tôn giao trọng

trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông công các Đấng và chịu trách nhiệm về phần Chơn thân của toàn thể đạo hữu (chỉ chung cả chức sắc), còn phẩm Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp lập Khổ Hiên Trang mở Phạm Môn tu luyện không áo mũ với “*Phương luyện Kỳ*” để đạt cơ giải thoát. Thánh ngôn của Đức Chí Tôn đã dạy: “*Hộ Pháp hằng đứng (nơi Vi Hộ) mà gìn giữ Chơn linh các con, khi luyện Đạo đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí mới thấu đến Chơn Thân hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh*”.

Năm 1951, tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu cũng ban cho Đức Ngài “*Vẹn toàn pháp môn*”

Hễ làm mẹ quyền hành dạy trẻ

Con đừng lo mạng thế thi phàm

Huyền linh Mẹ chịu phần cam

Ban cho con trẻ VẸN TOÀN PHÁP MÔN.

Vì thế, dù Đức Ngài còn ở thế hay qui thiên, Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển lực của Kim Quang Tiên trợ phần cho hành giả công phu tu luyện đạt thành chánh quả.

Khi sinh tiền, ai đến xin luyện đạo, Đức Ngài CÂN THẦN, đo mức độ khí trược trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điện lực thiêng, nếu kém sức sẽ biến tướng thành Tả Đạo thì không cho luyện Đạo. Các vị Thời quân chi Pháp cũng có truyền Bí pháp cho chức sắc nhưng khả năng cân thân không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm Môn chuyển qua Phước Thiện nhận lãnh Đầu Hộ Đạo Phước Thiện tại các tỉnh. Đức Hộ Pháp đã truyền các phép BÍ TÍCH, GIẢI OAN, TAM THÁNH, PHÉP XÁC, HÔN PHỐI cho các vị tân Đầu Hộ tại Hộ Pháp Đường. Đức Ngài còn hành pháp trực thân,

khai khiếu và ban pháp BẠCH ĐĂNG (Cây đèn trắng) để thi hành đạo tha phương khi gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ Tý rồi thành tâm cầu nguyện Đức Ngài hiển linh chỉ giáo. Nhiều chức sắc như Chí Thiện Võ Văn Đợi, Giáo hữu Thượng Tý Thanh.... đã được dạy Đạo qua phương pháp này. Huyền diệu nhất là việc Đầu sư Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ thân khi tịnh luyện. Ngài Thái Đầu sư rất kính phục và huỷ bỏ sơ đồ xây dựng Nội Ô Toà Thánh theo ý phàm mà giao việc xây cất Toà Thánh lại cho Đức Hộ Pháp làm theo Thiên Khải, mà trong chuyến xuất thân vân du Ngài thấy được.

Trong Nữ Trung Tòng Phận, bà Tứ Nương đã dạy:

*Bế ngũ quan^[1] khôn kiêng tục tánh,
Diệt lục trần^[2] xa lánh phàm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự Diệt giải phần hữu Sinh
Linh linh hiển hiển khinh khinh khứ,
Sắc sắc không không sự sự tiêu
Chơn linh vẻ đẹp mỹ miều
Xuất dương thế sớm đến triều Ngọc Hư.*

Đến đại tịnh là xuất hồn lên cõi trên được như Đức Hộ Pháp diện kiến Thiên Cung và Thiên Thai Kiến Điện. Ngài đã chỉ Bí pháp này cho Khai Pháp Trần Duy Nghĩa khi nhập Tịnh Thất Trí Giác Cung (1948), Giáo Hữu Thượng Tý Thanh (Nguyễn Văn Tý), Chí Thiện Võ Văn Đợi, tự pháp VĐ....

Trong quyển “*Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan*” đề cao ngài Trần Khai Pháp và có in hình Ngài đang ngồi thiền

[1] (tức ngũ khí)

[2] (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)

định bên thác Camly dưới sương mù. Nên biết Trần Khai Pháp và Trương Tiếp Pháp là cặp cơ Bí pháp về Tịnh luyện.

Giáo hữu Tý là Chức sắc khâm châu đạo Hà Nội. Ông được truyền Bí pháp thần giao cách cảm mở huệ quang khiếu (tức đệ bát khiếu) có thể tiếp diễn với Đức Phạm Hộ Pháp khi đi phổ độ gặp khó khăn mà không giải quyết được. Năm 1950, Giáo sư Trần Văn Quế Khâm Mạng Toà Thánh vừa hành Đạo vừa dạy học ở Hà Nội, có tổ chức tại Nhà Hát Lớn thành phố buổi giảng Đạo về “*Chủ Thuyết Đạo Cao Đài*” cho tất cả sinh viên các khoa dự kiến.

Giáo hữu Tý vốn ít học, nên khi lên diễn đàn ông phát run, phải trấn tĩnh niệm danh Đức Chí Tôn, nhớ lời Đức Hộ Pháp dặn tự nhiên tinh thần trở lại bình tĩnh nói thao thao bất tuyệt. Ông vừa dứt lời toàn thể sinh viên vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Ông thị trưởng Hà Nội, Giáo sư Trần Văn Quế đến bắt tay ông chia mừng buổi diễn thuyết thành công.

Chí Thiện Võ Văn Đợi có thiên khiếu tu tịnh. Đức Hộ Pháp biết, vời ông đến dạy lập Vạn Pháp Cung để thu phục những người chán đời lên núi tu mà không ai dìu dẫn. Sau thời gian học tập Chí Thiện Đợi đoán biết được mọi việc từ xa. Đức Hộ Pháp biết ông đã đạt pháp, nên ban cho Đạo hiệu là Linh Đoán.

Kể từ đó, ông được cải tên là Võ Linh Đoán. Đạo hữu các nơi về tu chơn tại Vạn Pháp Cung ngày càng đông hơn.

Tịnh luyện đúng pháp có duyên may mới được Đức Hộ Pháp khai khiếu xuất thần mà vân du viên ngoại.

Tại Thảo Xá Hiền Cung, vào ngày Rằm tháng Tư năm Quý Dậu (tức sau ngày Triều Thiên Đức Hộ Pháp). Trong lúc “*Nhạc Tấu Quân Thiên*”, Phật Tiên, Thánh ngự đàn.

VĐ thoáng thấy Đức Ngài nhá Kim Tiên khai Huệ Quang Khiếu, mắt VĐ đổ hào quang hiện Diệu quang tam thanh (ba vòng vô vi màu vàng, xanh, đỏ) văng vẳng nghe Ngài dạy: “Đó là lẽ truyền tự pháp, hãy để cho mọi người xung quanh khám phá sự CHỨNG NGỘ của môn đệ, trước khi môn đệ cho họ biết”. Cả đàn cúng đều thấy VĐ quỳ xuống và lễ bước đến bàn Vi Hộ Pháp cúi lạy.

Về Bí pháp tịnh luyện thì những ngày đầu khai Đạo, Thầy đã giảng dạy:

*Thành tâm niệm Phật
Tịnh, tịnh, tịnh, tỉnh, tỉnh
Tịnh là VÔ NHỨT VẬT
Thành tâm hành Đạo pháp*

■ *Đàn đêm 14/01/1926*

Chỉ có 4 câu đã nêu rõ cách tịnh luyện theo đạo mới: Tâm thiện niệm, tỉnh lặng, vô nhứt vật và tự hành pháp.

1. TÂM THIỆN NIỆM: Sau khi dâng Tâm Bửu trong tứ thời thì niệm danh Thầy là đủ, vì Thầy này có đủ Tam giáo (câu 1)

2. TỈNH LẶNG: câu thứ hai, Thầy dạy: “*Tịnh, Tịnh, Tịnh, tỉnh, tỉnh*” tức là lặng, lặng, lặng, tỉnh, tỉnh.

Tịnh là tâm bên ngoài không xao động, bên trong chẳng so hơn tỉnh thiết, tức trong ngoài chẳng loạn là tịnh. Khi tịnh lặng là không xao động thên thang nhưng phải tỉnh. Khi tịnh giác quan ta vẫn nghe, vẫn thấy nhưng tâm khỏi bị ngoại vật lôi cuốn, mà nghe như không nghe, thấy như không thấy gọi là *tâm phá chấp*. Do đó, phải thấy được cái lặng trong cái tỉnh, tỉnh trong lặng. Nếu tỉnh mà “*tâm viên ý mã*” là sai và tịnh lặng mà ngủ cũng sai, vì ngủ không giác tâm được. N. Bá Dương nói: tâm viên bất định, ý mã nan

truy (lòng vượn khó trụ, ý ngựa khó theo).

3. TÂM VÔ NHỨT VẬT: Nguyên văn câu lục Tổ Huệ Năng được truyền y bát là “*Bản lai vô nhứt vật*” (Xem “*Pháp Bảo Đàn Kinh*” của Lục Tổ Huệ Năng). Ngài nói tâm vốn không vọng, dấy khởi phân biệt là hư giả, nên tịnh cần không vọng là đủ; không vọng thì động tự lắng xuống, tâm an nhiên, tự tánh thanh tịnh. Tâm buông thả tất cả, không vướng mắc bất cứ điều thiện hay điều ác nào.

4. TỰ HÀNH PHÁP: Tự chơn là tự tịnh luyện một mình sau khi được chỉ dẫn.

Khi hành pháp thấy cảnh nên sợ vội nhắm mắt lại mà tâm vẫn động thì chưa phải là tịnh mà là *giả tịnh*. Tịnh đối với cảnh không chấp. Đi, đứng, nằm, ngồi làm việc mà không bị cảnh vật chi phối, tâm hằng lặng lẽ, đó là *đại tịnh*.

Khi được ngồi toạ định tại một chỗ mà tâm động, lúc xả tịnh lại nói điều gian ác thị phi, đó là *chuông tịnh*.

Hành pháp tịnh luyện, tự tu, tự thành, biết được tánh giác hằng hữu là sắp có ấn chứng thiêng liêng, trở thành Thánh thiện.

Luôn luôn ghi sâu lời dạy này của Đức Lý giảng dạy vào đêm 27/1/1926

“*Có công phải biết gắng nên công (phu)
Tu Tánh cho xong, rán luyện lòng (Tâm)
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,
Đơn tâm khó (thiền) Định lấy chi mong?*”

Dẫn giải tu thiền thì dài, thật ra *chứng ngộ* thì rất ngắn, ngắn như bài tứ tuyệt dạy tịnh luyện của Chí Tôn.

8. VIỆC TU TẠO THÁNH THẤT

Theo Tân luật, nơi chương ba quy định: “*nơi nào có đông tín đồ chừng 500 người sắp lên được phép tạo một nơi Thánh Thất thờ Đức Chí Tôn*”. Do đó, vào ngày 3 tháng 3 năm Canh Tuất (1970) Hội Thánh quy định việc xây cất Thánh Thất các nơi như vầy:

1. Thánh Thất địa phương cất theo kiểu duy nhất, về hình thức bên ngoài bản đồ số 3 của Hội Thánh lương đài (DL. 9/4/1970) nhưng lớn nhỏ tùy theo chu vi phần đất. Việc trang trí nội dung, toàn hội đề nghị những chi tiết ghi chú sau đây :
2. Chấp nhận cho đắp hình Đức Di Lạc trên nóc Hiệp Thiên Đài
3. Chấp nhận cho hình ông Thiện, ông Ác như ở Đền Thánh.
4. Không chấp thuận cho đắp hình Đức Quyền Giáo Tông và Đầu sư Lâm Hương Thanh ở các Thánh Thất.
5. Không chấp thuận đắp hình : Sĩ, nông, công, thương, ngư, tiểu, canh, mục trên bao lơn đài (lao động đài), chỉ được vẽ bông y theo họa đồ.
6. Chấp thuận có hình Tam Thánh như Đền Thánh nhưng phải vẽ cho giống.
7. Nơi ngai Hộ Pháp chỉ thờ chữ Khí, không được đắp thất đầu xà và hình tượng Hộ Pháp như ở Toà Thánh.
8. Không chấp thuận đắp cột đầu rồng và làm chính bậc Cửu Trùng Đài như Toà Thánh, chỉ được làm plafond dù không có hình lục long.
9. Hai bên hông Cửu Trùng Đài hình chữ Thọ, không được đắp Thiên Nhân và bông sen như Đền Thánh.
10. Trên đìm bát quái đài đắp bông giấy, không được đắp

- hình Tam Giáo, Tam Trấn, Bát Tiên và Thất Hiền.
11. Chấp thuận cho đắp cột rồng ở Bát Quái Đài mà thôi.
 12. Không chấp thuận hai bên hông đắp hình Kim Mao Hẩu như ở Đền Thánh.
 13. Trên nóc Thánh Thất làm y theo hoạ đồ không có hình Long Mã và 3 vị Cổ Phật.
 14. Không chấp thuận mái hiên chung quanh Thánh Thất đắp dây nho mà chỉ làm y theo hoạ đồ.

(Cao Đăng Hạnh Đường, khoá 1972. số thánh thất tăng từ 25(1967) lên 200 cái (1972). Nhà thờ từ 9 lên 23 cái. Văn phòng Châu tộc Đạo 83 cái)

Hội Thánh

9. CÁC ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU

Trong thời Đức Thượng Sanh chấp chương một hiện tượng đáng mừng chung cho toàn Đạo là các nơi thi công xây dựng Điện thờ Phật Mẫu, hết nơi này khánh thành đến nơi khác từ miền đông đến miền tây, từ Trảng Bàng đến Vĩnh Long.

Diễn hình buổi lễ khánh thành điện thờ Phật Mẫu tại Tộc Đạo Trảng Bàng vào ngày 3/4/1971. Ngài Hiến Đạo huấn dụ như sau: *“Ở thế gian này có nhiều tôn giáo, mỗi tôn giáo đều có tôn chỉ riêng, từ hình thức đến giáo lý. Thế mà, trong Đạo Cao Đài, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế quy tụ các giáo phái thành lập một tôn giáo mới...”*

Chúng tôi lấy phần chánh yếu là tình thương để dung hoà các tôn giáo. Những hình thức bên ngoài, như sự thờ phượng, lễ bái, cúng dường và những giáo điều bên trong tuy khác nhau, chúng tôi không lấy làm quan trọng lắm. Đạo Cao Đài là Đạo dung hoà các tôn giáo, xem các tôn giáo là bạn không

chống đối bất cứ tôn giáo nào, coi các Đấng Giáo Chủ không phân biệt màu da, sắc tộc, đều là Thánh nhân của nhân loại.

Dưới vòm trời, người Đạo Cao Đài sống chung với người Thiên Chúa hay người Phật Giáo nhìn chung bằng đôi mắt hiền hoà không chỗ nghi kỵ. Đó là điều may mắn cho dân tộc ta, không vì riêng Đạo mà chia rẽ giống nòi. Quý chư Chức sắc, chúc việc ân cần nhắc nhở Thiên nam tín nữ hiểu rõ điều ấy.

Quý vị không quá chú trọng về phẩm tước, phải đặt nặng phần trách nhiệm mà lo chăm nom chư tín hữu. Cách dạy dỗ khuyên răn phải hết lòng hết dạ, khiêm cung vui vẻ đừng làm mất niềm hoà ái... thắng như có hai người xích mích nhau, bốn phận đàn anh là phải tìm hiểu đích xác, dùng lời phải trái mà khuyên can, dàn xếp cho được ổn thoả đừng để nảy sinh mối hiểm riêng mà anh em gặp nhau bỡ ngỡ.

Thánh Thất hay Điện Thờ Phật Mẫu đều là cửa chung trong Đạo. Người Hành chánh hay người Phước Thiện cũng là người Đạo phải cùng nhau mà lo nghiệp cả của Đức Chí Tôn, không vì lẽ gì mà xem khinh, xem trọng, phải nhân nhượng thuận hoà cùng nhau, trách nhiệm ai nấy lo mà phổ thông nền chơn Đạo, khuyến khích chư Đạo hữu vững bước trên đường tu học”

■ (TT số 26 ra ngày 20/4/1971 xin xem “**Công đức Phật mẫu và Cứu vị Nữ Phật**” cùng người viết)

Điều cần nhớ là đồng Đạo ai cũng biết nơi thờ Đức Phật Mẫu hiện nay là Báo Ân Từ và Hội Yến Diêu Trì Cung chỉ thiết Đại lễ ở Toà Thánh mà thôi.

10. CỤC LẠC CẢNH

Vào tháng 03/1927, hai vị quyền Đâu sư Thái Thơ Thanh và nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh đứng tên mua sở đất 96 mẫu để làm Thánh địa. Cục bắc phần đất cất Toà

Thánh tạm bằng tranh và cực nam phân đất cát Cực Lạc Cảnh cũng lợp bằng tranh. Toà Thánh thì sớm được hoàn thành bằng vật liệu nặng còn Cực Lạc Cảnh tới năm 1965 mới xây dựng bằng gạch ngói. Chu vi Cực Lạc Cảnh độ 800m. Chùa trệt, bên trong thờ các tượng Phật đắp bằng xi măng hoặc chạm trở bằng gỗ.

Dưới đây là tờ phúc trình của ông bà Thái Thơ Thanh và Lâm Hương Thanh về sở đất làm Thánh địa, trong đó có Cực Lạc Cảnh:

“Chánh ngoạt sơ nhị nhật Tân Vị Khâm Thiên tổng quản tài chính, phụng sắc chương quản tài liệu,

Tổng Lý Công viện, Lương viện, Hộ viện, Nông viện, Phổ độ viện, Quyền Đầu Sư chủ tọa Hội Thánh, Quản lý tạo tác Tổ Đình Thái Thơ Thanh kính bút.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đệ lục niên, chánh ngoạt, sơ tam nhật, Tân vị, Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh đề bút.

Tượng mãn, Đại Đạo hoàng khai Tam Kỳ Phổ Độ lưu truyền thiên vạn cổ, bổ khắp ngũ châu thì nền Chơn Đạo phải to tát mới ra cảnh tượng thể thống Đạo cả.

Vì vậy mà hai tôi nong nả đêm ngày lo mở mang cuộc Thánh Địa, chế ra miền Tây vức. Bởi Nông trường cực nhọc, trên nhờ sức Thiêng Liêng Đại Từ Phụ ban bố, mới xui khiến mua thêm được gần 100 mẫu đất rừng, của tư bốn vợ chồng tôi xuất ra mua. Liên tiếp Thánh Địa nối dài ra tận ngã ba Mít Một (Boulevard l'Anglais) bề mặt trên 2000 m giáp ranh Bá Huê Viên, nối liền động Đình Hồ (tức Bàu Cà Na) 1000m của Thánh địa nữa, cộng chung là 3000m (chu vi). Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn. Ngày sau Hội Thánh mở ba phía là đông, nam, bắc, mỗi phía 3000m vuông vức cộng là 12.000 m (chu vi) dựng xây vách thành cao lớn (giáp 4 phía) dựng

nên miền Tây vức, đề hiệu Thái Cực Toàn Đố.

Trong chia ra hai cuộc, phía Bắc xây cửa thành lớn đắp chữ nổi cao ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, lộ ra 4 chữ to là Đế Thiên Thượng Hoàng, còn phía chánh Nam cũng tại cửa thành y kiểu 3 mặt như nhau, đề hiệu ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, hiện 4 chữ ĐẾ THÍCH PHÁT TỔ.

Phía chánh Tây tạo một cuộc ngũ quan môn nghĩa là Đại Thành Môn có 5 cửa Ngũ Chi Đại Đạo hiện 4 chữ nơi Thái Cực Toàn Đố.

Còn chánh Đông môn thì cửa thành y kiểu ba phía đều hiệu Tây Vức Cảnh. Trong Thái Cực Toàn Đố chia làm hai cuộc: Bên phía Bắc là Bạch Ngọc Kinh tạo tác Tổ Đình, có Bá Huê Viên, động Đình Hồ. Đức Chí Tôn ngự mở cảnh thoát trần, Đức Di Lặc giáng thế khai Long Hoa Hội.

Hai bên rừng Thiên nhiên phía sau lập Cửu Viện, Thiên Phong Đường, Đầu Sư Đường, Hộ Pháp Đường, Tịnh Thất Sở và Học Đường, Dưỡng Đường với các xưởng bá công mỹ nghệ.

Còn các con đường: 1- Như Lai Đố, 2- Di Lặc Đạo, 3- Phước Đức Cù, 4- Oai Linh Tiên, 5- Bình Đăng Đố, 6- Sử Quân Tử, 7- Thái Hoà Lộ, 8- Bình Dương Đạo.

Còn phía Nam thì tạo CỤC LẠC VÔ VI CẢNH GIỚI (gọi tắt là Cục Lạc Cảnh). Đắp con đường chữ thập lớn dài từ Nam chí Bắc, từ Đông sang Tây gọi là Tứ Tượng Đố biến ra Bát Quái, chính giữa ngã tư biến ra Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Giữa trung tim un đúc một cảnh Nội Điện Đế Thích giống như cổ tích trên chốn Đế Thiên gần nước Xiêm La (Thái Lan) vậy.

Phía bên hữu Tây Bắc thì tạo Quan Âm Các (tức góc ở giữa con đường từ cửa số 7 ngoại ô đến cửa số 4 nội ô), phía bên tả Tây Bắc thì dựng Long Nữ Điện (Ngươn linh bà Lâm

Hương Thanh), phía bên tả Đông Nam thì xây nơi Tô Sơn, trên chót đỉnh có đánh cốt Đức Thế Tôn nằm qui Niết Bàn bề dài 12 thước tây, trên đánh trung có thạch động Phổ Đà Sơn nơi Đức Từ Hàng Đạo Nhơn (Ngươn linh ông Nguyễn Ngọc Thơ) thành phật, ấy là 5 cuộc to lớn.

Còn các cuộc nhỏ khởi tạo trước là: tạo Thất Bửu Pháp, đào Tây Vực Trì, cất Thuồng Liên Đình, tạo Từ Thoàn Lâm này, vuông vức 500 công (đất). Ấy là bên hướng nam. Còn bên hướng Bắc tạo Thái Bình địa (nay là Cực Lạc Thái Bình) cũng 500 công (đất) cất chợ Từ Bi, Nhà Thương nhà mát, nhà nghỉ cho hàng tín đồ nhập môn theo Hạ Thừa.

Ước mong ngày sau, Hội Thánh mở mang cuộc Thánh Địa này cho giáp hết núi Điện bà ra về nền Chơn Đạo”.

Thái Thơ Thanh - Lâm Hương Thanh

- (Ban Đạo Sử, tài liệu lưu trữ. Những chữ trong ngoặc ở phúc trình là lời chú thích của người viết)

Theo tờ phúc trình những công trình của ông bà Nguyễn Ngọc Thơ nay chỉ còn lại một vài tên đường như Oai Linh Tiên là con đường từ cửa số 4 đến cửa số 9. Quan Âm Các từ cửa số 4 ra cửa số 7 ngoại ô, Phổ Đà Sơn từ Tháp Bảo Đạo chạy qua đến cầu Thị Kiều, Phước Đức Cù từ cầu Thị Kiều tới cửa số 8 nội ô. Có ý nghĩa nhất là Cực Lạc Cảnh, từ đường Quan Âm Các theo đường đèn 5 ngọn thẳng xuống triển ruộng đi bên trái gặp Đền Thờ Phật Mẫu của Phận đạo đệ tứ, cách điện thờ 300m cũng bên trái là Cực Lạc Cảnh. Nơi đây có tác tượng thờ ông bà. Cách 500m về hướng đông Cực Lạc Cảnh là Cực Lạc Thổ, nơi táng các vị Chức sắc và sĩ quan QĐCĐ trước kia, đó là dấu tích của ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Hương Thanh còn lại.

11. VIỆN ĐẠI HỌC CAO ĐÀI

Từ năm 1971 viện Đại Học Cao Đài (tạm đặt trường sở tại nhà Hội Vạn Linh) đã lập đầy đủ để xin khai giảng. Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu từ chối không cấp giấy phép vì người đứng tên Viện trưởng là Tiến sĩ Nguyễn Văn Lộc, Bảo Học Quân HTĐ vốn là cựu Thủ tướng đối nghịch.

Việc tuyển sinh phải hoãn đi hoãn lại nhiều lần. Mãi đến ngày 24/11/1971 Hội Đồng Quản Trị Viện Đại Học Cao Đài mới được Bộ Giáo Dục cấp giấy phép số 7999/GD/VP để ngày 29/9/1971 bổ túc giấy phép số 9335/GD cấp ngày 24/11/1971 mà vị quyền viện trưởng chưa có bằng cử nhân, nhằm mua chuộc cử tri theo Đạo Cao Đài trong kỳ bầu cử Tổng thống vào ngày 03/10/1971.

Vị Thời Quân Khai Đạo, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị đã trấn tĩnh như sau, nhân ngày bác sĩ Lê Văn Hoạch, Bảo Sanh Quân HTĐ nhận chức viện trưởng:

“Suốt gần hai niên khoá 1971-1972 và 1972-1973 với tư cách quyền viện trưởng tôi xin xác nhận thành quả tốt đẹp của viện, một phần lớn công do luật sư Nguyễn Văn Lộc, Bảo Học Quân, nhậm vị khoa trưởng là tiến sĩ Lê Trọng Vinh và kỹ sư Đoàn Minh Quang đảm nhiệm điều hành giảng huấn....

Song song với việc điều hành viện. Hội Đồng Quản Trị chúng tôi đặt nặng trọng tâm xúc tiến công tác xây cất viện trên phần đất 7 mẫu do cố Hộ Pháp đã chỉ định tại Chợ Long Hoa. Hội Đồng Quản Trị bằng mọi cách phải hoàn thành việc xây cất khu C để đưa một số sinh viên về học trong niên khoá 1973-1974.

Với ngân khoản 400.000.000 dự trù xây cất Viện đại học Cao Đài, Hội Đồng Quản Trị tin tưởng vào sự bảo trợ của Hội Thánh, sự yểm trợ của chính quyền và lòng hảo tâm của

chữ tín hữu Cao Đài trên toàn quốc, nhất định Viện Đại Học Cao Đài sẽ được hoàn thành.

■ (TT số 75 ra ngày 12/5/1973, tr.8-10)

12. ĐẠI ĐẠO THANH NIÊN HỘI

Đại Đạo Thanh Niên Hội thành lập năm 1966, đứng đầu là vị Hội Trưởng. Hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, điều khiển do các ban chấp hành nhiệm kỳ là ba năm như BCH Trung Ương, Châu Thành Thánh Địa, Phân Đạo, Tỉnh Hội, Quận Hội, có hệ thống ngang với các Châu Tộc Đạo và trợ lực cho các Châu Đạo, trợ lực cho các Tộc về giáo dưỡng thanh niên.

Hội kỳ chiều ngang 2/3 chiều dài, nền xanh da trời, trên nền có ba vòng tam thanh và sao Thất Tinh.

Đồng phục nam áo sơ mi trắng có cầu vai, quần tây dài màu nâu, đầu đội nón rộng vành, nữ áo sơ mi trắng có cầu vai, váy màu nâu, nón da hay nón vải.

Thanh niên gia nhập phải tuân theo “*Điều lệ Hội*”, xin lược ghi một số điều:

– *Điều thứ nhất*: Hội Thánh công nhận Đại Đạo Thanh Niên Hội là một cơ quan để tiếp xúc với Hội Thánh trong việc thi hành Thế Luật của Đạo cho được đặc lực.

– *Điều thứ ba*: Đại Đạo Thanh Niên Hội thành lập nhằm mục đích đoàn kết chặt chẽ tầng lớp thanh niên con em của Đạo thành một khối vững chắc để phục vụ Hội Thánh.

Gây tình thương thân tương ái giữa các đoàn thể thanh niên.

Đào tạo nhân tài cho xã hội. Quyết tâm giữ vững nền Tâm pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Những điều vừa nêu trên đã ấn định mục tiêu và nhiệm vụ của Đại Đạo Thanh Niên Hội là xây dựng một xã hội mới theo Tân Pháp của Đạo Cao Đài là tứ hải giai huynh đệ, năm châu chung nhà để xây dựng thế giới Đại Đồng phồn vinh.

Muốn được như thế, người thanh niên đạo trước hết phải tạo cho mình một thể chất khoẻ mạnh và trong sạch. Kế đến phải tự rèn luyện bản thân có những đức tính tốt như trọng danh dự, trọng tự do, trọng tín nghĩa và sẵn sàng hy sinh vì đại nghĩa vì Đạo.

Điều cần yếu nhất là phải học hành siêng năng.

Ngài Hiến Đạo ban huấn từ cho Đại Đạo Thanh Niên Hội nhân Đại lễ Hội Yến 14-8-Aát Hội (2-10-1971) đã nhấn mạnh điều đó như sau:

“Thế kỷ XX là thế kỷ hạt nhân nguyên tử..... Thế kỷ khoa học tiến bộ mau lẹ. “Thanh niên phải làm gì để theo kịp đà tiến triển của khoa học. Các em phải học tập cho rộng để mở mang kiến thức, nghĩ cho sâu để hiểu rõ ngọn ngành, nghiên cứu kỹ lưỡng để phân biệt phải trái...”

“Học là niềm đam mê, học hoài học không chán, lấy sự học làm thú vị. Học như vậy mới hay, mới có kết quả tốt đẹp. Học để biết sự biến chuyển trong đời, trong sự thế, biết cái mới lạ, cái đẹp hay. Học như vậy mới thật là học...”

“Các em thanh niên vốn là con cháu của tín hữu Cao Đài con nhà đạo đức, các em không thể làm chuyện hư hèn để tiếng nhơ cho họ hàng thân tộc. Các em phải tránh xa khỏi bị đầu độc bằng phim ảnh truy lạc của bọn con buôn trục lợi.

“Hỡi các em thanh niên, đất nước đặt hy vọng vào các em đạo, trông cậy vào các em. Các em cố gắng học cho tốt để mai sau góp phần xây dựng xứ sở, dìu dắt đồng bào bước lên đường

văn minh tiến bộ theo kịp bằng người”

■ (TT 38, tr. 8, 9).

13. ĐẠO ĐỨC VĂN ĐÀN

Vào năm 1950, ông Cao Đức Trọng (Tiếp Đạo HTĐ) tự Huyền Quang, đạo hiệu Chánh Đức thành lập Đạo Đức Văn Đàn, tập hợp các nhà làm thơ trong Đạo. Chẳng bao lâu ông liểu đạo.

Năm 1957, ông Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu về Toà Thánh phục vụ Đạo. Nhà thơ Thuần Đức phục hồi Đạo Đức Văn Đàn. Ông làm Trưởng ban và ông Thông Quang Huỳnh Văn Đến (Phối sử) làm phó ban.

Ngày 6-7-1957 ông Thuần Đức có làm bài thi, mời bạn thơ hoạ như sau

VỀ TOÀ THÁNH HÀNH ĐẠO

*Tuổi già gặp buổi Đạo chinh nghiêng,
Đành phải ra tay chống đỡ thuyền.
Cõi sống quyết sang miền tịnh độ,
Thuận buồm nhờ núp bóng Cao Thiên.
Trên đường độ chúng vui đoàn kết,
Trong việc tu thân học Thánh hiền.
Còn chút hơi tàn còn nhiệm vụ.
Còn lo phổ cập mỗi chơn truyền*

HỌA VĂN

*Gặp lúc Đạo nhà cảnh đảo nghiêng,
Trở về Thánh địa, cố “chèu thuyền”
Sóng đời mộng ảo tưởng trần thế
Mây lướt an nhiên cảnh thượng Thiên.
Huyền diệu Thầy ban qua nạn khó,*

*Từ ân Mẹ độ đạt chân hiền.
Nguyện lòng gắng sức lo cho Đạo,
Tuân thủ phò khuông Pháp Chánh Truyền,*

VĂN ĐĂNG

Vì tuổi già sức yếu, nhà thơ Thuần Đức về Sài gòn dưỡng bệnh rồi qui tiên.

Sau đó, họp đại hội bầu nhà thơ Thân Dân (tức Hiến Pháp Trương Hữu Đức) làm cố vấn Đạo Đức Văn Đàn và Thông Quang làm Trưởng Ban, Chơn Nhơn Phạm Mộc Bồn làm Phó ban. Năm 1969 Thông Quang mở hội nghị và lập nội qui mới có Tổng thư ký, thủ bản và hai ban kiểm duyệt, ấn loát. Từ đó văn đàn trở nên qui cũ và phát triển.

Nhà thơ Thông Quang đến nhà in Lê Thành ở Ngã Năm để in VĂN THI HIỆP TUYỂN II, có gặp Văn Đăng, Văn Đăng tặng ông câu đối

ĐẠO ĐỨC hanh thông truyền vạn đại

VĂN ĐÀN khai thái thọ thiên niên

Nhà thơ Thông Quang tặng lại Văn Đăng 3 tập thơ: Giác Thế Tu Chơn (2 tập), Văn thi Hiệp Tuyển I.

Đạo Đức Văn Đàn vận dụng nhuần nhuyễn các thể thơ truyền thống như song thất lục bát, lục bát, nhất là thơ Đường (xem Thánh Địa Thập Nhị Cảnh, phụ trang ĐĐSC IV).

Nhờ lấy cảm hứng từ Tam giáo nên nhà Đường nổi lên thi Tiên (Lý Thái Bạch), thi Phật (Vương Duy) và thi Thánh (Đỗ Phủ). Lý Thái Bạch là thi Tiên không vì phong cách tuyệt vời bay bổng mà còn do tài năng siêu phàm. Toàn huyết quản của Trích Tiên là thơ. Chính Đức Lý đã đưa thơ Đường luật vào Thánh giáo của Đạo Cao Đài và trở thành Thánh thi. Cho nên, đạo hữu khi đọc Kinh, đọc Thánh ngôn

nhập tâm, vô hình trung thích viết thơ đường luật.

Tại sao chọn Đường luật làm Thánh thi, thứ nhất, Đường luật coi trọng sự hài hoà cân đối qua sáu nguyên tắc của luật thi: niêm, luật, vần, đối, tiết tấu và bố cục. Thứ hai, Đường luật kín đáo, chừng mực hài hoà giữa *văn* (cái bên ngoài) và *chất* (cái bên trong). Khổng Tử nói “*Văn chất bán bán*”. Thơ văn tươi tốt sẽ chung sức khí thiêng sông núi và sự lên men của tâm hồn. Thứ ba, trong thơ Đường luật, âm thanh thường là tiếng chuông chùa xa. “*dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*”... làm thức tỉnh lòng người. Đỉnh cao của thơ là Đạo. Thơ thường chỉ gợi chứ không nghị luận, không nói rõ ý mà tùy người đọc luận ra Thánh ý. Điểm đặc sắc nữa là Đường thi ít thấy “*cái tôi*” trong đó.

Phong trào phát triển thơ rộng khắp trong vùng tạo thành nếp “*Văn hoá truyền thống Thánh Địa*” nhà bạn thơ nào có lễ quan hôn tang tế, gửi thơ mời các bạn thơ đều đáp ứng nồng nhiệt.

- Quan: thăng phẩm, bổ nhậm, lên lương, thi đỗ thì dùng chúc thi.
- Hôn: cưới hỏi thì dùng hỉ thi có chút men tếu của rượu.
- Tang: chia buồn tang chủ thì dùng điệu thi
- Tế: đáo tuế, thượng thọ, an vị, đại tường thì dùng chúc thi.

Bốn lễ trên, lễ hội nào cũng có hai phần: nghi lễ trước rồi hội thơ sau, chen giữa hai phần đó có phần ẩm thực vui vẻ.

Ví dụ: Lễ mừng thượng thọ. Trước hết là nghi lễ dâng cơm rượu trà cho cụ ông cụ bà. Kế đến là tiệc sau cùng mới hội thơ.

Thường thì gia chủ gửi bài xướng trước, các bạn thơ

họa theo. Đến lúc hội thơ, có người ngâm thơ, có bạn đàn tranh, đàn kìm, sáo trúc hoà theo thật là văn minh, tao nhã. Nhất là đối với người trung niên, cao niên có dịp đưa hồn theo lời thơ tiếng sáo, lòng lâng lâng nhẹ nhõm, liều thuốc giải cứu cơn sầu.

Sau đó, gia chủ tập hợp các thơ xướng họa lại, in thành tập thơ xinh xắn gửi tặng lại các bạn thơ. Những phong cách đó trở thành cái nếp, tặng qua tặng lại cho vừa lòng nhau.

CHƯƠNG VIII

LỄ KHÁNH THÀNH CÁC CƠ SỞ ĐẠO

1. Lễ khánh thành nhà Hội Vạn Linh
2. Lễ đặt viên gạch đầu tiên
3. Lễ khánh thành vòng rào Báo Quốc Từ
4. Lễ an vị Đức Phật mẫu nơi điện thờ Trường Qui Thiện
5. Lễ khánh thành nhà thuyền Bát Nhã
5. Lễ khánh thành Học đường Bộ nhạc
6. Lễ khánh thành cơ quan phát thanh
7. Lễ khai giảng khoá huấn luyện Chức việc

Ngay từ năm 1927, Đẩu sư Thái Thơ Thanh đã có chương trình xây dựng “*Thái Cực Toàn Đờ*”. Đèn, điện, dinh thự nào ở đâu đã có qui định rõ ràng (xem chương II, mục 10).

Sau khi diện kiến Đức Hộ Pháp ở Thiên Đình, Ngài Đẩu sư xin nhường lại việc xây cất trong Thánh Địa cho Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp chỉ dạy Giám đốc Phòng Kinh Lý Khám Đạt Trương Văn Ba (Lễ sanh Ngọc Ba Thanh), phóng đường phân lô vùng Thánh. Trong nội ô ghi rõ từng cơ quan nào nằm ở đâu. Đức Hộ Pháp cho xây cất ngay bằng tranh ván, bằng xi măng cốt tre. Ngay cả Đèn Thánh, các cột bên trong làm bằng cột tấm vòng. Hiệp Thiên Đài thiết kế plafond tre, tường gạch đất không nung.

Chính vì thế, nhiều nhà xiêu vẹo, phải xây cất lại bằng xi măng và sắt sạn cho kiên cố. Khi hoàn tất mới thiết lễ khánh

thành chính thức như Nhà Hội Vạn Linh, nhà Thuyền Bát Nhã, cơ quan phát thanh.

1. LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ HỘI VẠN LINH

– Vào ngày mồng 4 tháng giêng Quý Mão (dl 2-2-1963), Đức Cao Thượng Sanh đến dự lễ và ban huấn từ:

“Tạo nên ngôi nhà này, Hội Thánh chúng tôi có ý để dùng làm nơi hội họp của bốn Đạo mỗi khi có cuộc lễ long trọng và khi có quý quan khách trong các giới và các tôn giáo ở xa đến viếng Toà Thánh muốn lưu lại đôi ngày thì cũng sẵn có nơi xứng đáng để tiếp rước.

Thưa toàn thể chư Chức sắc, chức việc và Đạo hữu hoàn thành được công trình xây dựng này, Hội Thánh nhờ nơi tâm nhiệt thành của toàn Đạo Chức sắc, chức việc, cùng Đạo hữu nam nữ nơi trung ương cũng như ở các địa phương vui lòng chung đàu kẻ ít người nhiều, nhứt là nhờ nơi công quả của Ban Kiến Trúc và thợ chuyên môn toàn là người hiến thân cho Đạo.

Điều mà Hội Thánh quá thâm cảm là mỗi khi có tiếng kêu gọi của Hội Thánh để thật hành một công tác nào thì toàn thể Chức sắc, nhơn viên và công quả đều sẵn sàng hưởng ứng mãnh liệt, đem hết thiện chí và khả năng để phục vụ cho đến khi công việc hoàn thành mỹ mãn.

Hôm nay phần đông Chức việc và Đạo hữu nam nữ ở các nơi tựu về Toà Thánh để chứng kiến một công trình kiến trúc to tát đồ sộ, một ngôi nhà chung mà mỗi vị đều có góp phần xây dựng. Tôi tin chắc ai cũng được hân hoan nhận thấy sự hy sinh của mình đã tô điểm thêm cho nghiệp Đạo nhiều nét đan thanh, oai hùng, để làm phấn khởi tinh thần đoàn kết của mỗi con cái Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ.

Cái tinh thần đoàn kết và xây dựng ấy, Hội Thánh xin

đa tạ và thân tâm dâng lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu chứng minh”.

2. LỄ ĐẶT VIÊN GẠCH ĐẦU TIÊN XÂY DỰNG CHÁNH MÔN

Toà Thánh đã khánh thành đến nay mới làm lộ chánh môn rộng 80 mét chạy thẳng đến Nam Vang. Vì xây cửa Chánh môn nên phải bỏ cửa số 5 (vốn là cửa tử) để chu vi nội ô vẫn là 12 cửa. Ngày 16 tháng 6 năm Ất Tỵ (1965) khi đến đặt viên gạch đầu tiên, Đức Cao Thượng Sanh đọc diễn văn như sau:

“Hôm nay là ngày lễ đặt viên gạch đầu tiên kiến thiết Chánh môn Toà Thánh Tây Ninh.

Tôi để lời cảm ơn Chư quý viên quan và quan khách đã sẵn lòng đến dự làm cho cuộc lễ tăng thêm phần long trọng. Tôi cũng để lời cảm ơn toàn thể Chư sắc. Chúc việc và Đạo hữu Nam Nữ đến đông đảo để nâng cao tinh thần đoàn kết trong công cuộc kiến thiết này.

Đã lâu rồi Hội Thánh có ý định xây cất Chánh môn Toà Thánh theo sự trù hoạch của Đức Hộ Pháp từ trước. Nhưng vì tài chánh eo hẹp, lại nữa trong vùng nội ô có nhiều kiến trúc và tu bổ cấp bách cần phải lo trước, nên không thể thực hành ý định sớm hơn được. Mãi cho đến ngày hôm nay mới có thể khởi công xây dựng,

Theo sự thoả thuận trước đây, giữa Hội Thánh và ông cựu Tỉnh trưởng thì công cuộc vận động cho có đủ tài chánh mua vật liệu về phần ông cựu Tỉnh trưởng đảm nhiệm, còn Hội Thánh thì lo về chi phí công thợ.

Nhưng ngày 12 tháng 6 năm Ất Tỵ (nhằm 10/7/1965) thì chánh phủ bổ nhiệm ông Tỉnh trưởng mới lên thay thế cho ông Lê Văn Tấn được lãnh nhiệm vụ khác.

Lẽ dĩ nhiên, ông cựu Tỉnh trưởng không còn lo nhiệm vụ kể trên nữa, và công cuộc xây dựng Chánh môn Tòa Thánh hiện nay đã chính thức trọn vẹn phần Hội Thánh đảm nhiệm về phương diện tài chánh cũng như về phương diện kiến thiết.

Từ mấy chục năm qua, đại nghiệp của Đức Chí Tôn tại thế vẫn được bồi đắp lần hồi do nơi lòng trung thành và chí hy sinh của toàn Đạo, tức là của Chức sắc và Thiện tín. Đạo trải qua bao nhiêu nổi thăng trầm, lướt qua bao phen bão bùng, giông tố gây nên bởi lòng tham hiểm của thế tình, nhưng chánh khí trung cương của con cái Đức Chí Tôn không bao giờ sờn mẻ. Trong những giờ phút khó khăn, điên đảo, trong những hồi đen tối khuynh nguy, nếu vạn dĩ, Hội Thánh phải để lời kêu gọi thì nhân sanh trong cửa Đạo sẵn sàng hưởng ứng kể của người công xúm nhau đem khối nhiệt thành điểm tô cho cơ nghiệp Đạo.

Đó chính là một tinh thần phục vụ cao siêu mà cũng là cái năng lực hữu hiệu của Thiêng Liêng đã mầu nhiệm dành sẵn cho Thánh Thể Đức Chí Tôn tại thế. Cái tinh thần đó bất diệt cũng như cái năng lực đó vẫn mãi trường tồn và luôn luôn chực sẵn để phụng sự cho chánh nghĩa, nâng đỡ cho lẽ phải và giúp nên cho những bậc lãnh đạo chơn chánh, thiết tha hoài bảo xây dựng cho nền Chánh giáo.

Những đấng đàn anh tiền bối trong cửa Đạo ngày nay khuất bóng đã để lại biết bao công trình, bao nhiêu tâm huyết, lao tâm tiêu tử có khi đến hơi thở cuối cùng. Chỉ vì quyết phục vụ nhưn sanh, chỉ vì quá thương Thầy mến Đạo, quyết lưu lại một chút sự nghiệp cho người sau chung hưởng, đó là những bậc vĩ nhân đạo đức đáng kính mến, đáng tôn thờ.

Lo làm để cho kẻ khác hưởng, cho người sau hưởng, đó là vị tha, đó là chánh nghĩa.

Lo làm để cho chính mình hưởng đó là vụ lợi, tức là bất chánh, việc làm dù thành công cũng không tồn tại được.

Công cuộc kiến thiết Chánh môn hôm nay bắt đầu thực hành, Hội Thánh vui lòng nhận thấy không biết bao nhiêu người trong Đạo sẵn lòng hỗ trợ, hân hoan góp phần xây dựng.

Mặc dù cuộc sinh hoạt đương hồi khó khăn, đời sống của nhơn sanh quá chật vật, nhưng lòng háo nghĩa của bốn Đạo quá nồng nàn, thật Hội Thánh lấy làm cảm động.

Tô điểm cho đại nghiệp là bốn phận của mỗi chức sắc, mỗi đạo hữu chúng ta cùng chung lưng góp sức để vun đắp cho nền Đạo càng ngày càng thêm đồ sộ vững bền, hầu tỏ tình đoàn kết chặt chẽ giữa các con cái của một đại gia đình, dưới sự dìu dắt chở che của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, đó là một điều quý báu vô giá mà Đức Chí Tôn hằng ước mong trông thấy trong cửa Đạo. Sự đoàn kết đó là mối dây thiêng liêng tạo nên tình thương yêu đậm đà, một căn bản siêu nhiên trên bước đường giải khổ cho nhân loại.

Về việc xây dựng Chánh môn, mặc dù sự phỏng định tạo tác hơi lớn lao, nhưng đối với thanh danh của Đạo, cuộc kiến thiết cũng phải có một giá trị xứng đáng để tượng trưng cái thể thống của một nền tôn giáo do Đức Thượng Đế sáng lập.

Hội Thánh tin rằng với lòng sốt sắng hỗ trợ của toàn đạo với sự quyết tâm hưởng ứng của con cái Đức Chí Tôn, công cuộc kiến thiết Chánh môn Toà Thánh sẽ được hoàn thành mỹ mãn trong một thời gian ngắn. **“Một cây làm chẳng nên non, ba cây dùm lại nên hòn núi cao”**. Đó là câu phương ngôn đúng xác ý nghĩa trong sự tạo tác này.

Với những nhà hảo tâm trong Đạo cũng như ngoài mặt đời, để góp phần hỗ trợ cho Hội Thánh, với những Đạo hữu công thợ trung thành với nhiệm vụ, vui lòng hiến công vào

cuộc xây dựng này. Hội Thánh xin để lời thành thật cảm ơn”.

3. LỄ KHÁNH THÀNH VUÔNG RÀO BÁO QUỐC TỬ

Báo Quốc Tử thành lập từ tháng 10-1955 để thờ những danh nhân có công với đất nước (Xem lại ĐSSC III, Chương II tiết 3, Mục 23).

Vào ngày 20 tháng 10 Bính Ngọ (dl 01-12-1966) Đức Cao Thượng Sanh đến dự lễ khánh thành vuông rào Báo Quốc Tử và hiểu dụ:

“Trên vùng Thánh Địa này, hôm nay Trời và Đạo đã gặp nhau và thông cảm nhau trong dịp tỏ lòng tôn kính và sùng bái những nhơn vật trong hàng vương giả, đã lấy chủ nghĩa quốc gia dân tộc làm chuẩn đích, đem thân thể điểm tô cho non sông Việt chủng được vững bền trên cõi Á Đông, lắm khi phải trọn đời hy sinh vì giống nòi Hồng Lạc.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền Quốc Đạo được khai sáng trên đất Nam Phần Việt Nam, nơi mà tinh ba của đất nước đã nung đúc biết bao bậc anh phong chí sĩ lẽ tất nhiên là Đại Đạo có phận sự bảo tồn quốc tuý, giữ cho còn mãi những cái hay, cái đẹp riêng biệt của nước nhà hầu lưu truyền cho đời sau roi dẫu.

Trong những cái hay, cái đẹp đó đáng treo gương nhất là tinh thần vị quốc xả thân dẫu đến thác cũng không đổi dời tiết tháo.

Vì muốn tôn thờ cái tinh thần vị quốc ái dân đó, Đức Hộ Pháp mới có sáng kiến xây dựng ngôi Báo Quốc Tử để làm nơi hương hoả phụng tự cho các Đấng Tiên Vương và các nhà tôn thất có dày công với Tổ Quốc Việt Nam.

Cái sáng kiến của Đức Hộ Pháp do nơi lòng ái quốc chơn chính của Đức Ngài, đã làm cho toàn Đạo vui lòng và mãn

nguyên.

Ngày nay Hội Thánh tiếp tục gìn giữ dấu tích của Đức Ngài và tô điểm cho nó còn vẻ uy nghiêm mãi mãi.

Tuy nói rằng ngôi Báo Quốc Tử để tôn thờ những bậc vương giả hữu công với đất nước, nhưng nước Việt Nam đã thoát vòng lệ thuộc và chính thể hiện tại là chính thể Cộng Hoà thì từ đây ngôi miếu này sẽ dành chung để chiêm bái những vị lãnh đạo Quốc gia như Quốc Trưởng, Thủ Tướng chẳng hạn, đã hy sinh thái bình cho non sanh được hưởng an cư lạc nghiệp.

Đó là những đấng “**Phụ Mẫu chi dân**” thật xứng đáng những ân nhân ngàn đời của dân tộc Việt Nam vậy.

Ngoài ra, những đấng anh hùng tương lai của đất nước, những non vật đã dám tuấn tiết vì non sông, dám liều mình vì dân tộc đã đem thắng lợi cho quê hương và giữ danh dự chung cho nòi giống. Những đấng ấy đều đáng đem vào Báo Quốc Tử để được thiên thu phụng tự.

Vì mục đích tôn trọng hạng anh hùng chí sĩ nên nơi mặt tiền Báo Quốc Tử, Hội Thánh có cho khắc hai câu đối, do Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức biên soạn và đã được sự chấp thuận của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài như dưới đây:

**“Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách
Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh”.**

Cái ý nghĩa hai câu này như thế nào, tôi chắc rằng quý vị đều biết rõ.

Thưa Hội Thánh và chư Quý vị.

Từ xưa biết bao nhiêu bậc anh hùng chí sĩ Việt Nam đã lăm phen cắn vãn tình thế khuynh đảo của nước, đánh đuổi kẻ xâm lăng, xây dựng nền độc lập.

Những bậc anh hùng dân tộc như: Phạm Ngũ Lão, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo.... những bậc anh thư như: Hai Bà Trưng, Trưng Trắc, Trưng Nhị, mặc dù ngày nay đã khuất bóng, nhưng uy danh vẫn còn ghi tạc sử xanh được muôn đời nhắc nhở ca tụng. Những đấng ấy há chẳng đáng cho hơn dân sùng bái phụng thờ mãi mãi sao?

Cho hay dù trong cửa Đạo hay nơi mặt Đời, những bậc siêu phàm đều có giá trị hiển hách ngang nhau.

Đạo thì dụng từ bi, bác ái, cứu khổ nâng nguy; Đời thì dụng tiết tháo anh hùng, trung cương nghĩa khí.

Trái thân hữu dụng để phục vụ cho Đạo và nhân sanh hay lấy khí anh phong để phụng sự quốc gia, giữ gìn biên cương lãnh thổ, khi nợ nần giữ sạch, nhục thể trả lại cho lòng đất thì dù Đạo hay Đời, những linh hồn bất diệt cũng đều được hưởng sự ban thưởng Thiên Liêng, qui hồi cứu vị trong cõi Thần Thánh Tiên Phật.

Cái gương của Đức Quan Thánh Đế Quân ngày nay đặc phong Phật vị và Đức Trinh Quốc Công Nguyễn Bình Khiêm tức là Đức Thanh Sơn được đứng vào hàng Tiên vị đã chứng cho chúng ta thấy sự công bình của Đấng Chí Tôn cầm quyền thưởng phạt.

Một người thì đem tài bách chiến và khí phách anh hùng để phò vua vực nước, một người thì dụng văn chương bác lãm để giúp cho nước trị dân an, hai Đấng ấy chẳng phải vì tu hành mà chỉ nhờ nơi tâm chí cao siêu nên thủ đắc Thiên vị.

Vậy tôi ước mong cho chư Đạo hữu nam nữ nhận thức được cái ý nghĩa cao quý của buổi lễ hôm nay và trước khi dứt lời, tôi cầu xin Đức Chí Tôn ban ơn cho toàn thể chức sắc, đạo hữu và quý quan khách”.

4. LỄ AN VỊ ĐỨC PHẬT MẪU NƠI ĐIỆN THỜ TRƯỜNG QUI THIỆN

Năm 1929, sau khi được Đức Hộ Pháp cân thân và lập hồng thệ đợc đầu, hai ông Lê Văn Trung và Đinh Công Trứ được lệnh đi Rạch Giá và Long Xuyên hành thiện. Sau đó, ông Đinh Công Trứ về Toà Thánh và lập trường Qui Thiện.

Chính vì thế, ngày 19-12-Bính Ngọ (dl 29-01-1966) Đức Thượng Sanh quan tâm đến cơ Đạo ở đây và đến dự lễ an vị Đức Phật Mẫu nơi điện thờ trường Qui Thiện.

Đức Ngài nói: *“Hôm nay, cử hành Lễ An Vị Đức Phật Mẫu tại Điện Thờ cùng Qui Thiện, tôi lấy làm vui lòng trông thấy tình Đạo hữu nơi đây được nồng nàn khẩn khít trong công việc bồi đắp cơ nghiệp Đạo, hiệp sức nhau để chung lo xây dựng ngôi thờ làm nơi sùng bái Đại Từ Mẫu, đó là lòng hiếu kính của con cái chẳng quên ơn Đức Mẹ Thiêng Liêng. Cái ơn thâm trọng đó là nhờ nơi đức háo sanh của Đức Phật Mẫu chúng ta mới có hình hài tại thế và nhờ nơi Người ban cho khí Sanh Quang, chúng ta mới có kiếp sống nơi cõi trần này để lập thân hành Đạo hầu diệt tiêu quả nghiệp tiền khiên trở về Thiêng Liêng vị.*

Chư quý bạn Đạo được có sự đồng tâm nhứt trí, đó là một điều quý báu vô giá, vì sự đồng tâm xuất phát nơi lòng thương yêu lẫn nhau, mà sự thương yêu là giọt nước Ma Ha có thể làm cho êm dịu tất cả những sự khổ đau trên trần thế.

Sanh đứng làm người phải hứng bao nỗi tang thương khôn đốn, phải chịu lắm phen nghịch cảnh đau lòng, dày vò lẫn lóc hầu trả cho xong tấc trái tiền oan cho đến ngày chung cuộc.

Ấy vậy, đời đã đầy đầy đau khổ do nơi nguyên lý của kiếp sanh, và do nơi thiên tai địa ách, tại sao người ta còn tự tìm thêm đau khổ trong sự giành giựt tranh đua mưu hại lẫn nhau để đoạt cho được miếng đỉnh chung mùi phú quý.

Tại vì người ta quá lảm lạp, muốn cho mình được hoàn toàn hạnh phúc.

Thử hỏi tiền bạc có đem lại hạnh phúc thật sự cho đời người chăng? Điều đó người trong cửa Đạo có hấp thụ Thánh giáo của Đức Chí Tôn đều có quan niệm xác đáng.

Những lợi lộc chính đáng nơi công trình lao lực, nếu ta biết tri túc, có thể đem lại cho ta một thứ thái an vui nên cũng cho là được phần nào hạnh phúc.

Còn những của hoạnh tài, những món lợi phi pháp do nơi tội ác mà được vào tay, thay vì đem hạnh phúc cho con người lại là những nấc thang đưa họ xuống hang sâu vực thẳm vì lưới Trời tuy thưa chớ một mảy lông cũng không lọt qua được. Vậy cái hạnh phúc thật sự là hạnh phúc về tinh thần, hạnh phúc của người có lương tâm thơ thới, biết an phận thủ thường, có tư tưởng sạch trong nhiệm mùi đạo đức.

Trong gia đình mà được phu phụ hoà ái, huynh đệ tương thân, trên biết thương dưới, dưới biết kính trên, cực khổ đồng chia, lạc hoan đồng hưởng, đó là một gia đình đầy hạnh phúc.

Như trong buổi lễ hôm nay, chư đạo hữu, đạo muội nơi đây đã chung lo tạo lập một nền tảng vững chắc, một ngôi thờ xứng đáng để lễ bái Đức Mẹ Thiêng Liêng, thì sự thành công đã được sản xuất nơi lòng hiếu kính, nơi mối dây thân ái và nơi chí hy sinh góp chung làm sức mạnh.

Cái kết quả được đạt thành, những bạn Đạo cùng góp phần của và ra công, ngày nay tụ họp nhau để nhìn thấy cái sự nghiệp chung của mình, tôi đoán chắc là mỗi người đều có chí mãn nguyện và một sự vui mừng chánh đáng đó là một hạnh phúc vô giá vậy.

Tuy nhiên, cũng nên nhắc cho quý vị nhớ rằng: Đã gắng công xây dựng về hình thức tức là ngôi thờ thì cũng phải gia

tâm trau tria về mặt tinh thần tức là phần đạo đức.

Hình thức và tinh thần tương xứng, phải cùng tốt đẹp cùng nhau, đồng nhau thì trong và ngoài mới không có điều chênh lệch, đường tu hành mới được vững chắc.

Tinh thần lẫn vật chất thì Đạo và người cao siêu, vật chất lẫn tinh thần thì Đạo và người thấp kém.

*Trong cửa Đạo, chúng ta phải trau tria tinh thần hơn hình thức. Câu “**Chùa rách Phật vàng**” hiểu về nghĩa chánh là: ngôi chùa ấy tuy bề ngoài không tốt đẹp, nhưng bên trong được nồng cái không khí từ bi, đạo đức và Đức Phật đã bố hoá cho vị tu trụ trì được được cái tâm tư hoàn toàn thoát tục, tha thiết với nhiệm vụ cứu khổ chúng sanh.*

Hiểu rộng hơn nữa, câu ấy nói về con người bề ngoài tuy đơn giản, mộc mạc nhưng có tâm linh thanh khiết, trí não cao siêu. Đó là tinh thần lẫn vật chất vậy.

Đức Hộ Pháp khi còn tại thế đã thường nhắc nhở cho Đạo hữu phải giữ cho nguyên vẹn cái tinh thần tốt đẹp của phong hoá nước nhà, cái tinh ba của nền triết lý trong Đạo Nhơn luân trót bốn ngàn năm do Tổ tiên lưu lại.

Đức Ngài nói: Vì xu hướng Việt Nam theo văn minh vật chất, chuộng cái tinh xảo bề ngoài của ngoại chủng nên ngày nay phong hoá suy đồi, cang thường đảo ngược. Chủ nghĩa duy vật đã thâm nhập vào não cân của dòng giống Lạc Hồng khiến cho quốc tuý điều tàn, nên NHÂN xiêu ngã và chính vì để cứu vãn tình trạng nguy hại đó mà Đức Chí Tôn giáng lập Đạo Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thánh ý của Đức Chí Tôn là muốn cho chúng ta phục hồi cái phong hoá cổ truyền của nhà Nam mà Người cho là quý báu nhứt trên mặt địa cầu. Cái phong hoá tốt đẹp đó đã bị bôi dơ, bị chà đạp: nào tình phụ tử, nào nghĩa phu thê, tình

huynh đệ, mỗi mỗi đều mất hẳn tính cách thiêng liêng của nó. Trên xử dưới, dưới đối trên, người ta đều đóng vai tuồng như trên sân khấu, toàn là màu mè và giả dối.

Đức Chí Tôn dạy chúng ta lấy NHO TÔNG chuyển thể dựng xây dựng lại nền phong hoá ưu tú của nước nhà hầu tạo lập một nền văn hoá tương lai cho toàn thể quốc gia trên thế giới. Vì vậy Đại Từ Phụ mới có câu: **“Nam phong thử nhật biến Nhơn phong”**.

Thành thử về mặt Đạo, trong việc bồi công chúng ta chẳng nên quên việc lập đức. Bồi công là phần hữu hình, lập đức là phần vô vi, hữu hình và vô vi phải tương xứng người tu sĩ mới thu thập kết quả trên đường lập vị.

Hôm nay trong việc xây dựng ngôi thờ Đức Phật Mẫu, Hội Thánh vui thấy tình cảm đoàn kết của quý bạn Đạo nơi đây được chặt chẽ. Cái tình đoàn kết đó chẳng nên có giới hạn trong khuôn khổ địa phương. Nó phải được lan rộng cùng khắp trong Châu Thành Thánh Địa. Đó là điều trước tiên, vì sau này nó phải được thực hiện trên toàn cõi Việt Nam và trong đại gia đình bao la của con cái Đức Chí Tôn tại thế.

Ngoài sự đoàn kết, quý bạn còn phải tôn trọng trật tự và kỷ luật theo chơn truyền Đại Đạo.

Đức Chí Tôn lập nên Thánh thể của Người cốt để giữ gìn cái kỷ luật ấy được trường tồn mãi. Nó là khuôn vàng thước ngọc để cho chúng ta từng theo cho khỏi sai bước lạc đường, nên Đại Đạo mới lưu truyền đến thất ức niên trên võ trụ, xin chư đạo hữu lưu lý.

Dự buổi lễ An Vị Đức Phật Mẫu hôm nay, tôi ước mong sao cho tinh thần đạo đức của chư Đạo hữu nam nữ nơi đây được càng ngày thêm tiến triển”.

5. LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ THUYỀN BÁT NHÃ TRUNG ƯƠNG

Đức Phật Tổ dùng tinh ba Tam muội mà tạo thành thuyền Bát Nhã. Các chơn linh đều nương thuyền Bát Nhã mà về Cực Lạc.

Các nhơn viên, về tâm linh do Đức Di Lạc, cai quản gồm Tổng Lái, Tổng Mũi, Tổng Thương, Tổng Khâu và 12 bá trạm (chèo thuyền).

Tổng lái: biểu tượng Bát Quái Đài, là chơn linh của Hắc Sát Tinh, về bí pháp là chơn khí của Hộ Pháp.

Tổng mũi: biểu tượng Hiệp Thiên Đài, là chơn linh của Bạch Hổ Tinh, về bí pháp là chơn khí của Thượng Phẩm.

Tổng thương: biểu tượng Cửu Trùng Đài là chơn linh của Huỳnh Long Tinh, về bí pháp là chơn khí của Thượng Sanh.

Tổng khâu: biểu tượng Nhơn sanh nên hiển hiện đủ lục dục, thất tình.

12 bá trạm : biểu tượng Thập Nhị Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Đức Chí Tôn vì đức bảo sanh, nên sai tam vị thân: Tổng lái, Tổng mũi và Tổng thương xuống trần giữ vững con thuyền Bát Nhã rước các chơn hồn về nguyền.

Về bí pháp: Đức Di Lạc cai quản nhà thuyền đặng độ dẫn 92 ức nguyên nhân tu luyện để trở về hội ngộ với Đức Chí Tôn.

Về thể pháp: Đức Hộ Pháp vâng lệnh Đức Phật Mẫu tạo thuyền Bát Nhã độ người qua sông mê trong kinh Phật có 4 câu:

Trung khố hải độ thuyền Bát Nhã

Phước Từ Bi giải quả trừ căn

Huyền hồn chuyển đọa vi thăng

Cửu Tiên hồn phục Kim Bàn chuông âm.

Nhà thuyền Bát Nhã có 2 ban: Ban kéo thuyền và Ban chèo thuyền. Ban chèo thuyền gồm có chèo hầu (tại Khách Đình hay Phật Mẫu) và chèo đưa. Thật ra, việc chèo thuyền ảnh hưởng văn hoá truyền thống ở miền Trung. Người ta gọi là Hò Bá Trạo hay Hò Đưa Linh (ông Nam Hải), cũng đủ các nhân vật như chèo thuyền trong Đạo.

Nhà thuyền Bát Nhã đã xây cất từ năm 1927 ở góc đường Cao Thượng Phẩm và Oai Linh Tiên. Sau đó được xây cất lại bằng những vật liệu nặng.

Vào ngày 22 tháng 3 năm Đinh Mùi (dl 1-5-1967) Đức Cao Thượng Sanh đến dự lễ khánh thành nhà thuyền Bát Nhã Trung Ương và ban huấn từ như sau:

“Hôm nay, tôi hân hạnh đến dự buổi lễ Khánh Thành nhà thuyền Bát Nhã Trung Ương, được chứng kiến một công tác cần thiết mà Hội Thánh Phước Thiện đã hoàn thành để cho Ban Nhà Thuyền Tòa Thánh được có một ngôi nhà kiên cố đứng giữ gìn các thuyền Bát Nhã và cho nhân viên nhà thuyền có nơi trú ngụ xứng đáng.

Thời cuộc đương lúc khó khăn, nền tài chánh eo hẹp mà Hội Thánh Phước Thiện đã cố gắng thành công trong việc kiến tạo nơi này thì thật là một công trình đáng khen ngợi.

Để tâm lo cho ích lợi chung, không quản cần cù mệt nhọc, quyết chí tìm phương cứu khổ giúp đời và biết quên mình để cho bao nhiêu người được hưởng sự vui vẻ, đó là chí hướng của bậc hoài bão chủ nghĩa thương đời.

Cái chí hướng cao quý đó đúng là chí hướng của người chức sắc Phước Thiện vậy.

Đạo còn biết bao nhiêu điều cần phải thực hiện để hoàn thành sứ mạng đối với nhơn sanh, nhứt là Hội Thánh Phước Thiện là tượng trưng hình ảnh của Đức Chí Tôn tại thế đặng cứu khổ cho con cái Đức Ngài thì cái trách nhiệm thật quan trọng và nặng nhọc thế nào.

Nhưng lấy sự thành công trong một việc mà phỏng đoán và hy vọng trong bao nhiêu việc khác thì tưởng lại bước đường tuy khó khăn song cũng không đến nỗi không thể đi đến nơi đến chốn. Một việc đã thành đạt thì trăm việc khác cũng có thể thành đạt, nhà thuyền Bát Nhã đã cất xong thì bao nhiêu công tác khác cũng có thể thành tựu được...

Điều cốt yếu là phải nuôi chí thành cho vững chắc trong não cân đã phát hiện cái ý niệm tạo nên công nghiệp để giúp Đạo, cứu đời thì cứ giữ mãi cái ý niệm đó và cương quyết không khi nào để cho lay chuyển, một tháng làm không rồi thì hai tháng, một năm không rồi thì hai năm và dẫu tới mười năm cũng phải đeo đuổi theo mãi cho tới khi hoàn thành mới chịu.

Tôi nhận thấy Hội Thánh Phước Thiện có nhiều thiện chí xây dựng, nhứt là vị chủ trương quân Phước Thiện từ mấy năm nay đã gắng sức thực hành công tác từ thiện để giúp ích cho người già cả và cho Đạo hữu trong lúc ương yếu bịnh hoạn.

Với tinh thần phục vụ đó, tôi tin chắc Hội Thánh Phước Thiện sẽ tiến tới sự thành lập các cơ sở kinh tế hầu có phương tiện cứu khổ nhơn sanh nhứt là trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc này.

Trở lại việc hoàn thành nhà thuyền Bát Nhã, tôi có lời khuyến khích toàn thể nhơn viên nhà thuyền rán tận tụy với phận sự, nhứt là chẳng nên có mặc cảm là công việc mình quá thấp hèn đối với các công việc khác.

Trong việc Đạo, mỗi người đều có trách vụ riêng, và mỗi

trách vụ đều có sự cần ích riêng biệt.

Không thể nói phận sự này cao quý, phận sự kia hạ tiện, vì cả thấy công việc đều hướng về chủ đích phụng sự cho Đạo và cho nhơn sanh.

Sự công dụng của các cơ cấu trong Đạo đều khác nhau, nhưng tất cả các cơ cấu đều có sự liên quan mật thiết với nhau cũng y như những bộ phận trong một động cơ nếu thiếu một món nào, dầu là một cái khoen hay một đinh ốc nhỏ thì động cơ phải bị tê liệt.

*Sự sanh hoạt trong cửa Đạo cũng chẳng khác chi sự sanh hoạt ngoài mặt đời, kẻ rành về nghề này, người chuyên môn về nghề khác, có nghề đòi hỏi sự lao tâm, cần nơi sự lao lực. Lao tâm hay lao lực, miễn nghề nghiệp tinh xảo thì người hành nghề luôn luôn được phần thưởng xứng đáng, vì vậy có câu: **“Nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh”** thật là đúng như vậy.*

Nhưng Đạo khác hẳn với Đời là người đời dùng sự lao tâm hay lao lực để đổi lấy món tiền thù lao và sự ban thưởng bằng vật chất, còn người Đạo thì tình nguyện đem công quả để đổi lấy sự ban thưởng thiêng liêng chung cuộc.

Mấy em nhơn viên nhà thuyết đã ra công phục vụ mà không so hơn thiệt, cứ làm việc âm thầm, không cầu cạnh, không đòi hỏi, lấy chủ nghĩa vị tha làm chủ đích, chính là mấy em dành phúc quả cho mình đó.

Phần thưởng về hữu hình có khi không tương xứng với âm đức và công nghiệp, nhưng ân huệ thiêng liêng thì chắn hẳn là không thể mất mát được.

Dự buổi lễ Khánh Thành Nhà Thuyết Bát Nhã hôm nay tôi để lời chia vui với Hội Thánh Phước Thiện và mong ước quý chức sắc Phước Thiện hiệp đồng tâm chí để xây dựng nhiều cơ sở khác hầu có đủ phương tiện thật hành nhiệm vụ

cao quý của cơ quan cứu khổ trong cửa Đại Đạo”.

6. LỄ KHÁNH THÀNH HỌC ĐƯỜNG BỘ NHẠC

Nhạc lễ đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tôn giáo Cao Đài.

Nhạc lễ là hàng đầu phải giữ gìn bản sắc văn hoá đặc biệt của tế lễ Trời đất và nhân sanh. Bộ nhạc có từ khi có Đạo. ngày 25 tháng 10 Mậu Thân (dl 14-12-1968) chỉ là lễ khánh thành ngôi trường nhạc lễ với ximăng cốt sắt.

Đức Thượng Sanh đến dự lễ tại trường (trước Bắc Tông Đạo) và ban huấn từ như sau:

“Hôm nay, tôi lấy làm hân hạnh đến Chủ tọa buổi lễ khánh thành ngôi Học đường của Bộ Nhạc Trung Ương.

Nghĩ đến công cuộc kiến tạo mà Bộ Nhạc Trung Ương phải tự túc để hoàn thành, tôi ý thức đến nỗi khó khăn cũng như sự nỗ lực của toàn thể Chức sắc Bộ nhạc đã đồng tâm nhứt trí mới đi đến thành công mỹ mãn.

Nhơn danh Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, tôi xin đề lời khen ngợi vị Chương quản Bộ Nhạc Trung Ương và tất cả Chức sắc Bộ Nhạc.

Đáng lẽ Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Thánh Phước Thiện phải chia nhau đài thọ số phí tổn kiến tạo cơ sở cần thiết cho Bộ Nhạc, vì Nhạc là Lễ là hai môn phục vụ cho Đạo, chung cả Hành Chánh và Phước Thiện.

Ở trong tình trạng phải tự túc, Chức sắc Bộ Nhạc cam lòng hy sinh đa thiếu tùy theo sức mình, ngoài ra còn nhờ sự đóng góp của các nhà hảo tâm trong Đạo, cuộc kiến thiết mới được hoàn tất như chúng ta đã thấy.

Cho hay “Hữu chí cánh thành”, sở nguyện và cương quyết

của Chư Chức sắc Bộ Nhạc đã nung đúc thành khối kiên tâm cứng rắn thì dù khó khăn bao nhiêu cũng có thể san bằng để đi tới chỗ cứu cánh. Vì đó Nho học có câu: **“Thế thượng vô nan sự, nhơn tâm tự bất kiên”** có nghĩa trên đời không có việc nào khó, chỉ tại người không bền lòng.

Học đường của Bộ Nhạc đã hoàn thành đó là một công quả đáng ghi của Chức sắc Bộ Nhạc.

Giờ đây vị Chương Quân và Chức sắc Bộ Nhạc phải gắng công đào luyện đàn em cho thành tài, đồng thời trau luyện Nghệ Thuật mình cho đến chỗ tận thiện, tận mỹ, trước để phụng sự nền Đạo sau để nâng cao phẩm giá của âm nhạc là môn nhạc rất trọng yếu của Khổng giáo.

Khi mới khai sáng nền Đạo, Đức Chí Tôn rất chú trọng đến Nhạc và Lễ, vì cái hay của Lễ là giữ trật tự bên ngoài cái hay của Nhạc là tạo sự điều hoà để kèm chế tâm tình bên trong cho khỏi vọng niệm. Lễ và Nhạc cùng hợp nhau và nếu giữ đúng nề nếp thì đàn cúng mới nghiêm chỉnh, được bao trùm một bầu không khí huyền diệu, Thiêng liêng khiến cho chúng ta cảm tưởng là có Đức Chí Tôn và Chư Tiên Phật giáng ngự để ban ơn cho toàn Đạo.

Trái lại nếu Lễ không nghiêm, Nhạc không hoà thì đàn cúng có cái trạng thái hỗn loạn khiến cho người đến Lễ bái có một tâm trạng xao xuyến, tinh thần bất định. Đó là một sự thất Lễ đối với các Đấng Thiêng Liêng và như vậy Đức Chí Tôn không khi nào giáng Đàn, tà quái có thể thừa dịp xung nhập gần nên điều rắc rối.

Trong nhiều Đàn cúng lúc ban sơ, Chức sắc thường bị Đức Chí Tôn giáng cơ quả trách vì Đàn không nghiêm, Lễ Nhạc còn khuyết điểm.

Trong năm Ất Tỵ (1965) Đức Hộ Pháp cũng có giáng cơ

tại Đền Thánh dạy Chức sắc Bộ Nhạc nên trau luyện Nhạc điệu vì Nghệ thuật còn kém. Sự kém cỏi, có lẽ một phần Nhạc sĩ thiếu tập dượt, hoặc có thụ huấn mà chưa nhuần nhã. Tôi ước mong mỗi Chức sắc Bộ Nhạc nên lưu tâm để tự mình trau luyện cho đúng mức độ Nghệ Thuật.

Thường thức một bài đờn hay như nghe một bài thi sắc sảo, một câu đờn tao nhã có điệu luyện như một câu thi tuyệt bút có mãnh lực gợi cảm làm cho xúc động tâm hồn.

Vì vậy, thời xưa các Đấng Đế Vương dùng Nhạc để cảm hoá lòng người trong Đạo trị dân. Vì Nhạc có thể khiến dân trở nên thuần hậu và có thể di phong dịch tục.

Nhạc là món ăn tinh thần đứng đầu trong bốn thú phong lưu của Thánh hiền thời xưa là Cầm, Kỳ, Thi, Hoạ và các bậc Thánh hiền đã dùng Nhạc để đạt đến lý tưởng cao siêu, giúp ích cho sự kinh bang tế thế, xây dựng nước nhà.

Vì Nhạc có cái thế lực quan trọng như vậy nên Đức Khổng Tử soạn ra bộ Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc. Về sau Ngài làm ra bộ sách Xuân Thu, nhập với năm bộ sách trước gọi là Lục Kinh.

Sau khi Đức Khổng Tử mất, kẻ nhà Tần có việc đốt sách thì những Kinh ấy bị thiêu huỷ hoặc thất lạc ít nhiều.

Nhứt là Kinh Nhạc thì mất gần hết, chỉ còn lại có một thiên, sau đem nhập vào Bộ Lễ Ký đặt tên là Thiên Nhạc Ký. Thành thử trong sáu bộ kinh chỉ còn lại có Ngũ Kinh là Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ và Kinh Xuân Thu.

Tính của Đức Khổng Tử hay ưa thích đàn và hát. Lúc Ngài ở nước Tề ham học Nhạc Thiệu, trong ba tháng say mê cho đến đói ăn không biết mùi vị.

Ngài nói: Ta chẳng ngờ học Nhạc vui đến được như thế

(Bất đồ vi Nhạc chi chí ư tư giả).

Khi Ngài châu lưu khắp thiên hạ thì bên mình không khi nào rời cây đàn Ngũ Huyền Cầm.

Quan niệm của Ngài là tiếng đàn thanh nhã có thể nâng cao tinh thần và trụ vững tâm trí siêu nhân của người quân tử. Lúc Ngài bị vây giữa nước Tần và Sái, bảy ngày không nấu ăn, chỉ ăn rau luộc suông, các đệ tử như Tử Lộ, Nhan Hồi, Tử Cống v.v... đều bán khoăn lo sợ cho Ngài, nhưng Ngài vẫn ung dung ngồi đàn hát.

Chúng ta thấy rõ Thánh hơn trọng dụng Âm nhạc như vậy vì Âm Nhạc là một bộ môn văn hoá cao đến tuyệt độ và Nhạc Thiều có cái mạnh lực huyền bí, cao siêu giúp dân trị nước, cải hoá xã hội.

Du Bá Nha đập nát Diêu Cầm thế không đồn nữa, vì người bạn tri âm là Chung Tử Kỳ đã mất thì không ai còn biết nghe tiếng đàn của mình.

Khổng Minh Gia Cát mượn tiếng đàn mà lui giặc Tư Mã Ý.

Trương Tử Phong nhờ có giọng tiêu ai oán mà trong một đêm giải tán tám ngàn đệ tử của Sở Bá Vương tại Cửu Lý San để cho Lưu Ban diệt được kẻ thù chung của thiên hạ, lập nên cơ nghiệp nhà Hán hơn bốn trăm năm.

Công dụng của Nhạc Thiều thời xưa thì cao thượng vậy. Ngày nay người ta dùng Âm Nhạc là công cụ cho chủ nghĩa con buôn trên sân khấu, khiến nên nhà nhạc sĩ vì kế sinh nhai phải bán rẻ tài nghệ làm cho cái giá trị của Quốc nhạc phải bị hạ thấp đến cực điểm.

Trong cửa Đại Đạo, chúng ta phải nâng đỡ ngành Âm Nhạc, phải bảo tồn Âm Diệu cổ truyền để lưu lại cho Đất Nước

ting hoa của một Nghệ Thuật thuần túy, mặc dù cái tinh hoa ấy nay chỉ còn phưởng phất chút dư hương do sự phế cựu hoá tân của giới Nhạc Sĩ trong nước.

Đi ngược lại với trào lưu thoái bộ đó, chúng ta không nên coi thường môn Âm Nhạc và phải cố tâm gìn giữ cái chơn giá trị của nó.

Dù Nhạc Lễ hay Nhạc Điều Tài Tử cổ truyền, mỗi môn đều có cái hay riêng đặc biệt. Nếu học Nhạc dù là môn nào, phải cố gắng học đến cùng cực uyên thâm, năng luyện tập trau dồi để càng ngày càng thêm tiến triển mới đáng gọi là biết yêu Nghệ Thuật. Từ đây Bộ Nhạc Trung Ương đã có ngôi học đường làm nơi đào tạo nhưn tài, Chức sắc đàn anh trong Bộ Nhạc phải ra công dìu dắt các Nhạc Sĩ thế nào cho khỏi mang tiếng là “Hữu danh vô thực”.

Với sự mong ước nói trên, tôi xin cầu chúc Vị Chương Quản và Chức sắc Bộ Nhạc thành công mỹ mãn để phục vụ cho Nghệ Thuật và cho nền Đại Đạo”.

7. LỄ KHÁNH THÀNH CƠ QUAN PHÁT THANH PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Cơ quan phát thanh phổ thông giáo lý thành lập năm 1967 việc xây cất cơ sở đến ngày 16-01-Kỷ Dậu (dl 4-3-1969) gần ba năm mới làm lễ khánh thành.

Đức Cao Thượng Sanh đến dự lễ và ban huấn từ như sau:

“Đến chủ tọa buổi lễ khánh thành hôm nay, tôi không giấu được niềm hân hoan khi chứng kiến một công trình xây dựng đồ sộ được thực hiện để dùng làm văn phòng cho cơ quan phát thanh phổ thông giáo lý Đại Đạo. cơ quan này thành lập từ đầu tháng 5 năm Đinh Mùi (1967).

Lúc ban sơ Cơ quan phải tạm mượn vài căn phòng Hiệp Thiên Đài làm nơi thu thanh và tập duyệt văn nghệ, vì chỗ chật

hẹp thiếu tiện nghi nên công việc của cơ quan không thể phát triển theo ý muốn, nhờ sự tận tâm hoạt động của Ngài Khai Đạo Hiệp Thiên Đài, kiêm Giám đốc cơ quan. Nhờ sự hưởng ứng của những bạn đạo giàu lòng hảo nghĩa, ra tay trợ giúp về mặt tài chánh mà ngày nay Hội Thánh được có một ngôi biệt thự cao đẹp để làm cơ sở vĩnh viễn cho Đài Phát Thanh tiếng nói của Đại Đạo.

Lễ đặt viên gạch đầu tiên xây cất tại cơ sở này khởi hành vào ngày 17 tháng 11 năm Đinh Mùi (dl.18-12-1967) công cuộc kiến tạo tiếp đến cuối năm Đinh Mùi thì một phần quan trọng đã được xây dựng. Nhưng qua đầu năm Mậu Thân lại bị nạn chiến tranh làm cho sụp đổ thành thử phải khởi công xây cất lại. Tài chánh eo hẹp mà lại gặp trường hợp phải chịu thêm một khoản tổn phí quan trọng, đó là điều khó khăn gần như nan giải. Nhưng Ban giám đốc với ý chí cương quyết đã cố gắng xoay chuyển cho có đủ tài chánh để bắt đầu tái kiến thiết, không vì cuộc thử thách vừa qua mà phải chịu thúc thủ vô sách.

Hôm nay, Văn phòng Cơ quan Phát thanh đã hoàn thành mỹ mãn, với sự trang trí các máy móc và dụng cụ cần thiết. Ban Giám Đốc Cơ quan đã lập được một đại công trong khi thi hành nhiệm vụ, mà các vị ân nhân đã hy sinh về phần tài chánh cũng góp một phần công quả xứng đáng trong cuộc xây dựng đại nghiệp chung của nền Đạo.

Ngoài ra, để giúp về mặt tinh thần cho Cơ quan Phát thanh. Các bạn Đạo Nhạc sĩ và Ca sĩ đã sẵn lòng đem hết khả năng và thiện chí hiến dâng công quả từ buổi ban sơ đến nay, giúp cho phần văn nghệ của mỗi buổi phát thanh được hào hứng. Nhờ đó, các thánh giá tri âm ở bốn phương có dịp thường thúc một thể điệu âm nhạc thuần túy của Ban văn nghệ Tòa Thánh Tây Ninh. Như vậy Hội Thánh thật hân hạnh được sự ủng hộ triệt để của bốn Đạo về mọi phương diện, kể đem công,

người giúp của, chia sẻ nỗi âu lo, đắp bồi chỗ thiếu thốn. Cho nên công việc dầu khó khăn thế nào cũng có thể đi đến một cứu cánh tốt đẹp. Chí nhiệt thành và lòng háo nghĩa của con cái Đức Chí Tôn đã được chứng tỏ đúng lúc cần yếu, đó chính là một tinh thần đoàn kết và tương trợ thật cao cả, mà đó cũng là cái năng lực hữu hiệu do quyền thiêng liêng đã mầu nhiệm dành sẵn cho Thánh thể hữu hình của Đại Từ Phụ tại thế. Cái tinh thần đó, có thể nói bất diệt cũng như cái năng lực đó vẫn trường tồn và luôn luôn chực sẵn để phụng sự cho chánh nghĩa, trợ giúp cho lẽ công ứng tiếng hy sinh hữu sự.

Hội Thánh rất may mắn được có một hậu thuẫn tận tâm, trung thành như vậy mới có thể thực thi sứ mạng Thế Thiên Hành Hoá, đem đạo cứu đời, dìu dắt nhơn sanh nâng cao giá trị nên Chánh giáo. Công cuộc kiến tạo đã thành đạt, những bạn đạo đã giúp về vật chất cũng như về tinh thần và có mặt trong buổi lễ hôm nay chẵn hẵn cũng lấy làm hân hoan khi nhìn thấy kết quả hữu hình mà trong đó mình có đóng góp một phần tô điểm và xây dựng. Để lưu niệm về sau, Ban Giám Đốc Cơ Quan Phát Thanh cũng nên lập một sổ vàng ghi tên quý vị hảo tâm trong Đạo cũng như ngoài Đời đã góp sức tạo nên ngôi biệt thự này.

Nhơn dịp lễ Khánh Thành hôm nay, tôi xin nhắc lại, là Chúc sắc Hội Thánh đã đi đến một giai đoạn mới, là giai đoạn thực hành giáo lý Đại Đạo. Thật vậy, Giáo Lý đã được Cơ Quan Phát Thanh phổ truyền sâu rộng từ quốc nội đến hải ngoại mà tiếng nói đó là tiếng nói của Hội Thánh. Lẽ dĩ nhiên là Chúc sắc Hội Thánh phải tích cực thi hành theo giáo lý trước khi phổ biến nó đi khắp nơi để giáo hoá tín hữu và truyền bá Đạo Trời. Nếu tất cả Chúc sắc trọn tòng giáo lý và tu tâm luyện tánh và xử kỷ tiếp vật, nhơn sanh trong cửa Đạo được hưởng hoàn toàn hạnh phúc và vùng Thánh Địa này là

một cõi thiên đàng tại thế vậy”.

8. LỄ KHAI GIẢNG KHOÁ HUẤN LUYỆN CHỨC VIỆC BAN TRỊ SỰ

Trong Đạo Cao Đài Hội Thánh Cửu Trùng Đài có hai tầng: Hội Thánh anh gồm chức sắc từ Lễ sanh trở lên. Hội Thánh em gồm chức việc Ban Trị Sự. Đây là hạ tầng của cơ sở quan trọng của Đạo. Trải qua nhiều biến cố, hàng chức sắc bị khảo đảo, bị lưu đày. Ban Trị Sự một lòng trung thành bám trụ giữ Đạo hữu. Họ là những người bình dân tôn thờ Đức Chí Tôn, Phật Mẫu, họ vững tin rằng: *“tại người làm sai chớ Đạo không sai”.*

Ngày mồng 4 tháng 6 năm Canh Tuất (dl. 8-7-1970) Đức Cao Thượng Sanh đến dự lễ khai giảng khoá huấn luyện chức việc Ban Trị Sự Châu Thành Thánh Địa tại Hạnh Đường và ban huấn từ như sau:

“Hội Thánh hằng để ý chăm nom diu dắt quý vị, Chức sắc giảng viên không nài khó nhọc ra công chỉ dẫn, dạy dỗ đàn em cho đủ tài, đủ hạnh hầu phục vụ đắc lực nhưn sanh trên đường tu hành thì quý vị nên gắng lo trau giồi trí thức cho được minh mẫn sáng suốt để ngày sau có thể lập vị xứng đáng cho mình trong cửa Đại Đạo.

Thiết tưởng dầu trong giới nào, từ cổ chí kim ai cũng lấy sự học tập làm phương pháp đào tạo nhân tài, nhứt là trong các tôn giáo, sự học hỏi lại càng cần thiết cho người tu sĩ do câu: “Tự giác nhi giác tha”. Phải đủ sáng suốt mới có thể diu đường cho kẻ khác, nếu mình không sáng suốt hoặc thông hiểu một cách mù mờ, tức nhiên tránh không khỏi sự lạc đường sai hướng và trên bước lầm lạc của mình, mình sẽ kéo theo cả một đoàn người do mình làm hướng đạo.

Đức Chí Tôn có dạy: “Dầu làm Vua, làm Thầy, làm

Công nghệ, làm Đạo sĩ cũng cần phải có cái chí lớn mới thành tựu đặng

Chúng ta nên quan niệm rằng trước khi lập chí, chúng ta cần phải lo học hỏi để trở nên sáng suốt tức là đem cái trí não ra khỏi vòng mê tối vậy.

Hội Thánh hằng để tâm lo lắng, muốn cho quý vị trở nên những nhơn vật xứng đáng đối với mặt Đạo cũng như mặt Đời, vì quý vị là những cộng sự viên căn yếu của Hội Thánh, đại diện cho Hội Thánh nơi địa phận mình trấn nhậm, tuy ở vào địa vị hạ cấp của guồng máy Hành Chánh Đạo, nhưng quý vị có nhiệm vụ trọng yếu không kém gì các Chức sắc cao cấp của Hội Thánh. Hơn nữa, quý vị là những người thân cận hằng ngày với tín đồ, hoà mình với nhơn sanh chia vui sốt nhọc với Bốn Đạo trong mọi trường hợp thì quý vị chẳng nên khinh thường cái trách vụ cao đẹp của mình.

Cũng như ngoài mặt Đời, nền tảng chính trị của quốc gia ở ấp, xã, trong Đạo Cao Đài nền tảng Hành Chánh Đạo ở nơi ấp và Hương Đạo, rồi kế đến Tộc Đạo hay là Phận Đạo.

Mặc dù ở vào hạ tầng cơ sở, nhưng nếu trong ấp hoặc Hương Đạo có điều xáo trộn trên dưới thiếu sự điều hoà, tín hữu có điều bất mãn, nhơn tâm ly tán, mất hẳn tình đoàn kết tương thân thì ở nơi cấp trên Hội Thánh cũng chịu ảnh hưởng không ít hay khó giữ uy tín đối với mặt Đời và Bốn Đạo.

Bởi thế đem thắng lợi về vang về cho Đạo hay làm cho Đạo thất bại, mang tai tiếng cũng đều do nơi hành vi của quý vị.

Đã mang danh là Hội Thánh em, quý vị nên thận trọng giữ gìn tư cách đứng đắn, làm cho người đời kính nể, người Đạo tin cậy, đối đãi với toàn thể tín hữu nơi địa phận mình như tình huynh đệ trong gia đình, đem tình thương chan rưới khắp cả Bốn Đạo, giúp đỡ, nương nhờ lẫn nhau, thực hành

câu “*Nhứt gia hữu sự bá gia ưu*”.

Được như vậy dù cuộc đời chua cay bi đát đến mức nào, quý vị cũng không đến nỗi lâm vào cảnh khó khăn nan giải.

Điều cần nhứt là phải trọn hiếu với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ, giữ trọn trung thành với Hội Thánh, ngoài ra gắng công học hỏi, noi gương Thánh trước Hiền xưa mà rèn luyện đức tốt tánh lành. Tiền tài, châu báu có nhiều giá trị ở đời, nhưng đức tốt tánh lành có giá trị hơn nữa, tiền tài châu báu có thể bị chúng cướp giựt chớ đức tốt tánh lành không thể nào mất được và khi xác thân ta trở về với cát bụi, những đức tốt tánh lành sẽ theo Linh hồn ta để nâng cao địa vị ta nơi cõi Thiêng liêng, Đức Chí Tôn có cho bài thi dạy rằng:

Được vàng chớ khá gọi là may
Vàng hết tội kia chất dẫy đầy
Bỏ đức bỏ nhân bao kiếp đọa
Khuyên con giữ Đạo đến cùng Thầy

Phân biệt được lẽ cao thấp giữa tinh thần và vật chất, quý vị nên quý trọng cái thiên chức ấy.

Muốn làm tròn thiên chức ấy, quý vị nên thực thi mấy điều sau đây;

1. Thực hành trọn vẹn **Tứ Đại Điều Qui** ấn định nơi Chương V Tân Luật.
2. Phải giữ dạ vô tư mà cư xử với Bốn Đạo, không vì ai giàu mà trọng đãi, ai nghèo mà khinh khi.
3. Chỉ thi hành những việc do Hội Thánh ra lệnh bằng văn kiện chính thức, không nên chia phe phân nhóm làm mất sự đoàn kết thân mật trong Bốn Đạo và gây sự khó khăn cho Hội Thánh.
4. Nếu có điều khó khăn không giải quyết được phải thỉnh giáo bề trên, không nên phán định sơ suất.

5. Trong trường hợp nào cũng phải giữ uy tín của mình và nâng cao uy quyền của Hội Thánh.

Nếu quý vị tuân hành đúng theo lẽ lối ghi trên đây, tôi tin chắc quý vị sẽ thành công mỹ mãn và sẽ được người Đạo cũng như người Đời kính phục”.

CHƯƠNG IX SỨ MẠNG LÀM XONG

1. Bữa tiệc cuối cùng
2. Hội Thánh báo tang
3. Đức Thượng Sanh giảng cơ
4. Tuyên dương công nghiệp Đức Thượng Sanh
5. Âm hưởng nhạc lễ Cao Đài

1. BỮA TIỆC CUỐI CÙNG

Ngày 18-1-Tân Hợi (13-2-1971), tại Hạnh Đường (đối diện với Giáo Tông Đường), Hội Thánh đãi tiệc chư Chức sắc, Chưc việc và nhơn viên công quả. Đức Thượng Sanh đến dự và ban huấn từ:

“Năm Canh Tuất chấm dứt, gieo cho dân tộc Việt Nam biết bao nhiêu thảm hoạ đau buồn...”

Trong khi chào Xuân mới, người đạo Cao Đài hy vọng và cầu nguyện Đức Chí Tôn mở lượng từ bi xoay trở thế cuộc, ban ân huệ cho dân tộc Việt Thường chóng thoát nạn chiến tranh, sớm vui hưởng đời thanh bình vĩnh cửu. Được vậy, người sứ mạng thể thiên hành hoá mới có cơ tận tâm lo diu dắt nhơn sanh trên đường giải thoát.

Trong buổi tiệc uỷ lạo này, sự hiện diện đông đủ toàn thể Chưc sắc cao cấp và nhơn viên công quả, chứng tỏ mối dây thân ái đã thắt chặt tình huynh đệ thiêng liêng giữa con cái Đức Chí Tôn. Hôm nay, đoàn tụ trong bầu êm ấm vui tươi dưới mái gia đình Đại Đạo. Sự đoàn kết chặt chẽ này tiêu biểu một sức mạnh phi thường có thể dời non lấp biển. Nếu những quả tim của tất cả bạn Đạo đều cùng đập một nhịp yêu thương và cương quyết làm tròn nhiệm vụ. Chúng ta cố gắng giữ gìn cái

sức mạnh tinh thần đó còn nguyên vẹn mãi mãi, để làm nền tảng kiên cố cho cơ quan phổ độ trường tồn đến thất ức niên...

Phần đông chức sắc có đức tin vững chắc, có quan niệm rõ rệt về sứ mạng thiêng liêng của mình nên nhứt quyết không để cho ai chi phối. Mặc dầu giọng kèn tiếng huyên vận luôn to nhỏ bên tai để chức lời cuốn theo đường bất hảo...

Hội Thánh quyết giữ vững lập trường tôn giáo thuần túy, không ra ngoài phạm vi đạo đức, vượt mình lên cao hơn những nghị luận của thế gian, nên phải vướng vào cuộc phiêu lưu chính trị. Nhờ vậy thanh danh Toà Thánh Tây Ninh được nâng cao. Hội Thánh nắm vững những luật pháp chơn truyền điều khiển bước đạo được điều hoà êm ấm...

Được nuôi dưỡng trong tình thương Đức Chí Tôn, Chức sắc Thiên phong là bậc Thánh Hiền trong cửa Đạo. Hễ muốn làm bậc Thánh Hiền thì phải có chức sắc thanh cao, tánh tình phong nhã, phải trau dồi tâm trí cho bậc phi thường, bậc phi thường không sân, si, hỷ, nộ như kẻ phàm phu, phải đi ngược với thế tình, tức là trọng tinh thần khinh vật chất, ham hơn nghĩa, lánh tà vạy, bỏ thói kiêu sa, bỏ lòng tự ái. Đó là giữ đúng đức siêu nhiên của một phần tử trong hàng Thánh Thể Đức Chí Tôn....

Chúng ta phải đồng tâm nhất trí tiếp lực giữ thanh danh của Toà Thánh Tây Ninh, uy quyền của Hội Thánh và nhân cách phi phàm của người tu thì gặp bao nhiêu khó khăn cũng sẽ lướt qua để xây dựng cho nên Đại Đạo một tương lai xán lạn và tươi đẹp hơn»

■ (TT 22, ra ngày 20-2-1971)

... Đây coi như bản di ngôn dài nhứt (trên chỉ lược trích) của Đức Thượng Sanh, nói lên tâm huyết về lập trường cố hữu của ngài là phi chính trị, thuần đạo đức. Đâu ai ngờ

buổi tiệc niên này là buổi họp mặt cuối cùng của ngài với chức sắc, công thợ và tín đồ.

2. HỘI THÁNH BÁO TANG

Ngày 27 tháng 3 Tân Hợi (DL. 22-4-1971) Hội Thánh báo tang như sau:

“Hội Thánh lấy làm cảm xúc thông tri cho toàn thể Chức sắc, Chức việc và đạo hữu nam nữ trong toàn quốc hay tin buồn: Đức Thượng Sanh Chủồng Quản Hiệp Thiên Đài vừa quy thiên hồi 17 giờ ngày 26 tháng 3 Tân Hợi, liên đài quản tại Giáo Tông Đường Toà Thánh. Lễ tang sẽ cử hành trong 9 ngày theo chương trình ấn định kể từ ngày 27 tháng 3 Tân Hợi cho đến ngày 6 tháng 4 Tân Hợi (30 tháng 4 năm 1971) sẽ nhập Bửu Tháp.

Đây là tang chung cho Hội Thánh và toàn Đạo. để tỏ lòng tri ân ái kính vô biên, nồng nàn mến tiếc Đức Thượng Sanh, một bậc tiên bối đại ân nhân đã dày công khai sáng nền Đại Đạo, để tạo hạnh phúc cho nhơn sanh, trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ.

*Hội Thánh quyết định cho tất cả Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu cùng các văn phòng của Đạo tại địa phương cũng như tại Toà Thánh và các tư gia tín hữu nơi Châu Thành Thánh Địa phải treo Đạo kỳ rũ. Toàn Đạo nên chay lạc tịnh tâm «**Di Lạc Chơn Kinh**» suốt trong những ngày Thánh lễ để cầu nguyện Ôn Trên, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho Chơn Linh Đức Ngài được cao thăng Thiên vị».*

HỘI THÁNH

Sau khi đài phát thanh Sài Gòn phát tin “Cáo phó” nêu trên loan khắp miền Nam, ở các Châu Tộc Đạo, chức sắc,

đạo hữu lũ lượt đi về Toà Thánh Tây Ninh thọ tang Đức Cao Thượng Sanh. Ai không về được thì tổ chức thọ tang tại chỗ. Từ miền Trung đến miền Nam đều tổ chức thọ tang trọng thể. Chính quyền địa phương đến điều tang. Đặc biệt nhất là tại Tỉnh Thừa Thiên, phái đoàn của Bà Từ Cung đã đến Thánh Thất sở quan, hiến lễ một mâm quả phẩm và số tiền mặt hai nghìn đồng (rất lớn đối với thời bấy giờ) (TT 31, ra ngày 27-7-1971, tr.17. Bà Từ Cung được thăng Phối sư)

Đây là đám tang lớn nhất từ trước đến nay không phải vì số ngày lễ lâu (vì theo nghi lễ, Chúc sắc cùng phẩm thì cùng số ngày tang) mà to lớn vì số người tham dự rất đông. Đến nỗi phóng viên báo DÂN MỚI cho đây là một “Quốc tang” (Dân Mới số 58, ngày 5-5-1971). Uy tín Đạo thực sự đã được nâng cao hơn bao giờ hết.

Đám tang Đức Cao Thượng Sanh còn là dịp cho các nhà lãnh đạo miền Nam hoà thuận. Trong ngày liên đài nhập Bửu Tháp, ta thấy tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, tướng Dương Văn Minh, tướng Nguyễn Cao Kỳ... họ im lặng đi bên nhau. Thường ngày họ vốn là đối nghịch nhau.

Các chính khách, các thân hữu với Toà Thánh đều có mặt đông đủ. Đây cũng là dịp cho những ai lầm lỗi với Đạo, với Đức Hộ Pháp, quay về. Ta không lấy làm lạ khi thấy những bộ mặt bờ ngõ vì lầm lỗi cũng âm thầm đưa đám như tướng Nguyễn Thành Phương, tướng Nguyễn Văn Thành v.v... Họ đeo băng tang để tỏ lòng ăn năn hối tiếc.

3. ĐỨC CAO THƯỢNG SANH GIÁNG CƠ

Ngày hôm sau qui Thiên, Đức Cao Thượng Sanh giáng cơ tại Cung Đạo Đền Thánh lúc 20 giờ đêm 27 tháng 3 năm Tân Hợi.

THƯỢNG SANH

Chào mừng chư Chức sắc Thiên phong.

Chư đạo hữu nam nữ

Bần Đạo lấy làm vui sướng được thoát nơi phiền lụy cái kiếp sanh con người, chỉ có giải thoát là quý hơn hết.

Hôm nay, Bần Đạo đến thoả mãn sự yêu cầu của quý vị, Bần Đạo không có gì hay hơn là bài thi đã cho lúc Bần Đạo tái thủ phạm sự, nhưng xin sửa hai câu đầu như vậy:

*Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tẩm trung kiên*

Kỳ dư đều để y như cũ.

Bần Đạo còn rất nhiều Đạo sự, không tiện ở lâu, xin kiếu.

THĂNG.

Bài thơ mà Đức ngài làm vào tháng 7-1970 hai câu đầu đề như thế này:

*Hội Thánh mời giao nắm Đạo quyền
Mười ba năm một dạ trung kiên*

Rõ ràng Đức Ngài biết mình chỉ giúp Đạo hơn 13 năm mà thôi. Và bài thơ trọn vẹn để dâng hiến lễ Ngài hàng năm là:

*Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tẩm trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm nơi bậc Thánh hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ
Đức ân dụng phép tạo nhưn duyên,
Những mong huệ trạch Trên nhuần gội,
SỬ MẠNG LÀM XONG giữ trọn nguyên.*

Kể từ ngày mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (1926)

Đức Chí Tôn đã nhận 12 đệ tử đầu tiên của Đạo Cao Đài (*Xin xem “12 đệ tử đầu tiên của Đạo Cao Đài” cùng người viết. Đức Thượng Sanh xác nhận: “Qua được điểm Đạo vô vi”*), thì giai đoạn đầu đó do Đức Ngô Minh Chiêu điều dẫn. Từ ngày khai Đạo (18.11.1926), cơ phổ độ do Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Sanh (1957–1971) lãnh đạo. Tất cả là 5 vị (số 5 là số tham thiên lưỡng địa), nên Đạo tính vừa đủ 45 năm gồm 9 số mà tổng số từ 1 đến 9 ($1+2+3+4+5+6+7+8+9$) là 45. Mồng 9 lại là ngày Vía Đức Chí Tôn (*Pythagore viết: “Neuf est le Nombre parfait en tant que carré le trois qu’est le trinité de l’harmonie complète” (Chín là số hoàn hảo, là bình phương của ba, tam hợp hài hoà trọn vẹn)*). Theo Kinh Dịch số 9 là số Lão Dương về Tây, thời các Thánh Thần (*règne du Saint Esprit*) trị vì đã chấm dứt. Khoa tượng số học Tây phương cũng nói về sự huyền bí của con số chín trong cái chết của Jésus Christ:...” *Notons également qu’après sa résurrection le Christ apparut 9 fois aux disciples et aux apôtres*”), đem nhân 9 với số 5 (5 vị Cao đồ tiền khai Đại Đạo), (9×5) vẫn là 45. Điều ấy có huyền diệu gì không?

Thế thường mỗi khi có Hà Lạc xuất hiện thì có Thánh nhân ra đời. Khi không thấy Hà Đồ xuất hiện. Đức Khổng Tử than: “*Phượng điểu bất chi, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hỉ phủ*” (Chim Phượng không tới, bức đồ chẳng hiện trên sông Hà, ta hết hy vọng rồi). May thay! Kỳ ba phổ độ này ta thấy Long mã tải Trung Thiên Bát Quái (*Xin xem “Ngôi thờ Đức Chí Tôn”, cùng người viết.*) trên có Lạc Thiên Thư xuất hiện là điềm lành cho toàn thể nhân loại (*Trên tay Đức Lý cầm quyển Thiên thư, Đức Hộ Pháp gọi “Thiên Thư” là “Thánh ngôn” đó. (TĐ ngày 6–8–Tân Mão - 1951)*)

Thời khai nguyên Đại Đạo, theo Dịch lý là thời Thái

Dương gồm 5 vị:

1. NGÔ MINH CHIÊU: (từ tháng 2 đến tháng 11-1926) điều dẫn 9 tháng. Số 9 là số Cửu Trù (hay Cửu Thiên Khai Hoá) của Hà Đồ. Số 9 là số đặc biệt của Chí Tôn.
2. CAO QUỲNH CƯ: (1926-1929) xây dựng nghiệp Đạo 4 năm là số Tứ Tượng trong Kinh Dịch hay Tứ Thời (Ngọ, Dậu, Tý, Mẹo trong bốn thời dâng lễ Đức Chí Tôn).
3. LÊ VĂN TRUNG: (1929-1934) chưởng quản Đạo sự trong 5 năm, số 5 là số Tham Thiên [3], Lương Địa[2].
4. PHẠM CÔNG TẮC: (1935-1956) 21 năm trừ gần 1 năm an trí Di Linh, Sơn La và 5 năm hơn bị đày ở Madagascar còn lại 15 năm. số 15 là số sinh thành của Hà Đồ. “Số Trời 5 hợp cùng số Đất 10 ở Trung ương mà sinh Thổ” (Thiên ngũ dữ Địa thập hợp ư Trung nhi sinh Thổ. PHƯƠNG DỤC TÔN, Tung Sơn độc châu Dịch lý quyển 1, trang 3) tức là 15.
5. CAO HOÀI SANG: (1957-1971) cầm quyền Đạo trong 14 năm (hay hơn 13 năm cũng vậy) báo hiệu cho thời Thái Dương của các Cao Đồi chấm dứt (12 giờ trưa là cực dương của Thái dương tính theo Tứ thời), bước sang 13 hay 14 giờ là bắt đầu thời Thiếu âm (vì cực dương sinh âm) của Thập Nhị Thời Quân mà khởi đầu là Thời Quân Hiến Pháp.

Đức Cao Thượng Sanh thay mặt các vị Cao đồ chấm dứt thời khai nguyên Đại Đạo bằng câu:

“SỬ MẠNG LÀM XONG giữ trọn nguyên”

4. TUYÊN DƯƠNG CÔNG NGHIỆP ĐỨC CAO THƯỢNG SANH

Có rất nhiều điều văn tuyên dương đời hành Đạo của

Đức Thượng Sanh. Ta có thể kể: Điều văn của Hội Thánh Cửu Trùng Đài Nam phái, điều văn của Hội Thánh Cửu Trùng Đài nữ phái, điều văn của Hội Thánh Phước Thiện, điều văn của Hội Thánh Hàm Phong và các ban bộ...

Điều văn của các tôn giáo bạn có: văn tế của Minh Thiện Đạo, Điều Trì Phái (Sài gòn), Giáo Hội Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.. v.v...

Dưới đây là bản tuyên dương công nghiệp của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài:

“Nhơn cuộc lễ này, tôi (Trương Hiến Pháp) xin tuyên dương công nghiệp của Đức Cao Thượng Sanh về cả hai phương diện Đạo lẫn Đời.

***Về mặt Đời:** Nói đến ông ai ai trong giới công chức và đồng bào tại thủ đô đều hiểu rõ thanh danh của ông là một công chức đứng mực thanh liêm (Xem thêm “Thượng Sanh Cao Hoài Sang” cùng người viết)*

*Là một chí sĩ thương dân, yêu nước, ông thường giao du với hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công tặc. Cả 3 ông là nhạc sĩ lừng danh trong giới âm nhạc tại thủ đô Sài gòn. Hai ông Cư và Sang được coi như các bậc thầy. Sau khi ông Cư đăng tiên, ông Sang được coi như bậc “**Hậu Tổ**”. Ban Âm Nhạc Đạo Cao Đài đã nhờ Ngài chấn chỉnh rành mạch thêm... Mất Đức Ngài, giới âm nhạc trong toàn quốc nói chung và trong Đạo Cao Đài nói riêng, đã mất một nhạc sư cự phách. Đáng tiếc thay.*

***Về mặt Đạo:** Ngày rằm tháng 3 Bính Dần ông Cao Hoài Sang đặc phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm. Từ đây, về mặt hữu hình chương quản tối cao của Hội Thánh H. T. Đ không còn nữa.*

Từ khi trở về tái thủ phận sự nơi Toà Thánh Đức Thượng

Sanh đã tìm đủ mọi phương pháp để đem lại sự điều hoà trong của Đạo, để toàn Đạo được hưởng thái bình hạnh phúc.

Những tưởng Đức Ngài đến với sứ mạng Thiêng liêng để hoàn thành cơ nghiệp Đạo, thì chắc Ngài phải được sống lâu với Bốn Đạo để tồn tại với Đại nghiệp Đạo đến cùng. Nào ngờ đâu, ta muốn vậy, mà Trời đâu cho vậy.

Đã đành rằng chúng ta phải thương tiếc một Đấng lãnh tụ anh minh như Đức Thượng Sanh. Thương tiếc bao nhiêu thì phải noi gương của Đức Ngài bấy nhiêu để gặt hái được một phần công quả hữu ích cho Đạo và chúng sanh nhờ! Đó là sự đền đáp công ơn của bậc tiền bối đã dày công xây dựng, lưu lại một sự nghiệp vĩ đại cho chúng ta thừa hưởng.

Vậy chúng ta hãy đứng lên và đồng tâm hiệp lực tiếp tục xây đắp nền Đạo cao thêm mãi để khỏi phụ ơn của tiền nhân chúng ta...»

■ (Tuần báo Dân mới số 58, 1971)

Để bổ sung cho phần công nghiệp Đời ở trên, chúng tôi xin trích lời cảm tưởng của ông Nguyễn Văn Thịnh, Giám đốc Trường quốc gia Âm Nhạc Sài Gòn, đọc trước khi hoà tấu cổ nhạc hiến lễ tại Cửu Trùng Thiên, nhân ngày Đại tưởng của Đức Cao Thượng Sanh lúc 20 giờ ngày 15 tháng 10 Nhâm Tý (DL. 20-11-1972) nơi Đại Đồng xã.

“Đại diện nhóm thân hữu và tài tử quốc nhạc cổ truyền Đô Thành đến kính bái phủ phục nơi tôn nghiêm uy nghi này nhân lễ Đại Tưởng. Tôi tự nhận là một vinh hạnh tột bậc trong đời tôi.

Vinh hạnh nhờ được hầu hết anh em lớn nhỏ trong giới tài tử tri ân đặt trọn lòng tin tưởng nơi tôi để nói lên nỗi lòng chơn thành của mình, của giới tài tử tri âm đối với Đức Thượng Sanh, người đã có công rất lớn với ngành mỹ thuật cổ

truyền nước nhà.

Nhờ Đức Ngài khuyến khích, và chẳng nệ công khó nhọc sáng tác để phổ biến truyền bá trong đại chúng hâm mộ cổ nhạc. Những ca phẩm đặc sắc về phương diện văn chương, nên đã cứu vãn và quân bình được một tình thế suy kém gần sụp đổ của nền nhạc cổ truyền trước sức lấn áp ồ ạt lôi cuốn của một loại nhạc ngoại lai.

Thật vậy, nếu Đức Ngài đã chẳng quan tâm lưu ý đến tiền đồ quốc nhạc thì chỉ trong vòng đời ba mươi năm là cùng, môn mỹ thuật ca nhạc điệu thính phòng thuần túy Việt Nam của giới tài tử chắc chắn sẽ biến mất trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam.

Do vậy, để cụ thể hoá lòng tri âm đó và với trọng tâm nêu cao thiên tánh cùng công trình xây dựng trong quá khứ của Đức Thượng Sanh là bậc nhơn tài của đất nước, bậc hiền sĩ ôn hoà thuần chính. Đức cao trọng vọng hiếm có, một đồng môn phái cùng Đức Ngài và được duyên giao hảo hạnh ngộ với Đức Ngài trên 40 năm, đã soạn lời phổ vào nhạc phẩm Ngũ đối hạ. Nội dung bài ca gồm 5 đoạn gọi là Ngũ đối liên tiếp và tuân tự điều đạt sự trạng: Kim bằng, tri âm, tao nhơn, gia đình, đạo đức liên quan đến Đức Ngài, sẽ được tấu trình hiến dâng lễ nhạc. Thân hữu cũng xin trình bày kế tiếp bản Ngũ đối ai để tưởng niệm Đức Thượng Sanh.

Phần chót lễ vọng bái Đức Thượng Sanh được hoàn tất bằng một lớp diễn xuất ca nhạc kịch phỏng soạn nhờ cảm hứng bài ca Văn Thiên Tường tựa “**Hạng Võ biệt Ngu Cơ**” của Đức Ngài sáng tác từ lâu”.

■ (TT số 65 ra ngày 30-11-1972, tr.9-10)

THẬP NHỊ BẢO QUÂN & PHỤ TRANG

1. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP THẬP NHỊ BẢO QUÂN

1/ Thập Nhị Bảo Quân:

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, hiện đại nên cơ chế tổ chức có đủ các ban khảo cứu về các ngành để thích ứng với thời đại văn minh.

Vì lẽ đó, trong Tân Luật Pháp Chánh Truyền (Paris Gasnier 1952, trang 99) có ghi: “*Ngoài ra Pháp Chánh Truyền dưới quyền Hộ PHáp thì còn Bảo Văn Pháp Quân (Arts et Belles Lettres) trước Thầy phong đồ làm Tiếp Lễ Nhạc Quân, nay đã vào chánh vị đăng chính đồn lễ nhạc lại cho hoàn toàn.*

Bảo Sanh Quân (Assistance publique) Thầy đang phong đồ làm Tiếp Y Quân đăng tới ngày thành Đạo.

Bảo Học Quân (Enseignement) và nhiều chức sắc khác nữa Thầy chưa lập”.

“À part ces Grands dignitaires dont les attributions sont déterminés par le Maître suprême, il existe d’autre member du Hiep Thien Dai qui sont placés sous l’autorité du Ho Phap, tels que le conservateur des Arts et Belles Lettres, le protecteur de l’Assistance publique, le protecteur de l’Enseignement et d’autres académiciens dont Ho Phap attend encore la venue” (Constitution Religieuse du Caodaisme, Paris, Dervy 1953, page 146)

Trong khoá Hạnh Đường năm Nhâm Tý (1972) huấn luyện giáo hữu, bài số 05/Luật pháp do Đại huynh Chương Ấn giảng, xác định Thập Nhị Bảo Quân (Les douze Académiciens techniques) tức Hàn Lâm Viện Cao Đài gồm 12 chức phẩm:

1. **BẢO SANH QUÂN:** coi việc cứu tế, từ thiện, tương tế

2. **BẢO CÔ QUÂN:** bảo vệ người cô thế, cô nhi, quả phụ, tàn tật
3. **BẢO VĂN PHÁP QUÂN:** coi về văn hoá nghệ thuật
4. **BẢO HỌC QUÂN:** coi về học thuật
5. **BẢO Y QUÂN:** coi về y tế xã hội
6. **BẢO HUYỀN LINH QUÂN:** hướng dẫn thiên định tu chơn
7. **BẢO THIÊN VĂN QUÂN:** coi về vũ trụ học, lịch đạo
8. **BẢO ĐỊA LÝ QUÂN:** coi về phong thủy, địa chất
9. **BẢO SĨ QUÂN:** coi về kẻ sĩ, trí thức, nhân sĩ
10. **BẢO NÔNG QUÂN:** coi về nông nghiệp
11. **BẢO CÔNG QUÂN:** coi về hoạt động công ích, kỹ thuật, khoa học
12. **BẢO THƯƠNG QUÂN:** coi về kinh tế, xã hội

2/ Hội Đồng Bảo Quân:

Vào tháng 10 năm 1935, Đức Hộ Pháp ra lệnh cho Bảo Cô Quân lập bản Điều lệ của Hội Đồng Bảo Quân.

Điều 1: Nay thành lập tại Toà Thánh Tây Ninh một Hội Đồng Bảo Quân (hay Hàn Lâm Viện Cao Đài) trực thuộc chi thế Hiệp Thiên Đài.

Điều 2: Hội Đồng Bảo Quân có chức năng:

1. Sưu tầm và thu thập tất cả những sự kiện có liên quan đến Đạo Cao Đài
2. Chăm sóc, bảo tồn và bảo tàng các di tích đạo sử bảo vệ các văn bia, sách cổ.
3. Truyền đạt cho chúng sanh các kiến thức về khoa học hiện đại bằng khảo cứu, bằng dịch thuật hay tóm tắt các sách hữu dụng của Âu Tây.
4. Tạo lập các thư viện tại Toà Thánh và ở các châu tộc đạo

5. Biên soạn chuyên san về các đề tài khoa học, văn học, mỹ thuật có liên quan đến Đạo Cao Đài
6. Giao lưu với tất cả các hội trí thức trong nước cũng như trên thế giới để tiếp cận với các tri thức mới

Điều 3: Hội Đồng Bảo Quân gồm 12 người do cơ bút phong và được Hội Thánh ban hành đạo lệnh đối phẩm với Phối Sư bên CTĐ hoặc:

1. Những trí thức có bằng tiến sĩ, còn thạc sĩ có công trình nghiên cứu được công nhận và qua cuộc bỏ thăm của các Bảo Quân hoặc các Phối Sư.
2. Các vị Phối Sư hoặc phẩm tương đương có thể ứng cử làm Bảo Quân nhưng phải qua cuộc bỏ thăm của các Bảo Quân hoặc các Phối Sư tại chức và được Hội Thánh ban hành Đạo lệnh chấp thuận.

Điều 4: Tất cả các Bảo Quân đều mặc Đạo phục Hiệp Thiên Đài vì thuộc chi thể Hiệp Thiên Đài và đồng quyền nhau.

Điều 5: Trong các văn bản khảo cứu, cấm không được bàn đến chính trị, thảo luận đả kích Chính phủ hoặc đời tư công dân.

TN tháng 10-1935

Bảo Cô Quân Đ. V. Giáo

Việc phong Bảo Quân gặp nhiều khó khăn, thế nên 15-12 Đinh Hợi (25-1-1948) Đức Hộ Pháp ký Thánh lệnh thành lập Khảo cứu vụ để nghiên cứu về giáo lý triết lý, đạo pháp và hệ thống hoá tư tưởng CĐ.

Điều kiện tham dự thành viên dễ dàng nên Khảo cứu vụ thu hút được nhiều thành phần ưu tú trong Đạo và tồn tại lâu dài.

2. ĐẠO PHỤC VÀ SẮC PHONG

1/ Đạo phục:

Trong Pháp Chánh Truyền chú giải đã ghi rõ Đạo phục của Bảo Văn Pháp Quân như sau:

Bộ Đại phục của Bảo Văn Pháp Quân toàn bằng hàng trắng đầu đội mũt nguyệt mao như các chức sắc Hiệp Thiên Đài song hai bên ngay chính giữa có kết một bông sen năm cánh. Trên mỗi bông sen thêu Thiên Nhãn Thấy. Ngay đường giữa mao cũng kết một bông sen nhưng khỏi thêu Thiên Nhãn. Cả thấy là ba bông sen trên mao.

Lưng đai Bạch Tuyết Thân Quân bằng hàng trắng bề dài ba thước, ba tấc, ba phân; bề ngắn ba tấc, ba phân, ba ly buộc mỗi chừa ra trước thế nào đủ thắt một bông sen năm cánh.

Chân đi giày vô ưu cũng bằng hàng trắng, trước mũi mỗi chiếc cũng có một bông sen nhỏ hơn một thí.

Chỉ có Bảo Văn Pháp Quân qui vị tại Toà Thánh nên xác được quần trong liên đài và xây tháp thấp hơn Thời Quân ba tấc.

Bộ đại phục của Bảo Sanh Quân toàn bằng hàng trắng. Đầu đội mũt nguyệt mao giống như các chức sắc Hiệp Thiên Đài. Ngay giữa mao từ bì lên bốn phân thêu một Thiên Nhãn, hai bên mao thêu hai Thiên Nhãn nữa, cả thấy là ba. Vòng theo vành mao cột một sợi dây Tiên Thằng, bề ngang tám phân, bề dài hai thước, buộc thế nào chừa Thiên Nhãn ngay giữa mao ra, cho hai mỗi thòng xuống hai bên vai.

Lưng đai song quang Thân Thông, nghĩa là một đường lụa trắng, kết hai bên hông hai vòng vô vi.

Chân đi giày vô ưu cũng bằng hàng trắng.

Trên đây là hai đại phục tiêu biểu, 10 vị Bảo Quân còn

lại, vị nào thuộc nhóm khoa học xã hội thì mặc sắc phục theo Bảo Văn Pháp Quân, vị nào thuộc nhóm khoa học tự nhiên thì mặc sắc phục theo Bảo Sanh Quân.

Tuy nhiên theo đàn đêm 15-11-Tân Hợi (1-1-1972) thì tiểu phục của các Bảo Quân sửa lại chỉ còn một Thiên Nhân như Hộ Đàn Pháp Quân và thuộc chi thể Hiệp Thiên Đài.

2/ Sắc phong:

Thập Nhị Bảo Quân tổ chức chuyên môn nhiều khác biệt nên việc sắc phong cũng không đồng loạt như Thập Nhị Thời Quân mà tùy thời, tùy hoàn cảnh cứ mỗi đợt 3 vị.

Năm 1930 sắc phong đợt 1 gồm có:

1. Văn sĩ Cao Quỳnh Diêu đặc phong Bảo Văn Pháp Quân
2. Bác sĩ Lê Văn Hoạch đặc phong Bảo Sanh Quân
3. Luật sư Dương Văn Giáo đặc phong Bảo Cô Quân

Năm 1972 sắc phong đợt 2 gồm có:

1. Bác sĩ Trương Kế An đặc phong Bảo Y Quân
2. Luật sư Nguyễn Văn Lộc đặc phong Bảo Học Quân
3. Kỹ sư Đặng Văn Dần đặc phong Bảo Nông Quân.

Đàn tại Cung Đạo đêm rằm tháng 11 Tân Hợi, có đoạn viết:

* Ngài Hiến Đạo bạch: cầu xin Đức Ngài (Đức Hộ Pháp) chỉ giáo về việc đổi phẩm và Tiểu phục của chư vị Bảo Quân.

– Đổi phẩm Phối Sư

– Tiểu phục sửa lại còn một Thiên Nhân như Hộ Đàn.

* Ngài Hiến Đạo bạch: Xin Đức Ngài chỉ định chư vị Bảo Quân đứng cúng chỗ nào?

– Bảo Quân đứng hai bên tả hữu, dưới cấp bực (Thời

Quân) của Hiệp Thiên Đài, nếu như chỉ có một thì đứng bên Chi thế.

Đàn đêm mồng 4 tháng 7 Kỷ Dậu (16.8.1969) tại Giáo Tông Đường, Đức Hộ Pháp giảng cơ, Đức Thượng Sanh bạch:

– Hội Thánh Cửu Trùng Đài còn thiếu chức sắc cao cấp đầy đủ khả năng điều khiển nên guồng máy hành chánh Đạo không tiến triển khả quan.

– Đức Lý có thảo luận với Bản Đạo về việc tuyển chọn chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài thì nên tìm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến. Nếu được, Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn.

Đức Thượng Sanh bạch: *“Tiểu đệ và các bạn Hiệp Thiên Đài sẽ cố gắng thực hành theo lời chỉ giáo của Đức Ngài”* (Thế Đạo đặc san 1969, trang 12)

Để thực hiện Thánh giáo của Đức Hộ Pháp, ngày 29.9. Kỷ Dậu (8.11.1969) Đức Thượng Sanh gọi cho Ban Thế Đạo một Thánh thơ, trong đó có đoạn viết:

“Để áp dụng giải pháp nói trên, tôi xin hiến hữu (tức Cải Trang đặc cánh Ban Thế Đạo) nhân một phiên nhóm thường lệ của chức sắc Ban Thế Đạo, đem lời dạy của Đức Hộ Pháp đọc cho chư vị Hiền Tài nghe và nói Hội Thánh HTĐ muốn nâng đỡ những vị có thiện chí phục vụ cho Đạo vào hàng Thánh thể của Đức Chí Tôn. Nếu có những bạn muốn tình nguyện hiến thân xây dựng tương lai cho Đạo và lập vị cho mình thì xin ghi tên. Hiền hữu sẽ lập vi bằng phiên họp gửi lên cho tôi liệu định.

*Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp có lẽ Đức Lý Đại Tiên sẽ
tuỳ theo tài đức và khả năng của những vị tình nguyện phục
vụ mà ân phong từ phẩm Giáo hữu lên tới phẩm Phối Sư”*

■ (Thế Đạo, đặc san 1970, trang 4)

Sau Thánh thơ đó, Hiền tài tình nguyện hiến thân
phục vụ Đạo sự rất đông, có hai vị được ân phong Phối Sư.

Trong đó có 3 vị Hiền tài được 3 bài thi tứ tuyệt câu tại
Giáo Tông Đường đêm 17.10. Kỷ Dậu (26.11.1969)

Bài 1

*Bảo trọng thiên tâm đạt lý không
Huyền hư Thành giữ trọn trong lòng
Linh thiêng bốn giác diu sanh chúng
Quân ngộ tu chơn về cõi Bồng*

Bài 2

*Bảo sanh giữ vững mối chơn truyền
Công khó họa nên Tam Thánh hiền
Quân để đời sau noi bút tích
Lê Minh Tông đạt vị thiêng liêng*

Bài 3

*Bảo trọng sử cương Rạng chủ biên
Sĩ nhân tâm đạo hữu căn duyên
Quân năng trước tác danh lưu thế
Cung Đạo bái sư thọ sắc Thiên*

GTĐƯỜNG 17.10. KỶ DẬU

(26.11.1969)

3. VĂN TẾ ĐỨC CAO THƯỢNG SANH

Kính thưa Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước
Thiên

Kính chư chúc sắc chúc việc và toàn đạo nam nữ

Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang Chương Quản Hội Thánh Hiệp Thiên Đài Toà Thánh Tây Ninh đã qui Thiên hồi 17g ngày 26 tháng 2 Tân Hợi (21-4-1971) hưởng thọ 71 tuổi.

Tin buồn này làm chấn động cả các giới trong toàn quốc nói chung và toàn Đạo Cao Đài nói riêng.

Thánh thể của Đức Ngài đang quản tại Toà Thánh Tây Ninh chờ đến ngày mừng 6 tháng 4 Tân Hợi, nhằm 30.4.1971 DI sẽ cung nghinh Liên Đài kỳ Long Mã di chuyển theo lộ trình trong châu vi Toà Thánh và sau khi Đại diện các Hội Thánh đọc ai điều xong, lễ cung nghinh Liên Đài nhập Bửu Tháp sẽ cử hành y theo chương trình của Hội Thánh đã lập mà toàn Đạo đều hiểu biết.

Nhơn cuộc lễ này tôi xin tuyên dương công nghiệp của Đức Ngài về cả hai phương diện Đạo và Đời.

Về mặt Đời: ông Cao Hoài Sang (tên họ của Đức Ngài) sanh ngày mừng 1 tháng 9 năm 1900 (dl) tại Thái Bình (Tây Ninh) con của ông Cao Hoài Ân giúp việc Toà án và bà Nguyễn Thị Lự khi trưởng thành và thi đậu bằng Thành Chung trường Trung học Chasseloup Laubat. Ông đã vào giúp việc Sở Thương Chánh Saigon cho đến khi gặp Đạo.

Là một nhà Chí sĩ thương dân yêu nước. Ông thường giao du cùng các bạn đồng chí khác như: hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc chẳng hạn, cả ba ông lại là nhạc sĩ lừng danh trong giới âm nhạc tại Thủ đô Saigon. Hai ông Cư và Sang được coi như các bậc Thầy trong giờ này, sau khi ông Cư đăng tiên rồi thì ông Sang được coi như bậc “**Hậu Tổ**” Ban âm nhạc Đạo Cao Đài đã nhờ Đức Ngài chấn chỉnh rành mạch thêm, nhứt là trong điệu Cổ nhạc và Đức Ngài là nhà điều luyện rành nghề. Mất Đức Ngài giới Âm nhạc trong toàn quốc nói chung và trong Đạo Cao Đài nói riêng

đã mất một Nhạc sư cự phách, đáng tiếc thay!

Về mặt Đạo: Đến năm Ất Sửu (1925) là lúc phong trào Xây Bàn “*hay sai ma*” cũng vậy, đang thịnh hành tại Thủ đô Saigon. Ông hiệp cùng hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mỗi đêm đến chơi tại nhà ông Cao Quỳnh Cư tức Cao Thượng Phẩm để thoả mãn tính hiếu kỳ của mình bằng cách Xây bàn để tiếp xúc với những người khuất mặt ở Thế giới bên kia (hồn linh)!

Một đêm nọ vào lúc tháng 7 năm 1925 ông Cao Quỳnh Cư đến nhà ông Cao Hoài Sang chơi lại gặp lại ông Phạm Công Tắc cũng ở gần nhà. Ông Sang, ba ông mới hiệp nhau xây bàn chơi.

Bất ngờ cuộc chơi này hướng dẫn 3 ông đến chỗ lập được kỳ công trong việc khai sáng Đạo Trời, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chúng ta đang sùng bái đây

Đêm 24 tháng Chạp 1925 (dl) như dịp lễ Giáng sinh tại nhà ông Cao Quỳnh Cư có mặt cả 3 ông dự, Đức Chí Tôn giáng với danh hiệu A Ẵ A cho một bài thi như vậy:

*“Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên”*

Đức Chí Tôn dạy thêm:

“Đêm nay phải vui mừng vì chính ngày nay. Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe).

“Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy.

Nhà này sẽ đầy ơn Ta

Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta

Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính ta mến Ta hơn

nữa.”

Sau đó ít lâu, Đức Chí Tôn cho bài thi sau này lấy tên những người có mặt tại Đàn cơ, trong đó có tên ông Sang (tức Đức Thượng Sanh)

*Chiêu, Kỳ, Trung độ dẫn Hoài Sanh
Bản đạo khai Sang Quý Giảng thành
Hậu Đức Tắc Cư thiên địa cảnh
Hườn Minh Mân đảo thủ đài danh!*

12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 12 Môn đệ đầu tiên của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Sở dĩ phải xem đoạn Đạo sử này vào cuộc đời của Đức Thượng Sanh là vì ông còn đang giúp việc trong công sở nhà nước, phải mà ông vẫn nghe theo tiếng gọi thiêng liêng cứ mỗi đêm hiệp cùng các bạn Đạo đi chấp cơ truyền bá Đạo Trời ở khắp nơi mặc dù nhà cầm quyền Pháp rất để ý đến Đạo Cao Đài lúc sơ khởi.

Ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần, ông Cao Hoài Sang đắc phong Thượng Sanh một lượt với Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

Đêm 14 rằm Rằm tháng 3 năm Bính Dần (1926) sau khi lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Đức Chí Tôn giảng dạy như vậy:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền thiêng liêng mỗi Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn”.

“Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo lại qui phạm vì khi trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phạm giáo, nên Thầy rút định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao chánh giáo cho tay phạm nữa”.

Đức Thượng Sanh đã quy thiên, tuy đã trở về với ngôi vị cả nhưng Ngài đã gieo vào lòng mỗi tín hữu Cao Đài một niềm cảm xúc vô biên, luyến lưu một vị giáo lãnh tài ba, dẫn lối đưa đường cho sanh chúng, thương tiếc một bậc Thượng hiền đáng mến cho toàn thể nhân loại.

4. VĂN TẾ

(Của Ngài Đâu Sư Chưởng Quản Cửu Trùng Đài Nam Phái thay mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài đọc trước Liên đài Đức Thượng Sanh tại Bửu Tháp hồi ngày mừng 6 tháng 4 năm Tân Hợi (Dl 30.4.1971))

Kính Hội Thánh Lương Đài: Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện

Kính quý Đại diện Tôn giáo

Kính quý Ngoại giao Đoàn

Kính quý Quan, quý Khách

Kính quý Chức sắc, Chức việc, Đạo hữu lương phái.

Kính tang gia hiếu quyến

Kính quý Liệt vị

Hôm nay, ngày mừng 6 tháng 4 Tân Hợi (30.4.1961) Thánh Lễ liên đài Đức Thượng Sanh nhập Bửu Tháp được cử hành vô cùng trang nghiêm, trọng thể.

Nhân danh Đâu Sư Chưởng Quản Cửu Trùng Đài Nam Phái thay mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài tôi xin nghiêng mình bái kính trước Liên đài Đức Ngài và có đôi hàng thành tâm ai điệu chia buồn cùng tang quyến và để tiễn đưa Đức Ngài qui hồi Tiên Cảnh.

Hỡi ôi!!

*Biển Phật mưa tuông!
Non Tiên gió thoảng!
Cuộc dương thế sanh sanh, hoá hoá
Kiếp trần gian hiệp hiệp, tan tan
Đò Tào Hoá rước đưa người quá vội
Ôi! Cảnh biệt ly chi xiết nỗi sầu tư,
Tình đồng đạo biết bao niềm thống thiết
Nhớ Linh xưa*

Đức Thượng Sanh thế danh Cao Hoài Sang, gia đình nề nếp, tánh đức hiền lương lòng công bình trên dưới ngợi khen, tâm chánh trực thi nhân đều sùng kính.

Khi gặp buổi sanh linh đồ thán, cảnh nước nhà điêu đứng khuynh nguy, lòng Đức Ngài cương quyết chọn đường đi, theo nẻo Đạo, quên thế đời vật chất

Với thiên tính thiên lương, ôn hoà, đức độ.

– Lòng thương Đời như bể rộng, ái vật tợ sông sâu, nuôi chí lớn nguyện bắt cầu cứu nhân độ thế.

– Đêm ít ngủ, ngày chẳng buồn ăn, những tìm phương cứu nước, giúp dân, lòng mong mỗi giải nạn Sanh chúng.

– Hoài bão lớn, lý tưởng cao siêu, nhưng ngặt nỗi không cơ thực hiện.

– Nổi đau cắt ruột

– Niềm ái rạt rào

Bóng thời gian chớp nhoáng qua mau

– Tâm sự vẫn ủ màu chua xót

Năm Ất Sửu (1925) hiệp cùng Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm chung lập Đoàn cơ, quyết cầu Tiên học hỏi

đường tu, hầu cứu vớt Nhơn Sanh qua bờ Bỉ Nhạn.

Việc làm tuy không dễ, nhưng xuất phát bởi chí thành, nên đã trùng hợp với Thiên ý thuận với Thiên cơ, Đức Chí Tôn liền giao phó trọng trách hoằng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lo cứu vớt 92 ức Nguyên nhân qui hồi cựu vị

Thế rồi, trong các Đàn Cơ kế tiếp, Đức Ngài được Thiên Phong phẩm Thượng Sanh, Chương quản Chi Thế Hiệp Thiên Đài, chấp cơ Phổ độ chúng sanh, rồi mãi đến năm Đinh Dậu (1957) Đức Ngài được Hội Thánh mời về cầm giềng mối Đạo, Đức Ngài đã đem hết chí nhiệt thành gìn giữ Đại nghiệp, một phút chẳng lãng xao, lòng quyết dù tròn Thiên mạng. Trái qua bao cảnh biến thiên, Quốc gia gặp hồi gió lốc, Đức Ngài đã lèo lái thuyền từ một cách vững vàng và bảo toàn được con cái Đức Chí Tôn qua những hồi gian truân thử thách. Đức khiêm tốn của Đức Ngài sáng ngời như Nhật nguyệt, khi thành công không tự mãn, lúc trở ngại chẳng sờn lòng, một mực chí kiên tâm trước sau như nhất.

- ▣ Vì Đạo Thầy hiến trọn thân tâm
- ▣ Dù thịt nát xương tan chẳng ngại
- ▣ Mười lăm năm lận đận lao đao
- ▣ Chịu trăm đắng ngàn cay không đổi
- ▣ Lời thị phi gác bỏ ngoài tai
- ▣ Tiếng phải trái không màng bày giải

Từ đây nơi cửa Đạo tuy vắng bóng Đức Ngài, nhưng bước Đạo nguyện xin có Thánh tay Ngài dìu dắt, chiết thuyền từ thuận gió lướt giòng khơi, nên Đại Đạo sớm hoằng khai khắp trong bốn bể.

Giờ đây!

- ▣ Mây phủ trắng lờ, sao sa đêm tối

- Kinh Bạch Ngọc Ngài về chốn cũ
- Giấc chiêm bao vắng bóng ngàn năm
- Chốn hồng trần Đổng Đạo còn đây
- Sầu ly biệt chia lòng trăm mối
- Đường biên Đạo xin Đức Ngài chỉ lối
- Dịu dần em vững bước, trọn niềm tin
- Lo lập Đức hồi công để trở về ngôi vị cũ

Thật trước cảnh này, âm dương lưỡng lộ, Tiên Tục đôi đường, nảo nùng thay Toàn Đạo thở than, thống thiết bấy tít đồ tang chế.

- Người tuy mất, nhưng phương danh không mất.
 - Xác dù tan nhưng chí cả không tan
 - Máy Đạo còn, Đại Đạo vẫn còn
 - Xin bảo hộ cơ nghiệp này bền vững
 - Nguyên lĩnh hồn an bước Tiên du
 - Châu Để Khuyết nghìn thu toại hưởng
- Hỡi ôi! thương thay! Tiếc thay!
Hiển linh chứng chiếu!

Chưởng quản Hội Thánh Cửu Trùng Đài Nam Phái

Đầu sư

Thượng Sáng Thanh

5. HUẤN TỪ CỦA ĐỨC THƯỢNG SANH

*Nhân ngày ĐH Chúc sắc Hiền tài Ban Thế Đạo
bầu cử Ban Quản Nhiệm Trung Ương*

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước
Thiện

Chư quý Hiền tài Ban Thế Đạo

Hôm nay đại hội Ban Thế Đạo đã bầu xong Ban Quản

Nhiệm trung ương đầu tiên, chư quý Hiền tài đã lấy công tâm để chọn cử những người xứng đáng ra gánh vác trọng trách điều hành công việc của Ban Thế Đạo.

Chư quý vị đã được sự tín nhiệm của các bạn Chưc sắc Ban Thế Đạo, đó là một sự đáng mừng, đáng mừng là vì sự tín nhiệm đó căn cứ vào khả năng và tài đức của quý vị.

Quý vị chịu lãnh trọng trách của Đại hội giao phó, tức là đã tự biết mình đủ sức làm tròn nhiệm vụ theo như ý mong mỏi của các bạn trong Ban Thế Đạo.

Phương chi, quý vị có đủ tài, lại có thiện chí để phụng sự cho Đạo và cho Đời, thì sự biểu quyết của Đại hội Ban Thế Đạo hôm nay là một sự chọn lựa đúng chỗ và thắng lợi của quý vị là một dịp cho quý vị thi thố sức học và sở trường để nâng cao phẩm giá của Ban Thế Đạo và làm rạng danh cho các bạn Hiền tài.

Đó là điều quan trọng mà quý vị nên để ý, là vận hội đã đến kịp lúc cho mình nắm vào ta con đường lập vị đã vạch sẵn và sở nguyện lấy Đạo nâng cao đời sống tinh thần đã thoả mãn thì còn có dịp nào may mắn hơn nữa?

Đức Khổng Phu Tử có nói: *“Đừng lo mình không có tước vị, chỉ lo có tài đức để đứng vào vị trí ấy, đừng lo không ai biết mình, miễn mình được giỏi đủ cho người ta biết đến”* (bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập, bất hoạn mạc kỹ tri, cầu vi khả tri giả).

Hôm nay, Ban Quản Nhiệm Trung ương đã được bầu cử xong, quý vị vừa đắc cử chỉ còn có tuyển chọn các nhơn viên khác trong Ban này rồi thì bắt tay vào công việc.

Toàn đạo đều trông mong công quả của Ban Quản Nhiệm Trung ương, chư vị Hiền tài chờ đợi góp ý kiến xây dựng, nhứt là Hội Thánh mong mỗi Ban Thế Đạo ra thiết

tướng để nhờ sự giúp sức tô điểm tô nghiệp Đạo.

Thế thì bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu mong ước đều hướng về Ban Quản Nhiệm Trung ương. Quý vị lãnh đạo Ban Quản Nhiệm nên thận trọng, nên làm thế nào cho cái hy vọng đó không đến nỗi hoá thành thất vọng.

Quý vị phải đi đến mức thành công, Ban Thế Đạo phải có một vai tuồng quan trọng trong thời kỳ chuyển thế này, chớ không phải chỉ có cái danh suông và những lời nói suông được.

Nhưng quý vị nên ý thức xưa nay trong mọi việc không có sự thành công nào được thực hiện nếu người trong cuộc thiếu sự bền chí và không phí dụng một công trình khó nhọc tới tay. Người muốn lập thân hành đạo phải dám hy sinh phải tận tụy với số mạng, ham nghĩa bỏ lợi, dĩ công phế tư. Đó là những điều cần yếu giúp cho chúng ta san bằng những khó khăn để đi đến thành quả tốt đẹp.

Chiếm lấy một địa vị để mưu cầu danh lợi cá nhân hoặc để có dịp phô trương tên tuổi, lên mặt với thiên hạ, đó là chuyện quá thông thường ngoài mặt đời, chúng ta không cần phải suy luận nhiều.

Trong Đạo thì khác hẳn, chúng ta đã có sẵn tôn chỉ giải khổ lâm nguy để làm nền tảng dìu dắt sanh linh lánh vòng nghiệp chướng thì người quyết cùng với Đạo. Khi đảm nhận một địa vị không phải là để thụ hưởng một danh vọng hoặc một quyền lợi nào mà chỉ tự buộc vào mình một mối lo âu, một sự cực nhọc mà phải vui thân với sự cực nhọc đó cho tới ngày làm xong nhiệm vụ.

Muốn làm xong nhiệm vụ cần phải rèn luyện một tinh thần cao đẹp và một ý chí cứng rắn thể theo yêu cầu “*Quân tử tuân Đạo nhi hành*” của Khổng Giáo.

Trong việc tu luyện ý chí, có 4 điều nên thực hành:

- Thấy việc nghĩa nhưt định làm
- Tha thiết với hoài bão của mình
- Tìm mọi biện pháp để thực hiện
- Bền tâm thực hiện cho được hoài bão đó không quản gian lao khó nhọc.

Thành thử có điều mình không làm, nhưng đã quyết làm mà chưa làm hoàn tất thì không chịu bỏ dở. Người ta ra công một lần mà thành việc, mình đâu phải ra công 10 lần cũng phải đeo đuổi mãi cho đến khi thành đạt mới chịu thôi.

Các bậc hiền thời xưa đều là những nhơn vật xuất thân trong hạng bình dân áo vải nhưng nhờ có kinh luân xuất chúng và ý chí cương quyết mà tạo nên thời thế, giúp ích cho giang sơn lưu lại danh thơm cho đời sau ca tụng. Trong giai đoạn hiện tại, với khuynh hướng “*Suy hiền cử năng*”, Hội Thánh mở rộng trường thi công quả tuyển chọn nhơn tài, trước là quyết cầu hiền giúp nên cho Đạo, sau là tạo cơ hội thuận tiện cho những bậc nguyên nhơn lập vị xứng đáng hầu tránh vòng đoạ lạc, đợi lúc qui hồi nguyên bản nơi Thiên liêng.

Ước mong Ban Quản Nhiệm Trung Ương thành công mỹ mãn để đem thắng lợi về cho nền Đại Đạo, Hội Thánh cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn cho toàn thể các bạn Hiền tài Ban Thế Đạo.

Nay kính.

*Toà Thánh, ngày 24 tháng 3 Mậu Thân
(dl 21-4-1968)*

Thượng Sanh

Chương Quản Hiệp Thiên Đài

(Ấn ký)

6. HUẤN TỬ

Lễ tân phong hiền tài tại Đền Thánh ngày
mùng 8 tháng 2 canh tuất (dl 25.03.1970)

Kính Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước
Thiện.

- Quý quan khách
- Chư chức sắc và đạo hữu nam nữ
- Quý Hiền tài Ban Thế Đạo

Trước hết nhơn danh Chương quản Hiệp Thiên Đài, tôi xin để lời chào quý quan khách và toàn thể chức sắc Ban Thế Đạo, trong đó có quý vị Hiền tài mới được chấp nhận trong niên khoá Kỷ Dậu và hôm nay hiện diện trong buổi lễ tấn phong, cũng là buổi lễ để quý vị trình diễn với Hội Thánh đặng thọ lãnh phẩm vị Hiền tài.

Thưa quý vị,

Nho học có câu: “*Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã*” có nghĩa: lập thân hành đạo để tiếng lại đời sau, làm cho rạng chói danh thơm đến cha mẹ, đó là trọn đạo hiếu vậy.

Hai chữ hành đạo đây nói về đạo làm người bao hàm các bốn phạm đối với gia đình, đối với xã hội và đối với quê hương đất nước.

Sanh ra nơi trần thế, người hữu học có công thập niên đăng hoả, thì ai cũng muốn chen vào trường học, mong chiếm bản vàng hầu lập nên sự nghiệp vẻ vang làm đẹp mặt nở mày cho cha mẹ.

Quý vị Tân Hiền Tài đã có chí hướng như trên là phần

đông đã có địa vị xứng đáng ngoài mặt đời, được kê vào hàng trí thức của xã hội.

Tuy nhiên, làm cho tròn bốn phận làm người tức là hơn đạo, chẳng phải là một việc dễ, ai cũng có thể làm được.

Theo trào lưu tiến bộ của văn minh vật chất hiện tại nhưt là trước hiểm hoạ của làn sóng vô thần quá khích, con người dù là hạng trí thức, dễ bị lôi cuốn vào cảnh bê tha truy lạc, hoặc bị đưa đẩy vào dòng lợi danh đen tối, làm tôi tớ cho thế lực kim tiền, bán rẻ lương tâm, không còn kể nghĩa nhân và lễ phải nữa.

Chủ nghĩa duy vật đã lan tràn khắp trên đất nước và đầu độc hết chín phần mười dân tộc Việt Nam, nên luân lý cổ truyền đã đổ vỡ, người ta đã vứt bỏ hết mọi căn bản đạo đức và họ đã chơi với luân lạc trong đêm dài mờ mịt, chỉ vì đời sống của họ thiếu hẳn quân bình giữa vật chất và tinh thần, tức là thiếu luồng điện hoà hợp, thiếu cái biết trí tri của tâm linh hay là ánh sáng dẫn đến trực giác.

Mặc dù quý vị có học thức hay được sinh trưởng trong gia đình đạo đức thuần tuý mà quý vị không tu thân khắc kỷ thì trên bước đời chông gai hiểm trở, quý vị không thể tránh khỏi những cạm bẫy do thất tình lục dục luôn luôn đặt dưới chơn quý vị.

Nho giáo dạy rằng: *“Mục đích của loài người là tu thân theo tiếng gọi của lương tâm, tiến tới hoàn thiện để kết hợp với Thượng Đế và giáo hoá người khác được hoàn thiện như mình. Vì vậy từ bậc vua chúa cho đến thứ dân, ai cũng lấy sự sửa mình làm gốc (Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhưt thị giai dĩ tu thân vi bản).*

Không thực hành cái định luật này, con người chỉ là con người của vật chất, quá tầm thường sanh ra để gây rối

cho gia đình và cho xã hội.

Thế nào gọi là tu thân? Tu thân là đem trật tự lại trong con người, sửa ngay ngắn lại những gì chệnh lệch, chấn chỉnh lại những gì gian tà, đổi ra thành thật những gì giả dối.

Để hoàn thành những công việc đó, Đức Khổng Tử khuyên phải triệt để thực hiện tuần tự những điều mục: Thành ý, Chánh tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc Bình thiên hạ.

Quý vị may duyên sanh nhằm thời trên đất nước được có nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Đấng Chí Tôn Thượng Đế khai sáng với tôn chỉ tận độ chúng sanh, cứu vớt 92 ức nguyên nhân đọa trần thoát vòng khổ hải.

Mở rộng trường thi công quả để tiếp đón nhơn tài, Hội Thánh chỉ mong ước cho quý vị thấm nhuần đạo đức, lập chí tu thân, trước là do tròn bổn phận làm người, sau nữa có thể thi thố tài năng giúp Đời trợ Đạo tùy theo địa vị và hoàn cảnh của mỗi người.

Một đấng Hiền tài là một nhơn vật có phẩm giá đặc biệt, đầy đủ đức độ và chân tài.

Cái tài là do sự học mà có, cái đức thì do lập chí tu thân theo Đạo Thánh hiền mà được.

Nên có tài mà không có đức thì cũng như đoá hoa có sắc mà không hương, cái tài đó cũng không phải là tài hữu dụng.

Thời xưa, Nho học sắp những bậc hiền nhân vào hạng người quân tử, tức là hạng người có đức hạnh tôn quý, trọng nghĩa ái nhân.

Những ông Hiền được đời kính nể mến phục vì những đấng ấy có tư tưởng cao siêu, hành vi xuất chúng, lúc nào cũng cứ ngay thẳng mà làm điều lành, điều phải không vì tư tâm tư lợi mà hại đạo lý, Giàu sang không thể nào cho đáng

được cái lòng của mình, nghèo hèn không thể làm cho đổi được cái chí của mình, uy quyền võ lực không thể làm cho khuất được cái khí của mình (Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, Uy võ bất năng khuất).

Lúc nào bậc Hiền nhân cũng không tự dối với mình và dối với thiên hạ, cho nên ngưỡng lên không xấu với Trời, cúi xuống không hèn với người, cùng khổ không mất nghĩa, hiển đạt không lia Đạo (Ngưỡng bát quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân; cùng bất thất nghĩa, đạt bất ly đạo).

Khi đắc vận một đấng minh quân thỉnh cầu ra giúp nước thì đem cái ân rải khắp muôn dân, làm cho nhà an nước trị. Nếu không gặp thời thì thà chịu mai một, sống đời ẩn dật, vui thú lâm tuyền bạn với gió Trăng, thi gan cùng Tuế Nguyệt, chớ không màn đến danh lợi đen tối.

Vì vậy, chúng ta mới được thưởng thức những câu thơ xưa bất hủ, như:

*Triền cao hang thẳm, hiền mai tích
Sưởi lặng khe êm, khách chịu nhàn.*

Hoặc:

*Nghêu ngao vui thú yên hà
Mai là bạn cũ hạc là người quen*

Các bậc Hiền thời xưa được có cái tiết tháo như vậy là nhờ biết phân biệt cái tước của Trời cho và cái tước của người cho.

Nhân nghĩa, trung tín, vui làm điều lành không mỗi là cái tước của Trời cho, tức là Thiên tước, công danh đại phu là cái tước của người cho, tức là nhơn tước.

Người xưa lo sửa cái Thiên tước thì cái nhơn tước theo sau và được bền bỉ. Người đời nay chỉ loè mình có cái Thiên

tước để cầu lấy cái nhơn tước, khi đã được cái nhơn tước rồi thì dẹp bỏ cái Thiên tước không nói đến nữa. Như thế thì thật là quá nông nổi, vì rốt cuộc thành ra mất hết, cái nhơn tước cũng không giữ được bao lâu!

Thưa quý vị,

Mở rộng cửa Ban Thế Đạo, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài do theo nhả ý của Đức Hộ Pháp, ban phẩm Hiền tài cho những bậc hữu học để khích lệ hạng trí thức nhập vào trường công quả hầu có dịp tiến đức tu nhân theo chí hướng của mình

Mặc dù còn vướng bận vai tuồng thế sự, hoặc là sinh viên còn ở trong ngưỡng cửa Đại học, quý vị đã có sẵn tinh thần đạo đức, nên có nguyện vọng bước lên địa vị Hiền tài để đem khả năng phục vụ cho nền chánh giáo.

Giờ này nguyện vọng của quý vị đã được thoả mãn, lẽ dĩ nhiên Hội Thánh có phận sự dìu dắt và giúp sức quý vị thực hành nhiệm vụ đối với Đạo mỗi khi cần đến.

Thật ra, sự giúp Đạo của quý vị không có tánh cách bắt buộc, Hội Thánh để cho quý vị thư thả liệu định, tùy cơ hội, tùy dịp may mà thực hành.

Điều cần thiết là từ đây quý vị đã chánh thức là Chức sắc Ban Thế Đạo Toà Thánh Tây Ninh, quý vị nên để công học đạo, trau dồi hạnh đức, tu luyện tánh tình để có thể tiêu biểu cho cái chân giá trị của phẩm vị Hiền tài, và để khi gặp cơn bất trắc, quý vị có đủ sáng suốt mà đối phó với mọi trường hợp, nhứt là gìn giữ thân danh được toàn vẹn.

Là chức sắc Hiệp Thiên Đài, chúng tôi cần có thật nhiều bậc nhơn tài để làm bạn đồng chí, giúp sức với chúng tôi trong công việc thức tỉnh nhơn tâm quay về với thiên lương và đạo đức.

Chư quý vị là những bạn đồng chí đó, chính quý vị là những gạch nối liền làm cho Đạo Đời tương đắc, tạo cảnh thuận tiện cho Chức sắc Hành chánh Đạo nêu cao ngọn cờ cứu khổ khắp trên đất nước.

Nếu quý vị thành công, quý vị sẽ tạo nên một sự nghiệp tinh thần quý báu, có thể đưa quý vị tới địa vị xứng đáng trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đó là điều mong ước của Hội Thánh.

Nhơn buổi lễ tân phong hôm nay, đại diện Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, tôi xin để lời mừng cho quý vị tân Hiền tài và cầu chúc cho toàn thể Chức sắc nam nữ Ban Thế Đạo được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

Toà Thánh, ngày mừng 8 tháng 2 Canh Tuất

(dl 15.3.1970)

Thượng Sanh

Chương quản Hiệp Thiên Đài

(ấn ký)

7. PHƯƠNG PHÁP TU THÂN VỚI THUYẾT TAM LẬP

Theo Kinh Dịch và Trung Dung thì Trời là Đấng cao trọng nhất, sinh ra quần linh vạn vật, biến hoá âm dương mà tạo thành vũ trụ. Đó là Đấng hoàn hảo tột bậc rất thiêng liêng, vô hình ảnh nhưng hành động không ngừng, tự diễn xuất bằng những hiện tượng, bành trướng rất sâu xa, huyền diệu, cao thâm sáng suốt, nâng đỡ và chở che cho muôn loài vật.

Thật không hiện mà rõ, không động mà biến hoá vô cùng, không làm mà nên việc. nhờ đó bốn mùa thay đổi,

muôn vật sanh sản, vô trụ trường tồn.

Đấng hoàn hảo đó là Trời, là Đấng Thượng Đế Đức Khổng Tử nói rằng Đấng Thượng Đế ngự trị trong tâm của mọi người dưới hình thức lương tâm. Đạo làm người là noi theo Trời tức là tâm linh đó, Tôn giáo là phương pháp thi hành Đạo đó, tức là: Thiên mạng chi, vị tính, suất tính chi vị Đạo, tu Đạo chi vị Giáo.

Hiển mối tương quan giữa Trời và người trong tâm hồn, Ngài liền thấy ý nghĩa và mục đích của đời người.

Mục đích ấy là tu thân, nghe theo tiếng của lương tâm tiến tới hoàn thiện để kết hợp với Trời và giáo hoá người khác trở nên hoàn thiện như mình.

Vì vậy việc tu thân rất cần thiết cho mỗi người sống trong xã hội.

Sách Đại Học có nói: *“Tự nhiên tử dĩ chí ư thứ dân nhứt thi giai dĩ tu thân vi bản”*, nghĩa là từ bậc vua chúa cho đến thứ dân ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc.

Trong việc tu thân, sách Đại Học vạch ra bốn công tác rõ rệt là: chính tâm, thành ý, cách vật, trí tri. Muốn tự sửa mình trước phải giữ lòng dạ cho ngay thẳng, muốn giữ lòng dạ ngay thẳng trước phải luyện ý mình thành thật, muốn cho ý mình thành thật, trước phải có kiến thức chu đáo, và muốn có kiến thức chu đáo phải học và tìm biết suốt tới chỗ huyền thâm của sự vật.

Khi đã trí tri và cách vật, khi đã có ý thành và tâm chánh tức là đã xúc tiến đến việc tu thân. Thân đã tu nhiên hậu mới có thể tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Vậy sự tu thân chẳng những là cần thiết cho đời mình mà còn rất quan hệ đến việc tấn hoá của quốc gia và xã hội.

Hai chữ “*tu thân*” không phải chỉ có một ý nghĩa tiêu cực là sửa trị vết xấu mà là bao hàm một chương trình rộng rãi trau dồi tài đức. Tu thân cũng không phải chỉ có một quan niệm hoàn toàn về cá nhân, vì phép tắc đối với mình tức là “*xử kỷ*” phải luôn luôn đi kèm với phép tắc đối với người việc tức là “*tiến vật*”.

Muốn được hoàn hảo trong việc xử lý và tiến vật, con người cần phải thực hành phép tam lập, tức là Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn.

SAO GỌI LÀ LẬP ĐỨC

Thế theo triết học Nho giáo, Đạo Trời gồm có bốn đức là Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh, tức là bốn lý pháp mẫu nhiệm làm cho cơ sinh hoá vạn vật được điều hoà và thành tựu với tất cả những tốt đẹp thuần túy thiên nhiên.

Đạo người cũng có bốn đức là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí cũng có công dụng và đặc tính y như bốn đức Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh của Đấng Tạo Hoá.

☛ **ĐỨC NHÂN:** Bởi cái đức lớn của Trời là sự sinh thì đạo làm người phải theo đạo Trời mà bồi dưỡng sự sinh.

Cái đức làm cho ta yêu người, yêu vật, muốn cho vạn vật các đặc kỳ sở đó là Đức Nhân vậy.

Cái lòng yêu đó biểu lộ tự nhiên theo tiếng gọi của lương tâm, không có miễn cưỡng chút nào mà cũng không do ai xúi giục.

Chữ nhân đem ra ứng dụng vào đời sống thì nó gồm tất cả nghĩa vụ làm người, nên thầy Mạnh Tử nói nhân là đạo làm người vậy.

Thực hành chữ nhân tức là áp dụng Thiên lý vào đời

sống thực tế.

Muốn làm điều nhân, người ta phải giữ lòng ngay thẳng, chẳng cho tư dục xen vào tâm, để cho nguồn Thiên lý ở trong tâm ung dung phát triển rồi ta cứ theo tiếng nói thiêng liêng đó mà làm cho hết sức mình.

Theo tình cảm, trước hết ta phải thương những người thân cận như là cha, mẹ, anh, em và người trong gia tộc. Thứ nữa ta phải nói rộng tình thương tới cả nhân loại, vì đức nhân là tiêu chuẩn của lòng từ ái và tính vị tha, không thể khép vào một chỗ chật hẹp được.

Thấy Mạnh Tử có quan niệm là lòng nhân ái ví như cái hoa của đời sống, sự sinh tồn thiết thực là tình thương tràn trề sung mãn. Nếu lòng nhân ái không được nở nang đầy đủ thì nó như cái hoa héo trước khi nở.

Tóm lại người có lòng nhân phải trang nghiêm, phải có ý chí bền bỉ, không làm cho ai điều mình không muốn người làm cho mình, khiêm nhượng, khoan hồng, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người, thương yêu mọi người và mong cải tạo xã hội. Ngoài ra phải biết xét mình, biết so sánh mình với người, phải noi theo những phong tục tập quán tốt, những lễ nghi đương thời.

Xưa Đức Khổng Tử vì khiêm tốn mà nói rằng: ta đâu dám sánh mình với bậc Thánh, bậc Nhân (Nhược Thánh dữ nhân tắc ngô khởi cảm)

☉ **ĐỨC NGHĨA:** Đức Nghĩa là cử chỉ tác động theo đạo lý, theo lòng nhân nâng cao giá trị con người. Giúp đỡ người nghèo đói, cứu vớt một kẻ té sông, chia sẻ thống khổ của người già cả tật bệnh, đó là làm điều nghĩa.

Con người ai cũng có cái tánh yêu điều nghĩa, song không làm được điều nghĩa là tại cái lợi làm hỏng vậy. Người

quân tử vẫn chủ tâm lấy cái nghĩa làm trọng hơn cái lợi. Theo các bậc hiền triết Nho giáo, nếu biết kiến lòng háo nghĩa thắng được lòng dục lợi thì thành ra điều hay, mà để lòng dục lợi đè được lòng háo nghĩa thì thành ra điều dở. Và nghĩa thắng được lợi thì đời trị, lợi đè được nghĩa là đời loạn (Nghĩa thắng lợi giã di trị thế, lợi khắc nghĩa giã di loạn thế).

Cho nên Nho học khuyên: “*Tiên nghĩa nhi hậu lợi*” tức là phải làm nghĩa trước rồi sau sẽ cầu lợi, đó là điều chính đáng vậy.

➤ **ĐỨC LỄ:** Chữ Lễ chẳng phải để dùng để nói về việc thờ phụng, cúng tế theo tôn giáo. Lễ cũng nói gồm cả những qui cũ mà phong tục và tập quán của nhơn quần xã hội đã thừa nhận như Quan, Hôn, Tang, Tế,... Lễ cũng dùng để khiến sự hành vi của người ta cho có chừng mực và hợp với đạo lý, và nếu không có lễ thì mọi việc trên đời đều hỏng vì rối loạn.

Cho nên Đức Khổng Tử dạy bảo Thầy Nhan Uyên rằng: Không phải lễ thì chớ trông, không phải lễ thì chớ nghe, không phải lễ thì chớ nói, không phải lễ thì chớ làm (Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động).

Ngoài ra lễ còn có hiệu lực định lễ phải trái, tình thân sư và trật tự trên dưới cho phân minh. Trong xã hội có vua tôi, thầy trò, cha con, chồng vợ, có người thân kẻ sơ, có việc phải việc trái, cho nên phải có lễ để phân biệt tôn ti, khiến người ta biết cư xử với nhau cho phải đạo, phân ra trật tự làm cho vạn vật không có điều chi hồ đồ hỗn độn.

Lễ để ngừa sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ cho nước không đến được. Người giàu sang biết lễ thì không bạo ngược, kiêu căng; người bản tiện biết lễ thì không nản chí, không làm bậy. Bậc vua chúa biết lễ thì mới biết cách

trị nước an dân.

Bởi vậy các đấng đế vương đời trước sở dĩ trị được thiên hạ là vì hiểu rõ thi dực của người ta, nên mới đặt ra lễ và nghĩa để phân biệt được cái lợi, cái hại, để trị thất tình, là hỉ, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục và sửa thập nghĩa là phụ từ, tử hiếu, huynh lương, đệ đễ, phu nghĩa, phụ thính, trưởng huệ, ấu thuân, quân nhân, thần trung, đem sự hoà thuận, chuộng sự nhân nhượng, bỏ sự tranh cướp.

Trên thế gian con người chỉ biết được cái đã có rồi, không biết được cái sắp có. Lễ ra, để can ngăn trước việc chưa xảy ra, pháp luật là để trị việc đã có rồi.

Bởi vậy thánh Nhân chỉ trọng lễ chứ không trọng hình.

➔ **ĐỨC TRÍ:** Trí là một đức tính giúp chúng ta phân biệt điều lành lẽ dữ, điều chánh lẽ tà.

Người trí khôn luôn theo đường đạo đức, tránh kẻ vạ tà, gần người lương thiện để nâng cao giá trị mình trên đường xử kỷ tiếp vật.

Đề cập đến cách luyện trí, Đức Khổng Tử dạy ba điều:

1. Luyện trí bằng cách học hỏi người đời nay
2. Bằng cách khảo cổ (học theo gương thánh hiền thời xưa)
3. Bằng cách trầm tư mặc tưởng để định trí an thân, tìm cho ra chơn lý.

Nhờ có học hỏi con người mới được trí minh mẫn, thấy xa hiểu rộng. Trong sự học hỏi phải có chí thành, cương quyết, không vì thấy khó mà bỏ dở nửa chừng.

Có điều mình chẳng học, nhưng học mà chẳng thành công thì không thôi; có điều mình chẳng hỏi nhưng hỏi mà không thông suốt thì không bao giờ chịu, có điều mình chẳng

suy nghĩ, nhưng suy nghĩ mà không vỡ lẽ thì suy nghĩ mãi.

Có bền chí như vậy sự học mới có kết quả khả quan.

Trí được sáng suốt, mình mới tự biết mình và biết người.

Nếu làm người mà mình không tự biết mình thì thật lấy làm thương hại. Biết người biết ta tức là bậc trí giả, không khi nào thất bại trên đường đời cũng như đường đạo.

Thầy Mạnh Tử nói: Cái kết quả chánh đại của đức Trí là sự thực hành rất kiên cố đức Nhân và đức Nghĩa. Vì vậy đức Trí và lòng nhờn ái là hai kho quý báu của người hoàn thiện, là hai đức tính không rời nhau, vì không thể có cái này mà không có cái kia.

Tóm lại, biết được tác dụng của bốn đức căn bản của đạo làm người rồi, chúng ta theo đó mà tập luyện cho hết sức mình. Làm cho nhập tâm hầu áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình.

Nho giáo cho rằng người quân tử cần hợp đủ những đức Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí. Người nào còn thiếu kém về việc thực hành một điều này hay một điều khác trong bốn đức tính căn bản đó thì không xứng đáng là người học Đạo và biết Đạo.

LẬP CÔNG

Lập công là một phương pháp cần thiết trong việc tu kỹ xử thế của con người.

Phép lập công gồm có hai mặt là: Sức khoẻ đầy đủ và tinh thần cứng rắn, đủ nghị lực điều khiển nhục thân tuân hành mạng lệnh của trí não.

Muốn kiện toàn sức khoẻ, phải giữ vệ sinh cho thân mình, phải ăn uống có điều độ, tránh xa tửu sắc làm cho

thân thể con người phải tiêu tụy.

Phải tận lực đánh đổ tật弊 nhác. Làm việc phải siêng năng nhóm lẹ; việc nào đã làm phải làm hết sức chu đáo.

Ở tại gia đình phải gắng sức lập công thì gia đình mới khởi thiếu thốn, tức thực túc y, con cái được bảo dưỡng đầy đủ.

Ra gánh vác việc xã hội, tùy theo địa vị, phải rán lập công cho đúng với nhiệm vụ mình đã nhận lãnh, hoặc y theo lời cam kết của mình.

Chẳng nên thấy sự khó khăn mà bỏ dở nửa chừng hoặc ham lợi nhiều mà làm việc cầu thả, khiến công chuyện bất thành rồi đổ thừa cho điều này lẽ nọ.

Làm như vậy thì thất tín với mình, thất tín với thiên hạ, không còn ai dám tin dùng mình nữa và cả đời mình phải gánh chịu hậu quả, không trông gì làm nên sự nghiệp được.

Khi nhận vào cửa đạo, quyết tu hành, phụng sự cho đạo và cho chúng sanh thì sự lập công là đầu mối việc. Phải lập công rồi sau mới hưởng quả, nên gọi là công quả.

Công quả trong cửa Đạo chia ra hai phần là: Công quả nội và Công quả ngoại.

➔ **CÔNG QUẢ NỘI:** Là phương pháp làm cho mình sáng suốt, hiểu thông rành mạch đạo lý, không còn chỗ nào ngờ vực hầu trau dồi tâm tánh để trở nên người đạo đức hoàn toàn. Phải để công phu học hỏi rồi thực hành tức là áp dụng điều hiểu biết vào đời sống tinh thần, dò đường cho kẻ khác cũng trở nên sáng suốt như mình. Đó là giác tự nhi giác tha.

➔ **CÔNG QUẢ NGOẠI:** Là phụng sự cho Đạo và cho chúng sanh là tùy theo địa vị và khả năng của mình, ra công

xây dựng cho Đạo và giúp ích cho người đạo cũng như người đời, làm cho ai cũng hưởng được cái công quả của mình.

Sự sanh hoạt trong cửa Đạo cũng chẳng khác chi sự sanh hoạt ngoài mặt đời: Kẻ rành về nghề nầy, người chuyên môn về việc khác. Có nghề đòi hỏi sự lao lực, có việc cần nơi sự lao tâm. Lập công quả bằng sự lao tâm hay lao lực đều có giá trị như nhau và hưởng về chủ đích phụng sự cho Đạo và cho chúng sanh.

Trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người tu sĩ nhờ nơi cửa công quả mà lập vị xứng đáng cho mình và hưởng ân huệ thiêng liêng ngày chung cuộc.

LẬP NGÔN

Lập ngôn là trau chuốt lời nói thanh nhã, chơn thật, hiền lành, tỏ ra mình là người có học hay có thẩm nhuần đạo đức.

Muốn thực hành phép lập ngôn, chúng ta phải làm chủ khẩu khí, phải suy nghĩ kỹ trước khi thốt lời thì lời nói mới đoan trang, có mực thước.

Vả lại người ta thường do lời nói để tìm biết tâm chí và trình độ tấn hoá của mình, chúng ta nên cẩn thận, vì một khi thốt lời rồi thì khó lấy lại được.

Về mặt Đạo, lời nói chẳng lành, bất công hoặc có ác ý, làm cho mình mang nghiệp quả (Karma). Nghiệp quả đó gọi là khẩu nghiệp, dầu là nói suông cũng đồng tội như mình có làm việc ở quấy.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: *“Các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh. Thà các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con chỉ nói mà phải mang trọng hình đồng thế”*.

Vậy người tu sĩ cần áp dụng triệt để những điều răn

cấm sau đây:

- Cấm vọng ngữ tức là nói dối
- Cấm lưỡng thiệt, tức là đem chuyện người này thuật lại với kẻ nọ làm cho hai bên xích mích với nhau.
- Cấm ác khẩu, tức là nói lời hung dữ
- Cấm ý ngữ tức dùng lời xảo trá để gạc găm người sa vào tội lỗi.

Đức Khổng Tử có nói: “*Đạo thánh nhi đồ thuyết đức chi khả dĩ*”, nghĩa là nghe chuyện đầu đường nói lại ở cuối đường là tự bỏ cái đức tốt của mình vậy.

Trong xã hội, người ta vì lời nói mà sanh ra việc bất bình, có khi gây ra thù oán có thể đánh giết nhau.

Trong gia đình, vì lời nói mà có khi can thường tan vỡ, cốt nhục chia lìa.

Trong việc trị nước, các vị vua chúa thời xưa thường nghe lời sàm tấu của đám nịnh thần mà quốc gia phải khuyh nguy, cơ đồ nghiêng ngửa. Vì đó có câu: “*Nhất ngôn khả dĩ hưng bang, nhất ngôn khả dĩ tán bang*”.

Lời nói có tầm quan trọng như thế, người đời cũng như người tu sĩ nên cẩn hạnh cẩn ngôn cho lắm.

Nói tóm lại, người quyết chí tu thân, nếu thực hành được phép Tam lập là Lập đức, Lập công và Lập ngôn thì sẽ trở nên hoàn thiện và đáng là một bậc đại hiền trong thiên hạ vậy.

CAO HOÀI SANG

THƯỢNG SANH CAO HOÀI SANG
& THẬP NHỊ BẢO QUÂN
Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG